



# ĐẠI HỌC QUỐC GIA

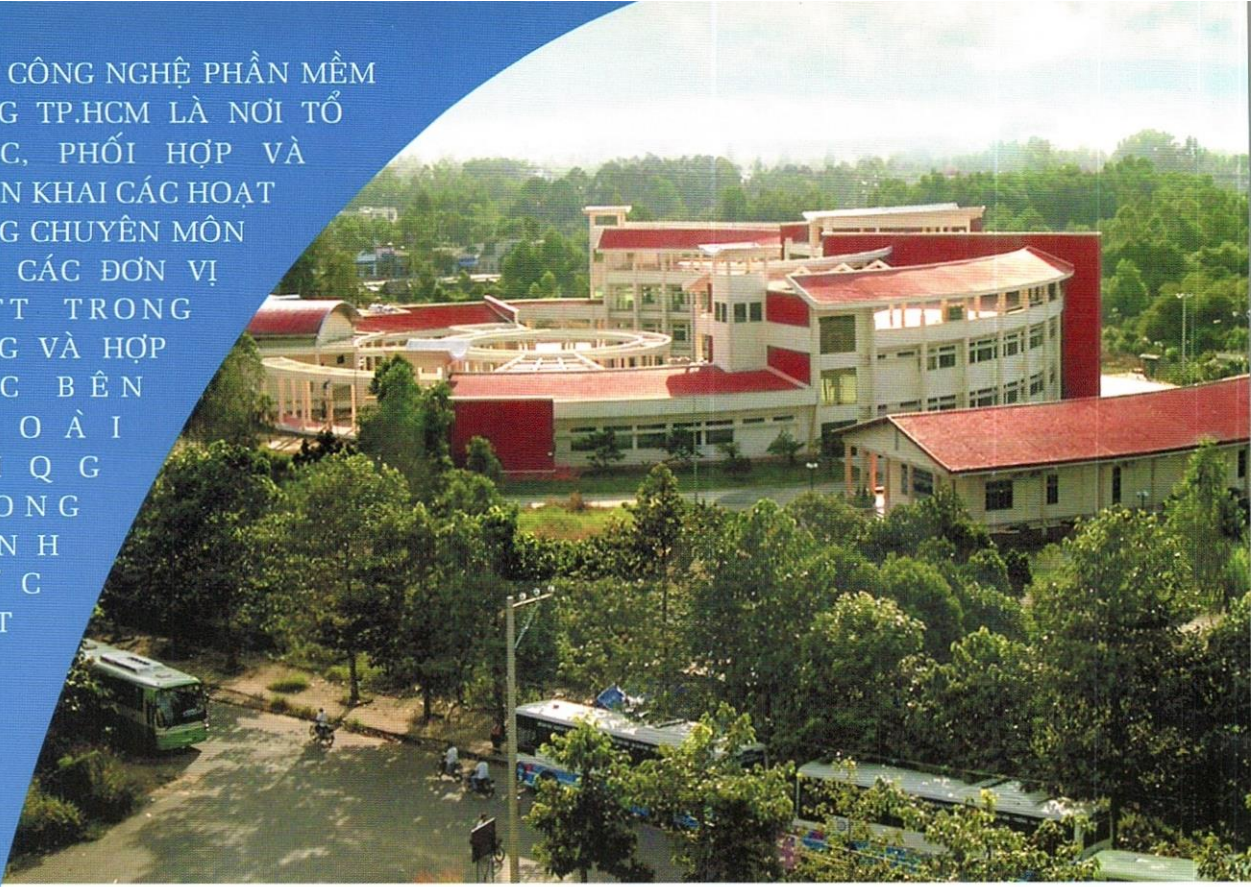
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



## ĐỔI MỚI

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ĐẠI HỌC  
XU HƯỚNG TẤT YẾU ĐỂ HỘI NHẬP

KHU CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM  
ĐHQG TP.HCM LÀ NƠI TỔ  
CHỨC, PHỐI HỢP VÀ  
TRIỂN KHAI CÁC HOẠT  
ĐỘNG CHUYÊN MÔN  
CỦA CÁC ĐƠN VỊ  
CNTT TRONG  
ĐHQG VÀ HỢP  
TÁC BÊN  
NGOÀI  
ĐHQG  
TRONG  
LĨNH  
VỰC  
CNTT



## NƠI HỘI NHẬP CỦA TRI THỨC VÀ CÔNG NGHỆ

### ■ TỔNG QUAN

Khu Công nghệ Phần mềm Đại học Quốc gia TP.HCM, tên giao dịch: VNU-ITP, được thành lập theo Quyết định số 157/QĐ/ĐHQG/TCCB ngày 02 tháng 05 năm 2003 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Triển khai các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Phát triển sản phẩm & dịch vụ CNTT

### ■ CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỤ THỂ

- Tư vấn, xây dựng, quản trị và bảo vệ hệ thống thông tin.
- Nghiên cứu phát triển ứng dụng an ninh mạng.
- Vườn ươm CNTT nơi hỗ trợ các sản phẩm, doanh nghiệp tiềm năng.
- Nghiên cứu, thiết kế, triển khai thực hiện các dự án CNTT.
- Triển khai các Chương trình đào tạo nguồn nhân lực về CNTT:
  - + Đào tạo công nghệ mạng theo tiêu chuẩn của Cisco Networking Academy và Sun Microsystems Education.
  - + Đào tạo và huấn luyện nhân lực phục vụ Đề án tin học hóa quản lý hành chính (đề án 112 - Chính phủ).
  - + Bồi dưỡng kiến thức nâng cao cho các giảng viên về CNTT theo chuẩn quốc tế.
  - + Tổ chức các Hội thảo Khoa học Công nghệ.

# VNU-ITP

**ƯU TIÊN CÁC HOẠT ĐỘNG MANG TÍNH CHẤT  
HỢP TÁC GIỮA ĐHQG-HCM, VÀ CÁC ĐƠN VỊ  
NGHIÊN CỨU SẢN XUẤT KHÁC.**



TRONG SỐ NÀY

TỔNG BIÊN TẬP:

**PGS.TS. Nguyễn Quang Điền**

TỔ CHỨC BẢN THẢO:

**TS. Nguyễn Khắc Cảnh**

ĐT: 7242181-1355

**Th.S. Nguyễn Thị Minh Lan**

ĐT: 7242181-1351

TRÌNH BÀY:

**Đặng Đức Lợi**

\* **Bài vở, thư từ xin gửi về:**

Phòng 426, Nhà điều hành

ĐHQG-HCM, Khu phố 6,

Phường Linh Trung,

Quận Thủ Đức, TP.HCM.

**Điện thoại:**

7242181-1351

**Email:**

bantindhcg@nuhcm.edu.vn

**Website:**

www.nuhcm.edu.vn

\* Bản tin ĐHQG TP.HCM.

Giấy phép xuất bản

số 2900/BC-GPXB do Bộ VH,TT

cấp ngày 29-9-1997

- \* Các chương trình liên kết đào tạo có yếu tố nước ngoài trong Đại học Quốc gia TP.HCM 4
- \* Báo cáo sơ kết 3 năm phong trào đảm việc trường- giỏi việc nhà của tập thể nữ ĐHQG-TP.HCM (2005-2007) 7
- \* Nghĩ về Thầy CTV 10
- \* PGS.TS Trần Thị Hồng: "Tôi gắn bó với sự nghiệp trồng người như một cái duyên..." Việt Hoa 12
- \* ThS. Trần Cao Bội Ngọc:  
Luôn cố gắng hết mình trên mọi cương vị Ngọc Trâm 14
- \* Đại học Quốc gia TP.HCM với khả năng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho các tỉnh Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam 15
- \* Các hệ thống xếp hạng trường đại học (University Rankings) phổ biến trên thế giới TS. Vũ Thị Phương Anh 18
- \* Bảo tàng nhân văn trong định hướng xây dựng hệ thống bảo tàng ĐHQG TP.HCM Phạm Đức Mạnh 22
- \* Khoa Ngữ văn Anh- Trường ĐHKHXH&NV- ĐHQG TP.HCM: Tự tin với hướng đi mới Ngọc Trâm 26
- \* Phương pháp tình huống trong đào tạo Cao học QTKD Nguyễn Thị Mai Trang 28
- \* Đổi mới phương pháp giảng dạy đại học xu hướng tất yếu để hội nhập Thanh Trúc 32
- \* Đại học Bách khoa TP.HCM nơi chất xám được săn lùng Diệu Hằng 34
- \* Dương Thị Anh Thư-  
Gương mặt sinh viên xuất sắc CTV 35
- \* Trang tin 37

# CÁC CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TRONG ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM

Ban Quan hệ Quốc tế



TRONG NHỮNG NĂM QUA, THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, ĐHQG-HCM CÙNG VỚI CÁC TRƯỜNG THÀNH VIÊN ĐÃ MỞ RỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THỨC HỢP TÁC QUỐC TẾ, LIÊN KẾT ĐÀO TẠO.

## TỔNG KẾT GIAI ĐOẠN 1998 - 2007

Từ năm 1998 đến nay, trong ĐHQG-HCM có 35 chương trình liên kết đào tạo có yếu tố nước ngoài, trong đó có 2 chương trình đã kết thúc, 10 chương trình liên kết đào tạo SDH, 23 chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học (Phụ lục 1). Các chương trình chủ yếu liên kết với Úc (14 chương trình) còn lại rải ra là liên kết với các đại học Hoa Kỳ, Đức, Hà Lan, Bỉ, Pháp, Trung Quốc, v.v... Một số chương trình đã kết thúc và có ảnh hưởng rất tốt đến công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ như chương trình SAV (Swiss - AIT - VN), EMMC (ĐH Liegè - Bỉ).

Gần 2000 sinh viên đã và đang được đào tạo tại các chương trình liên kết, công tác tuyển sinh được thực hiện bằng các hình thức:

- Xét tuyển
- Thi tuyển
- Chương trình đào tạo: các chương trình đào tạo

do đối tác nước ngoài cấp bằng nên chương trình là của các cơ sở đào tạo nước ngoài. Riêng một số chương trình liên kết 2+2 với Úc của Trường ĐHBK thì chương trình 2 năm đầu học tại Việt Nam là chương trình của Trường ĐHBK.

- Hình thức đào tạo: phổ biến là các chương trình đào tạo đại học thực hiện theo mô hình 2+2 (2 năm học ở Việt Nam, 2 năm học ở nước ngoài), các chương trình SDH 1+1.

- Giáo viên tham gia giảng dạy: Thời gian học tại Việt Nam chủ yếu do giáo viên VN đảm nhận, thời gian học tại nước ngoài do giáo viên nước ngoài đảm nhận. Các chương trình liên kết đào tạo SDH chủ yếu do giáo viên nước ngoài giảng dạy.

Mặc dù các chương trình liên kết đào tạo với các cơ sở nước ngoài có qui mô, hình thức và tính chất khác biệt nhưng có thể nhận thấy những điểm khác chung của các chương trình này, đó là:

- Phần lớn các chương trình đều liên kết với các cơ sở đào tạo đại học và SĐH có uy tín (University of Illinois, Middlesex University, University of Queensland, Toyohashi University, La Trobe University, Asian Institute of Technology,...) với sự tham gia của các giáo sư nước ngoài có kinh nghiệm và chương trình đào tạo tiên tiến, cập nhật, mang tính căn bản.

- Phần lớn các chương trình đều chú trọng việc tuyển chọn đầu vào dù là xét tuyển (phỏng vấn trực tiếp) hay thi tuyển. Riêng đối với các chương trình SĐH còn kết hợp thi viết và phỏng vấn bằng tiếng Anh.

- Phương pháp giảng dạy của các giáo sư nước ngoài, các phương tiện phục vụ giảng dạy khá đầy đủ và hiện đại.

- Điều kiện học tập, đặc biệt về thông tin, tài liệu khá đầy đủ giúp sinh viên tự học, chủ động nhiều trong học tập nghiên cứu. Tất cả các chương trình đều chú trọng phát triển nguồn tài liệu của mình.

- Việc đánh giá kết quả học tập được tiến hành nghiêm túc. Kết quả học tập của mỗi môn là kết hợp kết quả nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá trong suốt quá trình học tập (bài tập lớn, thảo luận, tiểu luận,...).

- Chương trình học tập và yêu cầu các môn học khá nặng đòi hỏi sinh viên phải nỗ lực rất nhiều và chủ động trong học tập.

Tuy nhiên trong quá trình triển khai còn có một số tồn tại:

- Một số chương trình liên kết đào tạo chưa có ý kiến của ĐHQG - HCM hoặc Bộ GD & ĐT, hoặc hết hạn không báo cáo không gia hạn, bao gồm:

● Trường ĐHBK có 10 chương trình trong đó có 3 chương trình SĐH, có chương trình chưa có ý kiến cho phép của Bộ GD & ĐT (322) nhưng đã ra thông

báo tuyển sinh, có chương trình hết thời gian cho phép vẫn tiếp tục hoạt động mà không báo cáo gia hạn (CTLK với Tasmania University).

● Trường ĐHKH XH-NV có chương trình đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ kết hợp với ĐH La Trobe, chương trình liên kết với học viện Quảng Tây - Trung Quốc, chương trình liên kết với ĐH ngoại ngữ Pusan - Hàn Quốc khi triển khai chưa thực hiện đúng văn bản cho phép của ĐHQG - HCM (cho phép tiếp nhận sinh viên Hàn Quốc học giai đoạn 2 ở Việt Nam nhưng trường thực hiện trao đổi hai chiều và ký thỏa thuận cấp bằng kép).

- Đối với các CTLKĐT của Trường ĐHQT chưa nêu được các phương án xử lý khi có tình huống bất thường, bất khả kháng để đảm bảo quyền lợi người học. Trường chưa thực hiện nhiệm vụ đào tạo SĐH đã triển khai liên kết SĐH (Hawaii University).

- Chương trình liên kết đào tạo của Trung tâm ĐH Pháp, đây là chương trình thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa hai Chính phủ, một số chương trình như Thạc sĩ Toán, Thạc sĩ chăn nuôi không có trong thỏa thuận vẫn được Trung tâm thông báo tuyển sinh.

Về phía cơ quan quản lý (ĐHQG - HCM):

- Quy định về hồ sơ chưa được cập nhật khi xét duyệt các CTLK.

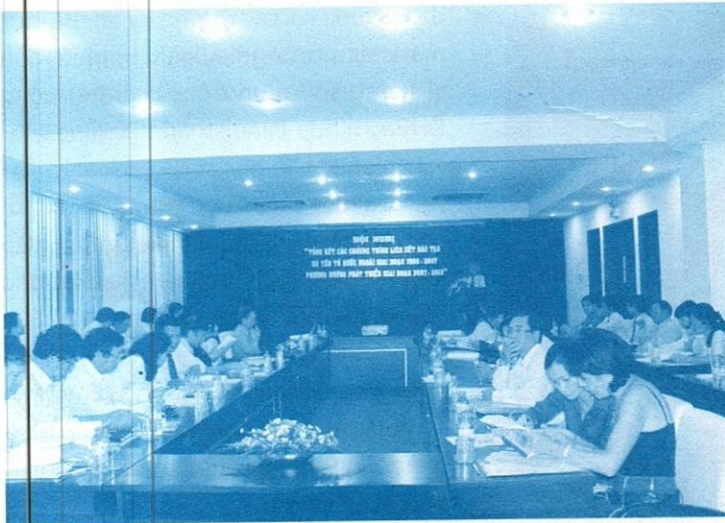
- Công tác kiểm tra, chấn chỉnh chưa được thực hiện thường xuyên.

- Chưa xác định được các hoạt động liên kết đào tạo của các đơn vị thành viên thuộc loại hình hợp tác nào để thực hiện quy định nhà nước theo loại hình đào tạo đó.

- Chưa có sự xem xét, phê duyệt về các khoản thu học phí, chương trình, thông tin quảng cáo nên có chương trình không có sự thống nhất giữa quảng cáo và thực tế, quảng cáo không có trong chương trình liên kết được giao, quảng cáo chiêu sinh khi chưa được phép của Bộ.

- Chưa có sự chỉ đạo cụ thể về việc triển khai qui định của Nhà nước về chương trình đào tạo. Chưa có cam kết đảm bảo quyền lợi giữa các bên và người học.

Với những mức độ khác nhau, phần lớn các CTLKĐT có yếu tố nước ngoài tại ĐHQG - HCM đã có những đóng góp trong việc đào tạo đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý cho các trường thành viên và các doanh nghiệp, đóng góp



nhiều kinh nghiệm bổ ích giúp cho công tác đào tạo, xây dựng chương trình, đổi mới phương pháp giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ CBGD và quản lý:

- Các CTLKĐT, đặc biệt là các CTLKĐT SĐH đã góp phần đào tạo được một đội ngũ CBGD trẻ có kiến thức chuyên môn tốt, tiếp cận và sử dụng các phương pháp giảng dạy đại học và SĐH tiên tiến.

- Thông qua việc tham gia xây dựng, quản lý và thực hiện các CTLKĐT các trường đại học thành viên nói riêng và ĐHQG-HCM nói chung đã có thêm nhiều kinh nghiệm bổ ích trong công tác đào tạo.

- Đội ngũ CBGD, qua tham gia giảng dạy ở các CTLKĐT đã tiếp thu nhiều kinh nghiệm tốt của cán bộ giảng dạy từ nhiều nước.

- Qua các CTLKĐT, nhiều trường đã tranh thủ nguồn kinh phí xây dựng được cơ sở vật chất khang trang phục vụ đào tạo chất lượng cao. Hệ thống tư liệu, tài liệu giảng dạy, trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin, phương tiện giảng dạy ngày càng tốt hơn và được cập nhật.

- Uy tín đào tạo của các trường đã được các trường nước ngoài ghi nhận.

### **ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2007 - 2012**

ĐHQG-HCM khuyến khích các cơ sở đào tạo, các trường thành viên mở rộng, tăng cường LKĐT với các trường ĐH, các Viện nghiên cứu có uy tín ở nước ngoài trên cơ sở đảm bảo chất lượng đào tạo. Để phát triển công tác LKĐT, trong thời gian tới chúng ta cần chú trọng các giải pháp dưới đây:

- Xây dựng, hoàn chỉnh "Quy trình xét duyệt, thẩm định và quản lý các CTLKĐT với nước ngoài", thay thế công văn 875/ĐHQG không còn phù hợp.

- Chuẩn hóa các qui định về điều kiện, tiêu chuẩn đào tạo liên kết.

- Tạo điều kiện cho các cơ sở đào tạo, các trường thành viên và các cơ sở đào tạo nước ngoài đạt tiêu chuẩn qui định thiết lập quan hệ hợp tác đào tạo, đặc biệt ưu tiên trong lĩnh vực công nghệ cao, phục vụ các chương trình trọng điểm nhà nước.

- củng cố các cơ sở liên kết đã có thông qua việc hoàn thiện chương trình đào tạo, khắc phục những điểm yếu tồn tại trong giai đoạn trước.

- Cần thu hút nhiều hơn nữa sự đóng góp ủng hộ của các doanh nghiệp Việt Nam cũng như nước ngoài, qua đó phát triển mạnh mẽ hơn việc đào tạo liên kết và xây dựng môi trường đào tạo gắn với các doanh nghiệp.

- Chất lượng chương trình phải vươn lên trình độ cao, được kiểm định chất lượng, thu hút được sinh viên các nước trong khu vực và sinh viên quốc tế đến học tại Việt Nam.

- Phát triển nhiều chương trình bồi dưỡng ngắn hạn, chương trình cấp chứng chỉ để tăng hiệu quả đào tạo của các CTLKĐT đối với xã hội.

- Xây dựng thêm nhiều chương trình tiên tiến để có thể tranh thủ nguồn kinh phí từ dự án đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật bằng ngân sách Nhà nước.

- Sử dụng kinh nghiệm và cơ sở vật chất của các dự án đã kết thúc, xây dựng các chương trình đào tạo hậu dự án, xây dựng cơ sở đào tạo chất lượng cao ở một số ngành để tranh thủ sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Tăng cường trao đổi kinh nghiệm, giao lưu giữa các chương trình tương ứng để thúc đẩy, nâng cao chất lượng đào tạo.

- Tạo mối quan hệ hợp tác giữa các trường thành viên trong ĐHQG HCM để một mặt củng cố quan hệ

đã có được với các trường uy tín thế giới, mặt khác mở rộng điều kiện cho nhiều đơn vị tham gia. Ví dụ: mở rộng quan hệ trường ĐHBách Khoa-Illinois thành BK-Illinois-KH Tự nhiên-KH Xã hội và NV,...

- Có một chiến lược chung và một số package trong đào tạo liên kết. Ví dụ: chiến lược triển khai ECV 1000 kèm theo chương trình liên kết (SV tham gia chương trình ECV 1000 có thể dùng tiền của chương trình này nhưng học 1 phần ở VN trong các CT LK).

- Tương tự như vậy với CT Đào tạo các nhà doanh nghiệp, các nhà quản lý cho các tỉnh Miền Đông.





# **BÁO CÁO SƠ KẾT 3 NĂM PHONG TRÀO ĐẢM VIỆC TRƯỜNG- GIỎI VIỆC NHÀ CỦA TẬP THỂ NỮ ĐHQG-HCM (2005-2007)**

## **TẬP THỂ NỮ ĐHQG:**

- Tổng số CBVC ĐHQG: 3524
- Tổng số CBGD: 1950

**Trong đó nữ: 1415 tỷ lệ 40%**  
**Trong đó nữ: 566 tỷ lệ 29%**

## **THÀNH TÍCH CỦA NỮ CBGD - CNV TRONG PHONG TRÀO GIỎI VIỆC TRƯỜNG- ĐẢM VIỆC NHÀ**

Từ phong trào thi đua chung "Giỏi việc nước-Đảm việc nhà" của phụ nữ VN, năm 1993 Công đoàn Giáo dục VN đã cụ thể hóa thành phong trào "Giỏi việc trường - Đảm việc nhà" trong đội ngũ nữ giảng viên, CBCNV của toàn ngành. Tên gọi của phong trào thi đua này đã thể hiện hài hòa bản chất tốt đẹp của phụ nữ VN hiện đại trong thế kỷ 21: vừa giỏi giang trong tư cách công dân, bình đẳng với nam giới, vừa chu đáo, vẹn toàn trong thiên chức người phụ nữ - làm vợ, làm mẹ.

Từ khi phát động đến nay, phong trào đã thật sự đi vào cuộc sống và trở thành động lực thúc đẩy chị em vươn lên tự khẳng định mình trong sự nghiệp giáo dục. Trong ĐHQG TP.HCM phong trào thi đua GVT-ĐVN đã được triển khai có nề nếp và hiệu quả từ năm 1993 tới nay với các nội dung cụ thể: thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức tốt cuộc sống gia đình, nuôi dạy con ngoan, học giỏi; tích cực tham gia các hoạt động xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao.

Trong giai đoạn 2005 đến 2007 phong trào GVT-ĐVN của tập thể nữ ĐHQG đã đạt được những kết

quả đáng ghi nhận như sau:

Phong trào GVT-ĐVN góp phần quan trọng trong việc đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH trong nữ CBVC

ĐHQG TPHCM đã và đang là nơi mà cán bộ nữ ĐHQG phát huy năng lực chuyên môn, cống hiến cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đồng thời cũng là môi trường thuận lợi giúp chị em nâng cao được vị trí xã hội của mình.

## **Công tác đào tạo và phục vụ đào tạo**

Trong công tác đào tạo, phục vụ đào tạo, chị em luôn cố gắng khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao như lên lớp, hướng dẫn thực tập, thí nghiệm, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, làm luận văn tốt nghiệp đại học, cao học, tiến sĩ. Các chị đã tham gia giảng dạy ở tất cả các loại hình đào tạo: Chính qui, tại chức, cao đẳng, đại học, trên đại học, giảng dạy tại trường hay ở các địa phương. Nhiều chị đã chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình phục vụ chương trình giảng dạy.

Trong giảng dạy các cô giáo luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tụy và tâm huyết với nghề, luôn bảo đảm nghiêm túc giờ giảng và chất lượng bài giảng, nhiều cô giáo khi lên lớp luôn đem lại niềm say mê, hứng thú trong học tập cho sinh viên như cô Nguyễn

Thị Bé bảy của Trường ĐHBK, cô La Thị Cang của Trường ĐHKHTN, cô Đào Minh Hồng, Trần Thị Minh Giới của Trường ĐHKHXH&NV...

Số chị em làm việc trong các ban, trung tâm... của khối văn phòng ĐHQG, Thư viện trung tâm, Ban quản lý KTX, Nhà xuất bản, TTGDQP, và các phòng ban phục vụ đào tạo của các trường thành viên chiếm tỷ lệ khá đông. Những đơn vị này nhiều năm liền đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến, xuất sắc, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của ĐHQG. Với những cố gắng nỗ lực trên, tập thể nữ CBGD - CNV ĐHQG đã đóng góp tích cực vào quá trình đổi mới nội dung đào tạo, phương pháp đào tạo và từng bước nâng cao chất lượng đào tạo trong toàn Đại học Quốc gia TP.HCM.

### **Công tác NCKH - CGCN**

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, chị em còn tích cực tham gia vào công tác NCKH-CGCN một trong những nhiệm vụ chính của ĐHQG. Tập thể nữ trường ĐHBK, trường ĐHKHTN, trường ĐHKHXH & NV và Viện Môi trường - Tài nguyên luôn được đánh giá là những tập thể nữ mạnh và bản lĩnh trong NCKH - CGCN.

GS-TS Ngô Kiều Nhi - CBGD trường ĐHBK đã được Ủy ban giải thưởng Kovalepskaia VN xét tặng giải thưởng Kovalepskaia năm 2002, giải thưởng Khoa học Công nghệ cấp Nhà nước năm 2005, đây chính là niềm vui, vinh dự và tự hào của tập thể nữ ĐHQG TP.HCM. Bên cạnh chị là những cán bộ nữ xuất sắc trong NCKH - CGCN, đó là các chị: TS Thái Thị Thu Hà. PGS-TS Tống Thị Anh Đào... của Trường ĐHBK, GS-TS Nguyễn Thị Cảnh - khoa Kinh tế, TS Hồ Huỳnh Thùy Dương, PGS-TS Đồng Thị Bích Thủy, PGS-TS La Thị Cang, PGS-TS Võ Thị Bạch Mai... của Trường ĐHKHTN, PGS-TS Đinh Lê Thư, PGS-TS Nguyễn Thị Thanh Xuân, PGS-TS Phan Thu Hiền... của trường ĐHKHXH & NV

Phong trào GVT-ĐVN có vai trò quan trọng trong việc xây dựng gia đình nhà giáo văn hóa, ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững.

### **Chăm lo xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con ngoan, học giỏi.**

Chăm lo việc nhà là đức tính tốt đẹp đã trở thành truyền thống của phụ nữ Việt Nam nói chung và của nữ cán bộ ĐHQG TP.HCM nói riêng. Chị em đã cảm hóa được các thành viên trong gia đình bằng chính những công việc lặt vặt hàng ngày như chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho từng thành viên trong gia đình, nuôi dưỡng bố mẹ già, dạy dỗ các con ngoan, học giỏi, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. Các chị cũng xác định xây dựng gia đình theo tiêu chí ít con, no ấm,

bình đẳng, hạnh phúc. Bởi có một mái ấm gia đình hạnh phúc, những đứa con ngoan, học giỏi - đó là điểm tựa để chị em yên tâm làm giỏi việc trường. Ngày 1/6 hàng năm Ban nữ công các đơn vị thành viên đã chăm lo và tặng thưởng cho các cháu học sinh giỏi của đơn vị mình. Tỷ lệ học sinh giỏi các cấp thường trên 70% tổng số các cháu ở độ tuổi đến trường. Điều này chứng tỏ các cháu luôn được cha mẹ chăm lo, dạy dỗ rất chu đáo. Trường ĐHKHTN mỗi năm tặng hơn trăm xuất học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho các cháu là con em CBVC trong trường chăm ngoan, hiếu học. Điều này là sự động viên, khuyến khích các chị luôn quan tâm dạy dỗ con em say mê học tập.

Phong trào xây dựng gia đình nhà giáo văn hóa và Ngày gia đình Việt Nam những năm qua được công đoàn ĐHQG và các đơn vị thành viên rất quan tâm và được chị em tích cực hưởng ứng. Trong những năm qua nhiều gia đình nhà giáo tiêu biểu đã được tuyên dương nhằm động viên, khuyến khích và nhân rộng việc xây dựng các gia đình nhà giáo ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Ngày 28/6 vừa qua Ban nữ công ĐHQG đã tổ chức lễ kỷ niệm Ngày Gia đình VN với chủ đề " Vì một mái ấm gia đình không có bạo lực" đồng thời tuyên dương 32 gia đình nữ giáo viên, CBCNV tiêu biểu xuất sắc cấp ĐHQG-HCM.

### **Công tác đoàn thể và xã hội.**

Nữ CBVC ĐHQG không chỉ GVT-ĐVN mà chị em còn tham gia tích cực vào công tác đoàn thể và xã hội.

### **Công tác nữ công.**

(Tổ chức tốt các ngày lễ trong năm có liên quan đến phụ nữ).

Hàng năm nhân kỷ niệm Ngày thành lập HLHPN Việt nam 20/10 Ban nữ công ĐHQG và BNC các Công đoàn cơ sở đều tổ chức sơ kết phong trào GVT-ĐVN trong năm học vừa qua, đánh giá các ưu nhược điểm, khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu trong phong trào. Vì vậy trong suốt 3 năm qua phong trào GVT-ĐVN luôn được duy trì và ngày càng phát triển cả chiều rộng và chiều sâu trong toàn ĐHQG.

Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, Ngày Gia đình Việt nam 28/6 hàng năm cũng được BNC. ĐHQG và BNC các Công đoàn cơ sở tổ chức chu đáo với nhiều hình thức phong phú, đa dạng và luôn đổi mới, đáp ứng được sự quan tâm của chị em nên luôn được chị em hưởng ứng.

### **Công tác chăm sóc thiếu niên nhi đồng.**

Ngày Quốc tế thiếu nhi hàng năm BNC ĐHQG và BNC các đơn vị luôn chăm sóc chu đáo cho các cháu



với những hoạt động rất phong phú, thiết thực và hiệu quả. Số lượng các cháu được tặng học bổng Nguyễn Đức Cảnh ngày càng tăng. Năm 2006 và 2007 Ban nữ công Công đoàn ĐHQG đã tặng 185 triệu học bổng cho các cháu.

### **Công tác xã hội**

Phát huy truyền thống uống nước nhớ nguồn và phẩm chất nhân ái của người phụ nữ Việt nam, trong những năm qua chị em luôn đóng góp tích cực vào phong trào xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương, ủng hộ đồng bào các vùng bị thiên tai, hạn hán, .... Tết cổ truyền hàng năm, BNC ĐHQG cùng với BNC các đơn vị thường xuyên tổ chức đi thăm và tặng quà những khu nuôi dưỡng ông bà già và trẻ em không nơi nương tựa với tổng kinh phí khoảng 80 triệu đồng/năm.

Phong trào GVT-ĐVN có vai trò quan trọng trong việc nâng cao vai trò, vị thế của nữ cán bộ.

Trong những năm qua, trưởng thành từ phong trào GVT-ĐVN, nhiều nữ cán bộ của ĐHQG đã tự khẳng định mình, thể hiện rõ vai trò và vị trí trong công tác. Vì vậy số lượng chị em được bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo ngày càng tăng.

Trong nhiệm kỳ 2002 - 2007 PGS-TS Phan Thị Tươi đã được đề bạt vào chức vụ Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy trường ĐHBK, PGS-TS Đồng Thị Bích Thủy được đề bạt Phó Hiệu trưởng Trường ĐHKHTN. Nhiệm kỳ 2007-2012 TS Trương Thị Kim Chuyên được bổ nhiệm phó Hiệu trưởng trường ĐHKHXH&NV, PGS-TS Võ Thị Bạch Mai được bổ nhiệm Hiệu trưởng trường phổ thông năng khiếu, PGS-TS Trần Thị Hồng - Trưởng ban Quan hệ Quốc tế ĐHQG...

Trong mọi cương vị công tác, các chị đều có tinh thần trách nhiệm cao, chu đáo, cẩn thận, làm việc nghiêm túc nên đã tổ chức có hiệu quả công tác quản lý đơn vị.

### **CÁC THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC**

1- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2005 tặng Tập thể nữ ĐHQG vì thành tích xuất sắc trong phong trào GVT-ĐVN giai đoạn 2001-2005.

2- Bằng khen của LĐLĐ Thành phố HCM năm 2006 tặng Tập thể nữ ĐHQG.

3- Bằng khen của Công đoàn Giáo dục Việt Nam tặng tập thể nữ Đại học Quốc gia TPHCM nhân dịp sơ kết 3 năm phong trào thi đua GVT-ĐVN giai đoạn 2005-2007.

- Bằng khen của Công đoàn ĐHQG cho 8 tập thể

và 38 cá nhân tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua GVT-ĐVN giai đoạn 2005-2007.

Nhiều Bằng khen của các cấp lãnh đạo, đoàn thể tặng các tập thể và nữ CBVC thuộc ĐHQGTPHCM

### **PHƯƠNG HƯỚNG SẮP TỚI VÀ NHỮNG ĐỀ XUẤT:**

Đạt được những kết quả đáng ghi nhận trên của tập thể nữ ĐHQGTPHCM, Ban nữ công chân thành cảm ơn các cấp lãnh đạo: Đảng bộ, Ban giám đốc, BCH Công đoàn ĐHQG, BCH Công đoàn Giáo dục VN, BCH LĐLĐ thành phố HCM đã luôn chỉ đạo sát sao, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của BNC trong thời gian qua. Ban nữ công chân thành cảm ơn toàn thể nữ cán bộ ĐHQG đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong mọi lĩnh vực công tác và tích cực tham gia vào công tác nữ công.

Trong thời gian tới, để phong trào GVT-ĐVN được duy trì, hoạt động của Ban nữ công ngày càng phát triển, vai trò và vị thế của nữ CBVC tiếp tục được khẳng định và nâng cao, chúng ta sẽ tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

- BNC Công đoàn ĐHQG và các công đoàn cơ sở chủ động xây dựng kế hoạch công tác, kế hoạch triển khai phong trào "GVT-ĐVN" giai đoạn 2007-2010, "Xây dựng gia đình nhà giáo văn hóa", phong trào phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo... nhằm tạo điều kiện cho chị em cống hiến, trưởng thành, tự khẳng định mình trong quá trình công tác.

- Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong nữ CBVC các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ GD&ĐT: Luật Giáo dục năm 2005, chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ, các văn bản có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của lao động nữ

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện chỉ thị 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; chỉ thị 15/GD-ĐT về công tác nữ trong tình hình mới; giới thiệu nữ cán bộ, giảng viên xuất sắc tham gia lãnh đạo chính quyền, đoàn thể.

- Tiếp tục phát hiện và nhân rộng các nữ CBVC điển hình tiên tiến trong đơn vị, chú ý các gương mặt điển hình mới, trẻ, có tính thuyết phục.

- Tranh thủ sự quan tâm của các cấp ủy đảng, phối hợp chặt chẽ với Ban vì sự tiến bộ phụ nữ và sự quan tâm tạo điều kiện của các cấp chính quyền để duy trì và triển khai các hoạt động có hiệu quả.

- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để khơi dậy tiềm năng, thế mạnh của đội ngũ nữ CBVC trong toàn ĐHQG-HCM.

LTS: PGS-TS NGUYỄN QUANG ĐIỂN -NGUYÊN PHÓ GIÁM ĐỐC ĐHQG-HCM- NHẬN QUYẾT ĐỊNH NGHỈ HƯU TỪ THÁNG 8-2007. NHÀN NGÀY NHÀ GIÁO VN, PV BẢN TIN ĐHQG-HCM ĐÃ GẶP GỠ TRAO ĐỔI VỚI THẦY VỀ NGHỀ DẠY HỌC....



# Nghĩ về nghề

CTV

**PV:** *Giáo dục-đào tạo là điểm nóng, được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm, Thầy nghĩ gì về đổi mới giáo dục hiện nay?*

**PGS-TSNQĐ:** Đã có rất nhiều những ý kiến đúng đắn và tâm huyết về vấn đề này, nó phản ánh đổi mới giáo dục là đòi hỏi bức xúc của cuộc sống, đáng buồn là bản thân ngành giáo dục mãi không đáp ứng được yêu cầu đó. Những cải cách, cải tiến, thực nghiệm theo kiểu loay hoay và vớ vẩn, sửa chữa những yếu kém bộ phận chỉ tạo thêm những bất cập mới. Theo tôi, chỉ cần 'một không' thôi, đó là không tư duy giáo dục theo lối mòn nữa. Đổi mới giáo dục, trước hết là đổi mới tư duy về giáo dục.

**PV:** *Vậy, thế nào là đổi mới tư duy về giáo dục?*

**PGS-TSNQĐ:** Đổi mới tư duy về giáo dục - dùng từ đúng, nhưng

có vẻ hơi to tát- bắt đầu từ xây dựng triết lý giáo dục mới, nói đơn giản là tìm câu trả lời mới cho những vấn đề cũ: dạy ai, dạy để làm gì, dạy cái gì, dạy như thế nào... và những điều này làm thay đổi cả vai trò người thầy.

**PV:** Xin nói rõ hơn: vai trò người thầy thay đổi như thế nào?

**PGS-TS NQĐ:** Dạy học là nghề "trồng người", quan niệm này là sản phẩm của nền văn minh nông nghiệp (1.0). Thầy cô là những "kỹ sư tâm hồn", nền văn minh công nghiệp (2.0) sản sinh ra quan niệm cơ giới này. Tuy có nói đến 'người', đến 'tâm hồn' nhưng người học vẫn là đối tượng thụ động, được người thầy gia công chăm sóc, chế tác theo khuôn mẫu. Những quan niệm về thiên chức của nghề dạy học như trên không còn phù hợp nữa, đơn giản vì đã bị cuộc sống vượt qua, thực tiễn hiện đại và tương lai (nền văn minh trí tuệ, 3.0) đặt ra những yêu cầu rất mới. Người ta đánh giá tiềm năng cạnh tranh để vươn lên của các dân tộc xếp hạng theo tiêu chí: những dân tộc thông minh, những dân tộc thông minh hơn và những dân tộc thông minh nhất, chỉ những dân tộc thông minh nhất mới có khả năng chiến thắng. Thấy giáo không còn chỉ là người dạy đạo không biết chán, truyền chữ không biết mệt nữa mà là người biết khơi gợi, thắp sáng tâm hồn, trí tuệ, - tức là "phát huy rằng lực sẵn có nơi các em" như lời Bác Hồ nói. Tôn trọng nhân cách học sinh, biết phát hiện và phát huy cá tính, kích thích tìm tòi, khuyến khích cái riêng, cái mới, thấy giáo là người hướng đạo đồng hành với học sinh trên con đường khám phá trí tuệ.

Dân tộc Việt Nam là dân tộc thông minh. Làm sao để trở nên 'thông minh hơn', 'thông minh nhất'? Điều này cần nhiều việc phải làm, cần nhiều người cùng làm và phải làm lâu dài mà trọng trách hoạch định và thực thi thuộc về những nhà giáo dục, những người thầy giáo.

**PV:** Để làm tròn trọng trách đó, người thầy giáo cần có những tố chất gì?

**PGS-TSNQĐ:** Điều này đã được quy định trong... 'Luật Giáo dục' và vô số văn bản pháp quy khác, nhiều đến nỗi người thầy không nhớ nổi mình cần những tố chất gì và quan trọng hơn, làm sao có được những tố chất đó. Tôi chỉ nhớ lời của Nguyễn Du "Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài"... Một trái tim nhân hậu, một trí tuệ khát khao hiểu biết với tấm lòng san sẻ làm nên phẩm chất người thầy.



*Sự nghiệp là lâu dài,  
đời người thì có hạn.  
Nhớ Đặng Dung xưa  
"quốc thù vị báo, đầu tiên  
bạch"... Nay không còn quốc  
thù nhưng làm thế nào để  
"dân tộc Việt Nam có bước tới  
đài vinh quang để sánh vai  
với các cường quốc năm châu  
được hay không" khiến các  
nhà giáo dục trăn trở.*

**PV:** Thầy đã nhận được nhiều danh hiệu và phần thưởng cao quý...

(Thầy không kể về những danh hiệu và phần thưởng đã được Nhà nước trao tặng mà đưa chúng tôi xem những bức thư của học sinh. Xin trích đoạn:)

"Đọc và hiểu một vấn đề triết học đã khó, vận dụng vấn đề ấy vào cuộc sống còn khó hơn. Với kiến thức sâu rộng và cách truyền đạt giản dị, chân tình, thầy đã giúp chúng em từng bước nắm bắt được những vấn đề sâu sắc gần như huyền bí của triết học. Thầy đã dẫn dắt chúng em từ mơ hồ đến thấu hiểu, từ thấu hiểu đến biết cách ứng xử với người và việc trong cuộc đời. Chúng em bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn thầy".

"Trong quá trình học môn triết học, em đã được nâng cao tầm hiểu biết và trình độ lý luận; từ đó thấy rõ hơn các bước đi trong quá khứ và định hướng tương lai cho đất nước, khẳng định niềm tin vào công cuộc đổi mới hiện nay".

**PGS-TSNQĐ:** Đó là những phần thưởng cao quý của tôi.

**PV:** Thầy đã nghỉ hưu nhưng vẫn làm việc...

**PGS-TSNQĐ:** Sự nghiệp là lâu dài, đời người thì có hạn. Nhớ Đặng Dung xưa "quốc thù vị báo, đầu tiên bạch"... Nay không còn quốc thù nhưng làm thế nào để "dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không" khiến các nhà giáo dục trăn trở. "Quốc sách" còn dang dở đòi hỏi ai cũng phải có trách nhiệm tham gia.

ĐÃ BƯỚC QUA TUỔI 50, NHUNG TRÔNG CHỊ VẪN TRẺ TRUNG, DUYÊN DÁNG, HỒN HẬU NHƯNG NGƯỜI PHỤ NỮ VỪA QUA TUỔI BỐN MƯƠI. TỪ CON NGƯỜI ẤY TOÁT LÊN VỀ HIỆN ĐẠI, NĂNG ĐỘNG VÀ VUI TƯƠI. CHỊ TIẾT LỘ, HẰNG NGÀY CHỊ VẪN DÀNH THỜI GIAN ĐỀU ĐẶN CHO VIỆC RÈN LUYỆN THÂN THỂ BẰNG CÁCH ĐI BỘ VÀ TẬP CÁC BÀI THỂ DỤC NHẸ.

## PGS.TS. TRẦN THỊ HỒNG:

*"Tôi gắn bó với sự nghiệp trồng người như một cái duyên..."*

**Việt Hoa**



**PV:** Sinh ra và trưởng thành trong thời chiến, dưới cảnh mưa bom bão đạn, chị và bạn bè đồng trang lứa đã học tập như thế nào, thưa PGS?

**PGS.TS Trần Thị Hồng:** Thời đó, chúng tôi phải vừa học, vừa luôn phải sẵn sàng chui xuống hầm khi có máy bay địch, rất vất vả và nguy hiểm. Một kỉ niệm buồn mà suốt cả cuộc đời tôi không thể nào quên, năm học lớp hai (1964). Đó là thời điểm vừa đón tết Nguyên Đán, cả lớp sau thời gian nghỉ tết lại có mặt đông đủ. Mọi người đang ca hát to và rất vui. Bất ngờ, máy bay địch xuất hiện và dội bom, chúng tôi lao xuống hầm. Chỉ sau tôi có vài người, các bạn phía sau đều không thoát khỏi cơn mưa bom và đã chết. Tôi đã rơi vào tình trạng hoảng loạn vì khiếp sợ mất cả tháng trời. Sống và tận mắt chứng kiến tình cảnh đau thương ấy mới thấu hiểu được ranh giới giữa sự sống và cái chết là rất mong manh...

**PV:** Chiến tranh quả thật là khủng khiếp! Được biết, dù phải học tập trong hoàn cảnh rất ngặt nghèo nhưng chị vẫn tốt nghiệp PTTH với số điểm trung bình đáng kể phục: 9,5 điểm. Vậy, đâu là động lực để chị đạt được thành tích xuất sắc ấy, thưa chị?

**PGS.TS. Trần Thị Hồng:** Năm 16 tuổi, lớp 10 (năm cuối cấp THPT) của chúng tôi có tới 50 người. Trước tình cảnh chiến tranh ác liệt của đất nước, tất cả chúng

tôi đều nộp đơn xin đi bộ đội. Tuy nhiên, cả lớp chỉ 20 người được chọn đi. Và lại một thực tế phũ phàng của chiến tranh: các anh hầu như đều hi sinh ngay tại thành cổ Quảng Trị! Là những người ở lại, chúng tôi đều nguyện là sẽ học cho phần của các anh nữa. Các anh là động lực rất lớn để chúng tôi cố gắng nỗ lực học tập và phấn đấu trong quãng đường tiếp theo. Tất cả những người còn lại đều thi đại học và bây giờ, họ là những người rất thành đạt. Thời đó, mẹ tôi cũng thường động viên tôi học tập để thoát khỏi cảnh nghèo, để cống hiến cho đất nước.

**PV:** Và nhờ động lực to lớn ấy, chị đã đạt được những thành tích rất cao trong những năm tháng học tập ở nước ngoài?

**PGS.TS. Trần Thị Hồng:** Có thể nói đó là động lực rất lớn để chúng tôi nỗ lực trong suốt cả cuộc đời. Lúc còn học tại Rumania, trong 5 năm đại học, tôi cố gắng không để môn nào dưới điểm 10. Tuy nhiên, cũng có hai môn "bị" 9 điểm và duy nhất một điểm 7 môn thể dục, vì thân hình của tôi nhỏ bé không thể chạy thi được với những anh chàng ngoại quốc cao lớn (cười).

**PV:** Thưa PGS, những năm tháng học tập ở nước ngoài, kỉ niệm nào khiến chị nhớ nhất?

**PGS.TS. Trần Thị Hồng:** Suốt 6 năm (1 năm học ngoại ngữ và 5 năm học đại học - PV) học tại Rumania để lại cho tôi khá nhiều kỉ niệm. Tuy nhiên, ấn tượng sâu đậm nhất là vào năm 1978, tôi được cử làm đại diện cho thanh niên Việt Nam tham dự Liên hoan Thanh niên sinh viên thế giới lần thứ 11 tại Cuba. Một ấn tượng nữa cũng rất khó phai, đó là lúc bảo vệ luận án tốt nghiệp, lần đầu tiên, tôi được mặc chiếc áo dài truyền thống của dân tộc. Rất hạnh phúc và tự hào!

**PV:** Hiện tại, vừa làm công tác quản lí vừa tham gia giảng dạy, chị sắp xếp như thế nào để có thể "vẹn cả đôi đường"? Theo chị, một nhà quản lí và một giảng viên,



vai trò nào khó hơn?

**PGS.TS. Trần Thị Hồng:** Tôi phụ trách về quan hệ quốc tế nên thường phải đi lại nhiều, tiếp xúc nhiều. Thêm vào đó, công việc của Ban cũng khá bận rộn nên ít có thời gian đứng lớp. Tôi rất lầy lảm tiếc, vì đối với công việc giảng dạy phải thường xuyên đứng lớp, cung dạy và học với sinh viên thì mới cập nhật được kiến thức và các thông tin mới. Với tôi, giảng dạy đã như là một cái nghiệp, còn quản lý là trách nhiệm trong một giai đoạn nào đó. Cả hai công việc này đều có những mặt khó khăn và thuận lợi. Thông thường khi đi dạy, tôi thấy rất hứng thú.

**PV:** Lớp trẻ bây giờ rất tự tin, năng động, sáng tạo, có lúc nào chị sợ sẽ không bắt kịp nhịp tiến của các em không?

**PGS.TS. Trần Thị Hồng:** Quả thật là lớp trẻ bây giờ rất táo bạo, dám nghĩ dám làm, các em cũng rất giỏi. Vì vậy, tôi phải thường xuyên cập nhật kiến thức, thông tin mới để có thể giải đáp được những vấn đề mà các em đưa ra. Ngoài kiến thức, thầy cô còn phải hiểu biết văn hóa, xã hội để thấu hiểu được những suy nghĩ và tâm tư của các em. Tôi cố gắng để học trò không xem mình là rào cản khi giải quyết công việc. Bên cạnh việc truyền thụ kiến thức, chúng tôi cũng phải học hỏi từ các em rất nhiều.

**PV:** Chị từng là cán bộ có uy tín trong nhà trường, còn trong gia đình, vị trí của chị như thế nào?

**PGS.TS. Trần Thị Hồng:** (Cười) Trong gia đình, tôi vẫn luôn là "tiểu đội phó", là vợ của "ông xã" tôi và là mẹ của

các con tôi.

**PV:** "Ông xã" chị là...

**PGS.TS. Trần Thị Hồng:** là "2 trong 1", vừa tri kỉ lại vừa tri âm (cười)

**PV:** Được biết, hai con lớn của chị hiện đều đang học tập tại các trường đại học danh tiếng ở Hoa Kỳ, bé út cũng rất giỏi giang, thông minh và ngoan ngoãn, chồng chị lại rất tâm lí. Dường như đó là mơ ước của bao nhiêu người, chị có thể chia sẻ những bí quyết tạo ra một gia đình đầm ấm, hạnh phúc và thành đạt như thế không?

**PGS.TS. Trần Thị Hồng:** Thực ra, với gia đình tôi chưa thực sự là người chu toàn. Tất cả nhờ vào chồng tôi. Anh ấy luôn là điểm tựa vững chắc cho tôi và các con. Có thể nói, tôi được nhưng ngày hôm nay, một phần rất lớn là nhờ sự quan tâm, ủng hộ và động viên của anh, một người chồng tận tụy, một người bạn chung thủy.

**PV:** Nhìn lại cả quãng đường đã đi qua, điều gì đã khiến chị đến với sự nghiệp "trồng người"? Nếu được phép bắt đầu lại từ đầu, chị có thay đổi con đường mình đã từng đi không?

**PGS.TS. Trần Thị Hồng:** Khi vừa tốt nghiệp PTTH,

tôi đăng kí dự thi vào trường ĐH Thương mại Hà Nội. Tuy nhiên, khi đủ điểm để được du học, tôi được phân vào ngành Cơ khí xây dựng của ĐH XD tại Bucarét (Rumani). Đôi khi ngẫm lại, đúng là tôi gắn bó với sự nghiệp trồng người như một cái duyên. Và cái duyên này đưa lại cho tôi những điều bất ngờ, thú vị. Vì vậy, nếu được làm lại, tôi cũng sẽ lại bắt đầu từ đó radi...

**PV:** Xin cảm ơn chị!

#### VÀI NÉT VỀ CHỊ

- 1973: Tốt nghiệp PTTH
- 1974 - 1980: Học ĐH Xây dựng tại Bucarét (Rumani)
- 1991: Nghiên cứu sinh ngành cơ khí tại Học Viện Công nghệ Châu Á tại Thái Lan
- 2001: Bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ ngành Cơ khí
- 2005: Được phong hàm Phó giáo sư
- 2002-2006: Phó Trưởng Ban đào tạo SĐH
- 2006-2007: Phó Hiệu trưởng Trường ĐHCNTT
- Hiện nay, Trưởng Ban Hợp tác quan hệ Quốc tế, ĐHQG-HCM.

Thạc sỹ Trần Cao Bội Ngọc - Phó trưởng Phòng Hợp tác Quốc tế,  
Trường ĐHKHXH& NV- ĐHQG-HCM

## Luôn cố gắng hết mình trên mọi cương vị

● Ngọc Trâm thực hiện



*\* Được biết, cô gắn bó trong công tác giảng dạy ở Trường ĐHKHXH&NV. Sự gắn bó này, bắt đầu từ khi nào, thưa cô?*

- Ngày ấy, khi tốt nghiệp đại học, tôi quyết định ở lại trường làm việc vì tôi rất yêu thích công tác giảng dạy. Tôi yêu thích sự trẻ trung, năng động và tinh thần học hỏi của các bạn sinh viên, yêu thích môi trường làm việc năng động ở Trường ĐHKHXH&NV- ĐHQG-HCM. Hơn nữa, "dạy" cũng là "học" - là một cách để vươn tới sự tự hoàn thiện. Ngoài ra, môi trường học thuật là môi trường tốt cho tôi đi vào con đường nghiên cứu khoa học.

*\* Là một giảng viên dạy Anh văn nhiều năm, cô có những trải nghiệm và suy nghĩ như thế nào khi trình độ tiếng Anh của nhiều SV vẫn chỉ ở mức trung bình, thậm chí dưới trung bình, không đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng?*

- Quả thật đó là điều đáng lo ngại. Theo tôi, đó không phải là khiếm khuyết của một khoa nào cả. Có những người có khiếu về ngoại ngữ nhưng có những người lại có khiếu về ngành khác. Các sinh viên có khiếu về ngoại ngữ thường tập trung vào các khoa ngoại ngữ. Còn các khoa khác thì tập trung các bạn có khiếu về lãnh vực khác. Như vậy, chỉ cần chú trọng

Là một trong những cán bộ nữ nhận được bằng khen của Giám đốc ĐHQG-HCM năm học 2006-2007, Thạc sỹ Trần Cao Bội Ngọc hiện là nghiên cứu sinh tiến sỹ, giảng viên môn Văn hóa - Xã hội Úc, Phó trưởng Phòng Hợp tác Quốc tế, Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ cho Sinh viên nước ngoài, Trưởng Tổ tiếng Anh của Trung tâm Ngoại ngữ Trường ĐHKHXH& NV- ĐHQG-HCM. Nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, cô đã có cuộc trò chuyện cùng Bản tin ĐHQG-HCM.

đào tạo ngoại ngữ kết hợp với nỗ lực của chính bản thân các sinh viên, việc sử dụng ngoại ngữ tốt không phải là điều "không thể". Tôi luôn mong muốn sinh viên học ngoại ngữ để sử dụng chứ không phải học ngoại ngữ để thi cho qua.

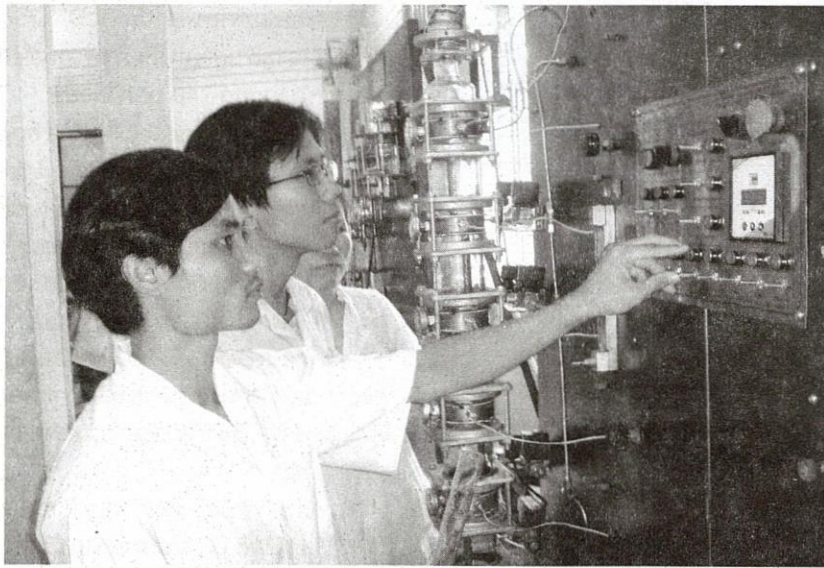
*\* Cô có những sự chia sẻ như thế nào với các bạn SV trong việc học tiếng Anh?*

- Là sinh viên trong thời đại tri thức, đặc biệt là sinh viên ngành xã hội và nhân văn, các bạn nên cố gắng tự kỷ luật, trau dồi và rèn luyện để ít nhất đạt được trình độ tiếng Anh giao tiếp lưu loát. Việc học đó không phải mang lại lợi ích cho ai cả mà là cho chính tương lai của các bạn. Các giáo viên luôn mong muốn sinh viên của mình học tốt và sẵn sàng tạo mọi điều kiện cho các bạn. Tuy phương pháp giảng dạy của giáo viên là rất quan trọng nhưng nỗ lực của bản thân các bạn đóng vai trò tiên quyết.

Các bạn luôn cố gắng luyện tập. Tập nghe, tập nói, tập viết, tập đọc. Học văn phạm thì phải làm bài tập thật nhiều (phải tự tìm ra giải đáp, chỉ dựa vào tập bài học để kiểm tra). Không ai sinh ra đã giỏi. Các bạn phải tập luyện đều đặn. Học ngoại ngữ là phải mạnh dạn và không bao giờ nản chí. Cứ từng bước một, các bạn sẽ thành công. Các bạn luyện tập từ từ, đều đặn, từ những cuốn sách căn bản, dần lên những cuốn sách nâng cao, các bạn sẽ thấy mình tiến bộ từng ngày. Việc học tiếng Anh hay bất cứ ngoại ngữ nào khác rất gần với câu "mưa dầm thấm đất"

(Xem tiếp trang 50)

# ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM VỚI KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC CHO CÁC TỈNH VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM



## I. Tình hình đào tạo nhân lực trình độ đại học cho các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (VKTTĐPN)

Hiện cả nước có 322 cơ sở đào tạo đại học và cao đẳng. Trong đó, 138 trường đại học (có 47 trường có đào tạo cao đẳng), 21 học viện-nhạc viện, 1 trung tâm, 161 trường cao đẳng với hơn 2428 ngành đào tạo bậc đại học và 1510 ngành đào tạo bậc cao đẳng<sup>1</sup>. Số cơ

sở đào tạo ở các tỉnh vùng KTTĐPN trình độ ĐH là 59, cao đẳng là 36. Tổng số sinh viên trong năm học 2005-2006 là 1.363.167 và năm học 2006-2007 là 1.540.201 (tăng 13,0% so với năm học 2005-2006)<sup>2</sup>. (Xem bảng 1)

Năm 2006-2007 cả nước có 285.257 thí sinh trúng tuyển vào hệ dài hạn tập trung, 17% là thí sinh của VKTTĐPN (bảng 2). Trong đó, số sinh viên của TPHCM chiếm tỉ lệ khá cao (cả nước: 43,7% , ĐHQG-HCM:

**Bảng 1. Số các trường ĐH-CĐ thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam**

STT	Tỉnh	HV-NV-TT	ĐH	CĐ	Cộng	(%) / khu vực
1	TPHCM	12	42	25	79	83,2
2	Bình Phước			1	1	1,1
3	Bình Dương		1	2	3	3,2
4	Tây Ninh			1	1	1,1
5	Đồng Nai		2	4	6	6,3
6	Long An			1	1	1,1
7	Bà Rịa- Vũng tàu		1	2	3	3,2
8	Tiền Giang		1	0	1	1,1
	<b>Cộng</b>	<b>12</b>	<b>47</b>	<b>36</b>	<b>95</b>	<b>100</b>

**Bảng 2. Số sinh viên các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trúng tuyển đại học**

STT	Tỉnh	Cả nước	ĐHQG-HCM
1	TPHCM	21.197	3.316
2	Bình Phước	2.154	270
3	Bình Dương	2.418	264
4	Tây Ninh	2.296	126
5	Đồng Nai	8.341	1.101
6	Long An	3.258	312
7	Bà Rịa Vũng tàu	4.579	564
8	Tiền Giang	4.233	481
	<b>Cộng</b>	<b>48.476</b>	<b>6.434</b>

13,3%). (Xem bảng 2)

Hiện ĐHQG-HCM có 71 ngành đào tạo trình độ đại học và 190 chuyên ngành đào tạo trình độ sau đại học với các ngành nghề đa dạng, bao gồm các ngành mũi nhọn như điện tử, tin học, công nghệ sinh học...

Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp có việc làm cho thấy VKTTĐPN là vùng thu hút nguồn lao động từ sinh viên tốt nghiệp của ĐHQG.HCM đặc biệt là TP.HCM và các tỉnh có thế mạnh về công nghiệp như Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Như vậy, có thể thấy vai trò quan trọng của TP.HCM đối với đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

## **II. Một số hoạt động phối hợp giữa ĐHQG-HCM với các tỉnh VKTTĐPN**

### **II.1. Hợp tác xây dựng ký túc xá**

Các tỉnh đã có hợp tác cùng Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng KTX cho sinh viên là Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Bà Rịa - Vũng tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh, An Giang, Bình Thuận, Khánh Hòa. Số sinh viên hiện đang ở Ký túc xá ĐHQG-HCM là 7.127, trong đó năm học 2007-2008 KTX đón nhận 4.363.

### **II.2. Hợp tác đào tạo trình độ Đại học và trên Đại học**

Từ năm 1996, nhằm tạo nguồn nhân lực cho các địa phương, Đại học Quốc gia Tp. HCM đã tổ chức các lớp cộng đồng đào tạo giai đoạn đại cương tại các địa phương (TTĐT và BDTCLT Tiền Giang-Long An-Bến Tre; trường CĐSP Đồng Tháp; TTBD cán bộ tỉnh Bình Thuận; TTGD TX và hướng nghiệp dạy nghề tỉnh Trà Vinh; trường CĐSP An Giang) và giai đoạn chuyên

ngành tại các đơn vị thành viên ĐHQG-HCM. Đến năm 1998, do không còn điều kiện giai đoạn nên mô hình liên kết này đã tạm dừng và chuyển sang hình thức khác. Ví dụ như:

- Trường Đại học Khoa học Tự nhiên hợp tác với tỉnh Tiền Giang đào tạo bậc đại học cho 2 ngành là Công nghệ thông tin và Công nghệ sinh học từ năm 2001; giúp đỡ xây dựng trang thiết bị cho phòng thí nghiệm Công nghệ Sinh học.

- Khoa Kinh tế trực thuộc ĐHQG-HCM hợp tác mở khóa đào tạo ngành Kinh tế công cộng với tỉnh Tiền Giang số lượng 140 sinh viên.

- Trường Đại học Bách khoa hợp tác đào tạo với 6 tỉnh thuộc vùng ĐBSCL, trong đó có tỉnh Tiền Giang thuộc vùng KTTĐ phía Nam. Các ngành nghề được hợp tác đào tạo là: Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Trắc địa, Điện công nghiệp, Vật liệu xây dựng, Thủy lợi, Thủy điện và Cấp thoát nước.

- Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn mở các khóa đào tạo ngành Báo chí, Xã hội học, Ngữ văn Anh, Địa lý - Du lịch, Văn thư cho tỉnh Tiền Giang từ năm 2003.

Hiện nay, các cơ sở cộng đồng liên kết đào tạo với ĐHQG-HCM đã thành trường đại học hoặc cao đẳng (ĐH Tiền Giang, ĐH Trà Vinh, ĐH Đồng Tháp ...), là một trong những cơ sở đào tạo phục vụ nhu cầu nhân lực cho địa phương.

Trong năm học 2006-2007, ĐHQG-HCM được UBND TP.HCM giao làm thí điểm dự án "Xây dựng hạ tầng mạng CNTT Viễn thông về đào tạo cho các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu và các trung tâm đào tạo phía Nam" với kinh phí 01 tỷ đồng.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ĐHQG-HCM xây dựng chương trình hợp tác hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực địa phương gồm: (1) chương trình hỗ trợ đào tạo đại học, (2) phổ thông năng khiếu; (3) mở một số chương trình đào tạo khác hướng đến bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương như chương trình đào tạo 1.000 chỉ tiêu sau đại học ở nước ngoài cho các tỉnh miền Đông và miền Trung, chương trình nâng cao năng lực cán bộ quản lý, chuyên viên công nghệ thông tin gắn kết chặt với nhu cầu của doanh nghiệp; Chương trình kết nối doanh nghiệp, xúc tiến thương mại v/v...

ĐHQG-HCM đã làm việc với tỉnh Bình Dương, đã được Tỉnh ủy Bình Dương đồng ý chủ trương liên kết với ĐHQG-HCM để thực hiện một số dự án như: dự



án Bình dương 250, hỗ trợ để thành lập trường đại học ở Bình Dương, hỗ trợ xây dựng 01 đơn nguyên trường PTNK tại khu quy hoạch, thành lập trung tâm đào tạo, nghiên cứu bảo tồn tài nguyên thiên nhiên tại Làng Tre Phú An, Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

### **II.3. Các hoạt động trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**

Nhiều năm qua, các nhà khoa học thuộc ĐHQG-HCM đã thực hiện rất nhiều đề tài nghiên cứu và dự án chuyển giao công nghệ tập trung cho vùng ĐBSCL. Theo thống kê chưa đầy đủ, chỉ từ năm 1996 đến nay ĐHQG-HCM đã thực hiện trên 300 đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ (chưa kể những đề tài cấp trường). Trong đó có nhiều đề tài liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới nhu cầu kinh tế, kỹ thuật, xã hội, nhân văn vùng ĐBSCL. Có thể phân các đề tài, dự án theo các lĩnh vực như: Nghiên cứu nguồn năng lượng mới, vật liệu mới phục vụ sản xuất, sinh hoạt; Chế tạo máy phục vụ sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản; Phát triển hạ tầng và giao thông nông thôn; Ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ hóa học; Các nghiên cứu về địa chất, địa lý, biển. Ứng dụng công nghệ thông tin địa lý dự báo lũ lụt; Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Các vấn đề xã hội, văn hóa, lịch sử, tôn giáo các khu vực; Bảo vệ sức khỏe của người dân, cộng đồng; Công nghệ phục vụ Đào tạo từ xa; Dự án Bảo vệ lưu vực sông (cùng với Đồng Nai).

Trong năm học 2007-2008, ĐHQG-HCM sẽ đẩy mạnh hợp tác với địa phương, các tổ chức khoa học công nghệ, các doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng khoa học và giá trị thực tiễn, gắn kết chặt chẽ hoạt động khoa học - công nghệ với phát triển kinh tế - xã hội.

- TP.HCM: Hợp tác xây dựng PTN Tế bào gốc; các đề tài về Nano, năng lượng, được liệt từ hợp chất thiên nhiên, ngà nước TP, chương trình robot công nghiệp.

- Tỉnh Bình Dương: Trung tâm bảo tồn sinh thái tại xã Phú An, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Thực hiện Các chương trình hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực theo thỏa thuận hợp tác với giữa ĐHQG-HCM và Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

Nhiều kết quả nghiên cứu của các đề tài trên đã được ứng dụng thành công và phục vụ thiết thực cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của vùng ĐBSCL.

Ngoài ra, còn nhiều chương trình hợp tác giữa ĐHQG-HCM với các tổ chức, tạo nhiều cơ hội cho người học, từ cấp học bổng, tăng cường tài liệu học tập cho thư viện, đến nơi làm thực tập tốt nghiệp và việc làm cho sinh viên.

### **III. Công tác trọng tâm nhằm tăng cường sự gắn kết giữa cơ sở đào tạo với thị trường lao động**

Trong thời gian tới, nhằm tăng cường sự gắn kết giữa cơ sở đào tạo với thị trường lao động, nâng cao hiệu quả đào tạo, ĐHQG-HCM tập trung 4 vấn đề sau:

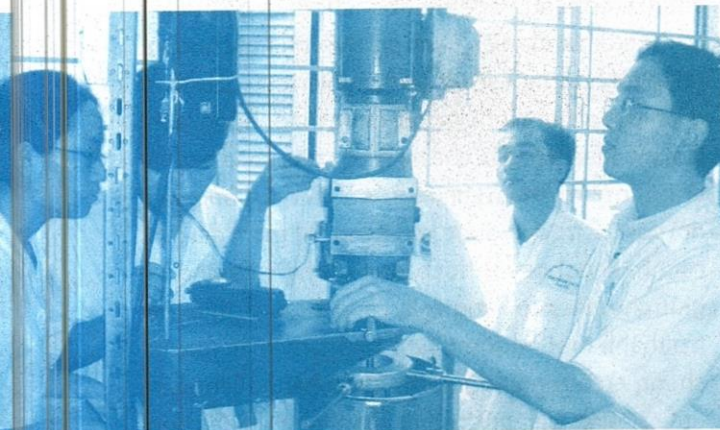
- **Đổi mới thành phần Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng ĐHQG:** có sự tham gia của đại diện doanh nghiệp.

- **Tăng cường các hoạt động gắn kết với doanh nghiệp** bằng các hình thức như đưa doanh nghiệp đến với trường (Khu CNPM); đưa trường đến với doanh nghiệp (trường ĐH Bách Khoa: Renasas, ĐH CNTT: hợp tác đào tạo, nghiên cứu theo chương trình của Microsoft, ĐHKHTN: Đưa ứng dụng tế bào gốc vào lĩnh vực nông nghiệp, y học)...

- **Chuyển đổi đào tạo theo hệ thống tín chỉ** (phần tực chọn các tín chỉ công nghiệp: CISCO, KAISA,...). Kiểm định chất lượng theo tiêu chí của Bộ và AUN: đào tạo theo chuẩn.

- **Triển khai cụ thể:** Cung ứng nguồn nhân lực theo địa chỉ. Trước mắt tập trung nguồn nhân lực cho TP.HCM (Khu Công nghệ Cao), Tỉnh Bình Dương (Chương trình nguồn nhân lực); Thành lập Trung tâm đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, TT Phối hợp Doanh nghiệp (Trường ĐH Bách Khoa); Đẩy mạnh thông tin về VNU.

- .....
1. Quyển Những điều cần biết về tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
  2. Nguồn: <http://moet.edu.net.vn/page=11.5&view=9266>
  3. Tuyển sinh bậc đại học từ năm 2005
  4. Báo cáo tổng kết tuyển sinh đại học - cao đẳng 2006 của Bộ GD&ĐT
  5. Báo cáo tổng kết tuyển sinh đại học 2007 của ĐHQG-HCM





# CÁC HỆ THỐNG XẾP HẠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC (UNIVERSITY RANKINGS)

● TS. Vũ Thị Phương Anh

*GDTrung tâm Khảo thí và Đánh giá chất lượng đào tạo*

## **Sơ lược về lịch sử xếp hạng trường đại học trên thế giới**

Giáo dục đại học được xem là đòn bẩy quan trọng vào bậc nhất đối với sự phát triển của một quốc gia, và là nguồn đầu tư mang lại lợi ích lớn nhất đối với từng cá nhân. Vì vậy, việc xếp hạng các trường đại học để xác định vị trí cao thấp của các trường hiện đang là một chủ đề nóng trong lãnh vực quản lý giáo dục đại học trên thế giới, mặc dù xét về mặt lịch sử, xếp hạng trường không phải là một việc làm mang tính hàn lâm. Bắt đầu từ giới truyền thông (chủ yếu từ nước Mỹ), các bảng xếp hạng trường đại học thoát tiên chỉ đơn thuần nhằm mục đích cung cấp những chỉ dẫn nhanh cho người tiêu dùng khi mua mọi loại dịch vụ, kể cả dịch vụ giáo dục (rượu vang hiệu nào ngon nhất, xe hơi nào chạy ít tốn xăng nhất, trường nào có dịch vụ cho sinh viên tốt nhất vv).

Tuy nhiên, tác động của các kết quả xếp hạng trường đại học đối với đông đảo độc giả khiến cho

các nhà nghiên cứu trong lãnh vực giáo dục cảm thấy có trách nhiệm phải vào cuộc. Mục tiêu đầu tiên của giới khoa học là tìm hiểu cơ sở khoa học của những kết quả này (vốn còn rất nhiều điều hạn chế), từ đó đưa ra những nhận định về giá trị (trong thời gian đầu chủ yếu mang tính phê phán) và đưa ra những biện pháp cần thực hiện để cải thiện chất lượng của các kết quả xếp hạng. Và để minh họa cho những cải thiện có thể có khi thực hiện đánh giá theo những phương pháp tốt hơn, một số cơ quan nghiên cứu giáo dục đã trực tiếp thực hiện việc xếp hạng theo những cách làm mà theo lập luận của họ là có cơ sở khoa học và vì thế có giá trị tham khảo tốt hơn và công bằng hơn đối với các trường được xếp hạng. Sự tham gia của các nhà khoa học vào hoạt động xếp hạng trường đã giúp cho việc xếp hạng ngày càng được cải thiện và trở thành một nguồn thông tin tham khảo nhanh chóng và có ý nghĩa đối với tất cả các bên có liên quan - từ các sinh viên tiềm năng cần thông tin để chọn

trường, đến các nhà tuyển dụng cần sử dụng sản phẩm giáo dục, cũng như các nhà lãnh đạo và quản lý các trường đại học để so sánh hiệu quả và chất lượng của mình với các trường tương tự.

Song song với xu hướng ngày càng chấp nhận giá trị tham khảo của các kết quả xếp hạng trường đại học, vẫn còn không ít ý kiến - chủ yếu từ giới quản lý các trường đại học, và thật thú vị là một phần không nhỏ trong số này là từ những trường có hạng thấp hoặc không đạt được vị trí mà họ mong muốn - tiếp tục phê phán kịch liệt việc sử dụng kết quả xếp hạng để đánh giá chất lượng các trường. Lập luận của những người này thường xoay quanh những bất cập trong việc sử dụng các chỉ tiêu mang tính định lượng khi xếp hạng. Những lập luận chống lại việc xếp hạng trường của những người này không phải là không hợp lý, vì dù cho đã được cải thiện, thì việc xếp hạng một thực thể hết sức đa dạng và phức tạp như các trường đại học là điều hầu như không thể thực hiện được một cách hoàn hảo.

Một trong những ví dụ được đưa ra về sự bất cập

của các chỉ tiêu này là chúng thường quá nhấn mạnh đến hoạt động nghiên cứu (số lượng bài báo hoặc công trình nghiên cứu của giảng viên, số lượng dự án nghiên cứu mà nhà trường dành được, số giải thưởng Nobel mà các giảng viên hoặc cựu sinh viên của trường đã nhận) mà bỏ quên các yếu tố liên quan đến chất lượng giảng dạy. Độ tin cậy của thông tin cũng là một vấn đề đáng lưu ý, vì thông tin được sử dụng trong nhiều hệ thống xếp hạng là do chính các trường cung cấp và không có một biện pháp chế tài nào buộc các trường phải cung cấp thông tin hoàn toàn trung thực. Hơn nữa, một phương pháp thường được dùng trong việc "chấm điểm" các trường để xếp hạng là khảo sát ý kiến những bên có liên quan bằng bảng hỏi với tất cả nhược điểm của phương pháp này, khiến cho thông tin thu thập được chỉ có giá trị hạn chế.

Quan điểm chính thống của các nhà nghiên cứu giáo dục đại học trên thế giới hiện nay cho rằng dù muốn dù không thì việc xếp hạng trường đại học cũng đã trở thành một việc làm quen thuộc và sẽ còn tiếp tục tồn tại không phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của một số nhà nghiên cứu hay quản lý trường đại học. Vì vậy, thái độ tốt nhất là nên xem các kết quả xếp hạng trường đại học như một công cụ mà mọi người có thể sử dụng cho mục đích của mình khi cần ra quyết định liên quan đến vấn đề chất lượng giáo dục đại học. Việc xếp hạng như một công cụ không tự nó mang lại lợi ích hay nguy hại cho người sử dụng, mà quan trọng là nó được sử dụng như thế nào, vì hiệu quả của việc sử dụng phụ thuộc chủ yếu vào người sử dụng. Và cũng như bất kỳ một công cụ nào khác, muốn sử dụng hiệu quả của việc xếp hạng thì người sử dụng ít nhất phải có những hiểu biết cơ bản về công cụ đó.

Phần còn lại của bài viết này là nhằm cung cấp những thông tin tổng quát mà những bên có liên quan cần phải có về vấn đề xếp hạng trường đại học để có thể sử dụng công cụ này một cách có hiệu quả. Các hệ thống xếp hạng trường đại học phổ biến trên thế giới được giới thiệu một cách tổng quát và được phân loại thành các hệ thống xếp hạng quốc gia và các hệ thống xếp hạng quốc tế. Thứ tự của các hệ thống xếp hạng được sắp xếp theo thứ tự giảm dần của tính phổ biến của chúng.

### **I. Các hệ thống xếp hạng quốc gia**

Trong các hệ thống xếp hạng các trường đại học ở quy mô quốc gia, có thể nói đi đầu trong việc sử dụng

# Phổ biến trên thế giới



phương pháp xếp hạng là khu vực các nước nói tiếng Anh như Anh, Australia, Canada, và Mỹ. Điều này cũng dễ hiểu, vì khu vực này cũng là khu vực hàng năm thu hút lượng người học ở các nước khác đến theo học ở bậc đại học cao nhất trên thế giới, và nhu cầu cung cấp thông tin so sánh để làm nguồn tham khảo nhanh chóng cho người học về các trường đại học trong nước là một nhu cầu có thật. Ngoài ra, trong một vài thập niên gần đây, việc xếp hạng cũng ngày càng trở nên phổ biến hơn ở các nước châu Âu khác như Đức, Hà Lan, vv. Riêng tại châu Á, trừ hai hệ thống xếp hạng các trường đại học trên toàn thế giới sẽ được đề cập ở phần sau, thì việc xếp hạng các trường đại học vẫn chưa mấy phổ biến. Dưới đây là một số hệ thống xếp hạng trường đại học tiêu biểu của các nước nói tiếng Anh.

#### **Mỹ: US News and World Report (USNWR)**

Hệ thống xếp hạng các trường đại học của Mỹ được nhắc đến nhiều nhất ở trong cũng như ngoài nước là ấn phẩm của tờ Tin tức nước Mỹ và thế giới (US News and World Report, viết tắt là USNWR). Xuất hiện lần đầu tiên năm 1983 tại Mỹ, ấn phẩm cung cấp thông tin xếp hạng thường niên của tờ báo này là một nguồn tham khảo quan trọng không chỉ riêng cho người học mà còn cả các giới khác, kể cả giới hàn lâm cũng như giới quản lý của các trường đại học. Việc xếp hạng được phân theo các ngành học - Kinh doanh, Luật, Y, Giáo dục, Kỹ thuật, Thụ viện học, và các chương trình đào tạo Tiến sĩ.

Các chỉ tiêu (indicators) được USNWR sử dụng để xếp hạng bao gồm 6 loại là danh tiếng học thuật, chọn lọc sinh viên, nguồn lực đội ngũ, nguồn lực tài chính, tỷ lệ tốt nghiệp, và sự hài lòng của cựu sinh viên. Việc "chấm điểm" của hệ thống USNWR chủ yếu dựa trên hai nguồn thông tin chính: ý kiến của các học sinh tốt nghiệp trung học, những người thường đã cân nhắc rất nhiều trước khi quyết định chọn học tại một trường cụ thể nào đó, và ý kiến đánh giá của các nhà quản lý các trường đại học khác (không phải là trường được xếp hạng).

#### **Anh: Times Higher Education Supplement (THES)**

Tương tự như hệ thống xếp hạng USNWR của Mỹ, hệ thống xếp hạng phổ biến nhất nước Anh cũng được thực hiện bởi một cơ quan truyền thông là báo Times qua ấn phẩm Phụ trương giáo dục đại học của

báo Times (gọi tắt là Phụ trương báo Times, tiếng Anh là Times Higher Education Supplement, viết tắt là THES), bắt đầu từ năm 2001. Tuy nhiên, khác với NSNWR sử dụng thông tin do chính các trường được xếp hạng cung cấp và kết quả khảo sát sinh viên, THES sử dụng các nguồn dữ liệu được công bố chính thức để thực hiện việc xếp hạng. Các nguồn dữ liệu được THES sử dụng gồm có:

- Cơ quan Thống kê giáo dục đại học (Higher Education Statistics Agency)
- Hội đồng Ngân sách giáo dục đại học (Higher Education Funding Council)
- Cơ quan Đảm bảo chất lượng (Quality Assurance Agency)
- Cục Tiêu chuẩn giáo dục (Office for Standards in Education)
- Kết quả khảo sát riêng đối với một số trường đại học

Những chỉ tiêu được THES sử dụng để xếp hạng trường đại học bao gồm 10 loại trong đó bao gồm những loại như: điểm thi đầu vào, tỷ lệ giảng viên và sinh viên, dịch vụ nhà ở cho sinh viên, tỷ lệ tốt nghiệp, số lượng sinh viên đạt điểm A, giá trị tăng thêm của nhà trường, chi tiêu cho thư viện, số lượng sinh viên sau đại học, và việc làm của sinh viên sau khi ra trường. So với các chỉ tiêu của USNWR, có thể thấy THES chú trọng nhiều hơn đến quá trình đào tạo của nhà trường, và vì vậy có thể là một nguồn tham khảo đầy đủ hơn cho người học so với hệ thống của USNWR.

#### **Australia: Good Universities Guide (GUG)**

Cũng là một sản phẩm của giới truyền thông, ấn phẩm nêu thông tin xếp hạng trường đại học của Australia có tên là Cẩm nang các trường đại học đạt chất lượng (tiếng Anh là Good Universities Guide, viết tắt là GUG) do tờ nhật báo The Australian thực hiện. Tương tự như THES, GUG sử dụng các thông tin chính thức từ 5 nguồn cung cấp sau đây:

- Bộ Giáo dục, Khoa học và Đào tạo (Department of Education, Science and Training)
  - Ấn phẩm "Nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp" (Graduate Careers Australia)
  - Trung tâm tuyển sinh đại học ở từng tiểu bang (tertiary admissions centres in each state)
  - Các bộ dữ liệu quốc gia khác, và
  - Kết quả khảo sát riêng với các trường đại học
- Các chỉ tiêu được GUG sử dụng để xếp hạng gồm 16 loại, trong đó có uy thế và vị trí của nhà trường,

cách hoạt động hợp tác quốc tế, giảng dạy và các khóa học, việc làm sau tốt nghiệp, và đặc điểm của sinh viên. Những chỉ tiêu này cũng phản ánh quan điểm chú trọng đến người học và quá trình học tập tại nhà trường hơn hệ thống xếp hạng của USNWR.

### **Canada: Macleans Rankings**

Một sản phẩm khác của giới truyền thông là việc xếp hạng các trường do tạp chí phổ thông của Canada mang tên Macleans thực hiện. Kết quả xếp hạng do Macleans thực hiện được công bố lần đầu tiên vào năm 1991. Macleansthu thập 22 chỉ tiêu về chất lượng trường đại học bằng cách gửi các phiếu hỏi đến các trường để nghị cung cấp thông tin. Các chỉ tiêu dùng để xếp hạng gồm có sinh viên, lớp học, giảng viên, tài chính, thư viện, và danh tiếng của nhà trường. Những chỉ tiêu này cho thấy ảnh hưởng khá lớn của USNWR đối với Macleans, hay nói cách khác là phản ánh sự khác biệt trong khuynh hướng xếp hạng trường đại học của các nước Bắc Mỹ (Mỹ và Canada) so với các nước Anh và Australia.

## **II. Các hệ thống xếp hạng quốc tế**

So với các hệ thống xếp hạng quốc gia, hệ thống xếp hạng quốc tế xuất hiện muộn hơn nhiều, chỉ trong vòng 1 thập niên trở lại đây. Hai hệ thống được nhiều người biết đến nhất là Bảng xếp hạng học thuật các trường đại học trên thế giới (tiếng Anh là Academic Ranking of World Universities, viết tắt là ARWU) của Viện Giáo dục đại học thuộc trường Đại học Giao thông Thượng Hải (tiếng Anh là Shanghai Jiao Tong University, viết tắt là SJTU) và bảng xếp hạng các trường đại học quốc tế của THES.

### **Hệ thống xếp hạng quốc tế của SJTU (Trường Đại học Giao thông Thượng Hải)**

Bảng xếp hạng các trường đại học của SJTU, tên viết tắt tiếng Anh là ARWU, là một dự án lớn của Trung Quốc nhằm đưa ra kết quả xếp hạng độc lập đối với các trường đại học trên thế giới với mục đích chủ yếu là để tìm hiểu khoảng cách giữ giữa giáo dục đại học Trung Quốc và các trường đại học tầm cỡ quốc tế (world-class) của nước khác và lập kế hoạch đuổi kịp các trường này.

Để xếp hạng các trường, ARWU sử dụng 5 chỉ tiêu là chất lượng cựu sinh viên (tính bằng số lượng cựu sinh viên đoạt các giải thưởng và hu chương đặc biệt như giải Nobel), chất lượng giảng viên (tính theo cùng

phương pháp đo lường chất lượng cựu sinh viên), kết quả nghiên cứu (tính bằng số bài báo đăng trên các tạp chí khoa học), tầm cỡ của nhà trường (tính bằng kết quả hoạt động so với quy mô của nhà trường).

Với các chỉ tiêu vừa nêu, có thể thấy rõ đây là một hệ thống xếp hạng nghiêng về đại học nghiên cứu, chú trọng các thành tích nghiên cứu của cựu sinh viên và giảng viên của nhà trường nhưng không quan tâm đến các yếu tố khác như sự hài lòng của sinh viên, hoặc chương trình giáo dục. Đây là một đặc điểm thường xuyên bị chỉ trích của ARWU, vì như đã nêu ở phần mở đầu, nhiệm vụ của một trường đại học trước hết là cung cấp các chương trình giảng dạy cho người học.

Mặc dù vẫn còn những nhược điểm, bảng xếp hạng ARWU của SJTU vẫn là một trong những hệ thống xếp hạng trường đại học có ảnh hưởng lớn đến công chúng cũng như những nhà lãnh đạo các quốc gia và các nhà quản lý các trường đại học. Kết quả xếp hạng ARWU hàng năm vẫn được các đối tượng có liên quan nóng lòng chờ đợi, với những tình cảm vui (khi được xếp hạng cao) buồn, thất vọng, giận dữ (khi bị tuột hạng, hoặc không đạt được mức hạng mong muốn) lẫn lộn.

### **Hệ thống xếp hạng quốc tế của THES (Times Higher Education Supplement - Phụ trương báo Times)**

Việc xếp hạng trường đại học quốc tế của THES bắt đầu từ năm 2004; trước đó, THES chỉ xếp hạng các trường đại học của Anh (xem phần trình bày bên trên). Phát biểu tại hội thảo về Xếp hạng trường đại học tại trường Đại học Leiden (Hà Lan) vào tháng 2/2006, Martin Ince, biên tập viên của THES cho rằng việc xếp hạng quốc tế lẽ ra đã phải làm từ lâu vì bản chất của giáo dục đại học luôn mang tính quốc tế, và trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay thì giáo dục đại học đã trở thành một dịch vụ xuyên biên giới, đòi hỏi phải có những thông tin mang tính so sánh để cung cấp cho người mua dịch vụ (chủ yếu là người học).

Các chỉ tiêu được THES sử dụng cho việc xếp hạng bao gồm 5 loại: kết quả khảo sát đồng nghiệp (các giảng viên, nhà khoa học) (40%), đánh giá của nhà tuyển dụng (10%), sự hiện diện của giảng viên/ nhà khoa học quốc tế (5%), sự hiện diện của sinh viên quốc tế (5%), tỷ lệ giảng viên trên sinh viên (20%), và tỷ lệ bài báo khoa học trên giảng viên (20%).

*(Xem tiếp trang 36)*

"BẢO TÀNG LÀ NƠI BẢO QUẢN VÀ TRƯNG BÀY CÁC SƯU TẬP VỀ LỊCH SỬ TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI NHẪM PHỤC VỤ NHU CẦU NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC, THAM QUAN VÀ HƯỞNG THỤ VĂN HÓA CỦA NHÂN DÂN (LUẬT DI SẢN VĂN HÓA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM).

# Bảo tàng nhân văn



## TRONG ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG BẢO TÀNG ĐHQG TP.HCM

● **Phạm Đức Mạnh**

*Trưởng ĐHKHXH&NV- ĐHQG-HCM*

**T**rong hai thập kỷ gần đây, cùng với sự tiến triển của các nền "kinh tế tri thức" trên phạm vi toàn thế giới, người ta được chứng kiến một sự "bùng nổ bảo tàng" ở mọi nơi, cả về số lượng (tăng gấp đôi từ 3 vạn lên 6 vạn), về cả chất lượng trưng bày triển lãm ứng dụng khoa học - kĩ thuật - công nghệ hiện đại và về cả loại hình bảo tàng mới ("Làng bảo tàng", "Bảo tàng sống", "Bảo tàng sinh thái".v.v...). Riêng trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, tôi đã từng nghe nói rằng Trường ĐHKHXH&NV không có Bảo tàng thì cũng giống Trường ĐHKH Tự nhiên không có phòng thí nghiệm vậy. Tôi cũng đồng tình ý tưởng này, nhưng vẫn chưa thấy có Trường ĐH có danh tiếng và truyền thống lâu đời trên thế giới nào, cả Trường ĐHKHTN lẫn Trường ĐHKHXH&NV, lại không có riêng một Bảo tàng, với những sưu tập hiện vật tổng hợp và đặc thù về lịch sử hình thành và tương lai phát triển của trường; góp phần đắc lực trong công tác đào tạo - nghiên cứu khoa học và nâng cao uy tín của mình ở trong và ngoài nước. Thậm chí có đại học còn có tới cả hệ thống bảo tàng chuyên ngành,

như ĐH Harvard (Mỹ), ĐH M Y, Y (Nga) .v.v. Trong 29 Ủy ban Quốc tế của "Hội đồng Quốc tế các Bảo tàng"(International Council of Museums-ICOM) đã có riêng một cơ sở về "Bảo tàng Trường và các sưu tập"(International Committee for University Museums and Collections - UMAC) (Cục Di sản văn hóa, 2005).

Ở nước ta, hình thức xây dựng bảo tàng và các "phòng truyền thống" gắn liền trường ĐH cũng đã có từ lâu song chưa thật chuẩn mực về chất lượng và đồng bộ, chưa thực sự phát huy vai trò đích thực và chức năng nghiên cứu khoa học cơ bản - khoa học ứng dụng và đặc dụng cho các nhiệm vụ trọng yếu về giáo dục và đào tạo bậc ĐH và sau ĐH của mỗi trường. Đối với Trường ĐHKHXH&NV - một thành viên của ĐHQGTP.HCM, việc thành lập bảo tàng học đường cũng đã được đặt ra từ lâu, nhưng vẫn dừng ở "ý tưởng" và "ước vọng". Đây là một trong những trường ĐH có lịch sử lâu đời, với tiền thân là Trường ÍH Văn khoa thành lập tại Hà Nội ngày 4 tháng 1 năm 1950 (NĐ số 1-NĐ/GD của Bộ Quốc gia Giáo dục) và tái lập tại Sài Gòn tháng 11-1954 (Sáp nhập vào Viện ĐH Quốc gia ngày 16/12/1955 và Viện ĐHSài Gòn ngày 1/3/1957). Năm 1977, Trường ĐH Tổng hợp TPHCM thành lập trên cơ sở sáp nhập hai trường ÍH Khoa học và ÍH Văn khoa. Ngày 30-3-1996, Trường ĐHKHXH&NV chính thức được thành lập theo quyết định số 1233/GD-ĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký, với mục tiêu cơ bản nhất là phấn đấu để trở thành một trung tâm đào tạo KHXH&NV có uy tín cao không chỉ so với các trường đại học cùng ngành trong phạm vi cả nước, mà còn có nhiều mặt có thể sánh ngang tầm với các trường ÍH khác trong khu vực Đông Nam Á.

Trải qua hơn nửa thế kỷ kể từ ngày tái lập với bao thăng trầm, đổi thay về mục tiêu, chương trình, phương pháp đào tạo, Trường đã trưởng thành, phát triển về nhiều mặt, đã trở thành một trung tâm có uy tín đào tạo và nghiên cứu khoa xã hội học và nhân văn lớn nhất các tỉnh phía Nam, với hàng trăm cán bộ giảng dạy có học hàm GS-PGS, học vị TS, Th.S, với hàng vạn sinh viên chính quy hàng vạn sinh viên hệ tại chức, cùng hàng ngàn học viên cao học và nghiên cứu sinh đang học tập. Yêu cầu giảng dạy - học tập "chất lượng cao" ngày càng cấp thiết đòi hỏi nội dung kiến thức cập nhật và ở trình độ hiện đại của đất nước và khu vực, theo đó cần kịp thay đổi trang thiết bị phù hợp trong các hoạt động đào tạo - nghiên cứu khoa học và cần có một bảo tàng tổng hợp cùng bộ phận kỹ

thuật - trưng bày - kho tàng tương thích, phục vụ trực tiếp cho các nhiệm vụ chiến lược của Trường. Từ nhiều năm trước đây, Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQGTPHCM đã có ý tưởng hình thành một bảo tàng tổng hợp các chuyên ngành hiện có ở Trường như vậy. Ví như, năm 1997, Khoa Lịch sử thuộc Trường đã xây dựng dự án thành lập: "Trung tâm nghiên cứu Nhân học - Lịch sử - Văn hóa Nam Bộ (VN)" trong đó có nói đến sự cần thiết và triển vọng trong việc thành lập bảo tàng của Trường. Trên cơ sở hàng chục năm thực tập, thực tế, điển dã phục vụ nghiên cứu, đào tạo những vấn đề lịch sử, khảo cổ, dân tộc, văn hóa, địa lí và văn học (đặc biệt là văn học dân gian), ngôn ngữ học, tôn giáo, tín ngưỡng, nghệ thuật... , giảng viên và sinh viên một số chuyên ngành của Trường đã sưu tầm và thu thập được nhiều hiện vật, tư liệu gồm nhiều loại hình đa dạng và quý hiếm về Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử văn hóa, Hán Nôm học, văn học dân gian... , nhưng chưa có điều kiện bảo quản, trưng bày bằng các phương thức khoa học để thực sự đóng góp cho việc nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, tham quan, nghiên cứu, giáo dục truyền thống. Trong thực tiễn công tác, việc giảng dạy, học tập, tham quan, nghiên cứu khoa học của cán bộ, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh nói chung trong thời gian qua còn nặng về lý thuyết, thiếu cơ sở thực hành, nghiên cứu, thám sát. Không ít các chuyên đề ở các cấp học còn ở tình trạng "chay" không hề có minh họa "vật thật" không đạt kết quả giáo dục - nghiên cứu "chuẩn" (étalon).

Bên cạnh đó, nhu cầu xã hội trong nước và giới nghiên cứu nước ngoài về nghiên cứu - tham quan khảo sát - du lịch, học tập và tìm hiểu về lịch sử - văn hóa ở nước ta ngày càng lớn, nhất là trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Đặc biệt một số ngành khoa học trong nước ta (Sử học, Khảo cổ học, Nhân học, Việt nam học, Văn hóa học, Đông Nam Á học, Đông Phương học...) đã phát triển tiến bộ nhiều trong thập kỷ gần đây sẽ là cơ sở tri thức nền tảng cho việc từng bước xây dựng, hình thành "khuôn mẫu" một bảo tàng tổng hợp mang đậm nét đặc trưng của một trường đại học lớn ở các tỉnh phía Nam và ở trong nước. Về quan hệ hợp tác, Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQGTPHCM hiện có mối quan hệ hợp tác truyền thống với nhiều cơ sở đào tạo - nghiên cứu khoa học (Các trường ÍH thuộc ĐHQGTPHCM, Trường ĐHSư phạm, trường Cao đẳng Văn hóa, Viện KHXH vùng Nam Bộ, Viện nghiên cứu văn hóa xã hội TPHCM, Hội Sử học, các Viện bảo tàng ở

TPHCM và ở miền Nam). Đồng thời có quan hệ hợp tác quốc tế với nhiều trường ĐH lớn trong khu vực và trên thế giới, thiết lập mối quan hệ rộng lớn với nhiều trường ĐH và nhiều tổ chức khoa học - đào tạo trên thế giới; cùng nhiều chuyên gia, các nhà quản lí văn hóa, các cơ quan văn hóa, các nhà sưu tập tư nhân ở trong và ngoài nước. Một số sưu tập hiện vật tại các bảo tàng Tp. Hồ Chí Minh, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - Tp. Hồ Chí Minh, Viện nghiên cứu xã hội Tp. Hồ Chí Minh trao tặng cho nhà trường, góp phần phục vụ cho trưng bày, giảng dạy, học tập ở trình độ đại học và sau đại học dưới hình thức của "giáo cụ trực quan" và thực thi chủ trương: "Đưa bảo tàng đến với học đường".

Dựa trên tất cả những thuận lợi trên, Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQGTPHCM đã hoàn thành đề tài trọng điểm cấp Bộ nhằm chuẩn bị cơ sở cho việc đề xuất dự án thành lập và đầu tư xây dựng bảo tàng của Trường với tư cách là một cơ quan văn hóa, nghiên cứu khoa học kết hợp đào tạo, với mục đích và chức năng nghiệp vụ chuyên biệt về nghiên cứu và tuyên truyền giáo dục gắn kết với công tác đào tạo sẽ góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giảng dạy đại học và sau đại học, đáp ứng yêu cầu và mục đích chiến lược xây dựng ĐHQGTPHCM thành một đại học nghiên cứu trong các kế hoạch trung hạn và dài hạn. Trong "Đề án thành lập Bảo tàng trường ĐHKHXH&NV - ĐHQGTPHCM"; các sưu tập hiện vật được ưu tiên xây dựng liên hệ đến các lĩnh vực:

a. Các nền văn hoá vật chất ở khu vực Nam Bộ, Tây Nguyên và Tp. HCM.

b. Truyền thống văn hoá vật thể và phi vật thể của các dân tộc trong "Đại gia đình các dân tộc ở Việt Nam".

c. Hiện vật và tư liệu trên lĩnh vực văn học, kiến trúc, nghệ thuật, mỹ thuật, văn hoá dân gian, văn hoá truyền thống, lễ hội, phong tục tập quán, văn hoá đời thường (như hình ảnh, âm thanh cuộc sống, v.v...) ở Nam Bộ, Tây Nguyên và Tp. HCM và Việt Nam .v.v...

Theo dự kiến, Bảo tàng tổng hợp này là một đơn vị trực thuộc Trường; hoạt động theo quy chế của Trường ĐHKHXH&NV và của ĐHQG Tp HCM; đồng thời cũng phải phù hợp với các quy định về hoạt động của Bảo tàng mà Nhà nước đã ban hành (Luật di sản Văn hoá 2001 và Nghị định số 92 của Chính Phủ nước CHXHCN Việt Nam 2002). Đây sẽ là nơi xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình nghiên cứu, đào tạo và bảo tồn - bảo tàng về lịch sử- văn hoá - nghệ thuật- nhân học v.v....; kết hợp với các hoạt động hợp

tác với các Bảo tàng bạn, các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học trong và ngoài nước; đồng thời là nơi lưu trữ và cung cấp tư liệu phục vụ dạy - học - nghiên cứu khoa học - giáo dục văn hoá truyền thống về các lĩnh vực trọng yếu về: Lịch sử - văn hoá các dân tộc ở Việt Nam; Các nền văn hoá khảo cổ ở Việt Nam; Văn hoá xã hội truyền thống; Văn học và nghệ thuật vật thể - phi vật thể Việt Nam; Truyền thống đấu tranh của nhân dân trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; Văn hoá - nghệ thuật - tín ngưỡng các dân tộc khác trong Khu vực và Châu lục.

Trong định hướng nội dung trưng bày Bảo tàng Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG Tp. HCM trước mắt và lâu dài, chúng tôi xác định rõ mục tiêu xây dựng Bảo tàng Trường là bảo tàng khảo cứu học đường, một cơ quan đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường, có nhiệm vụ nghiên cứu, sưu tầm, thu thập, bảo quản, phục chế và lưu trữ, trưng bày nhiều hình thức khác nhau các sưu tập hiện vật - mẫu vật, hệ thống tư liệu về di sản văn hoá phi vật thể và phi vật thể Việt Nam truyền thống và hiện đại, phục vụ cho việc nghiên cứu giảng dạy và phổ biến kiến thức của giáo viên, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh các ngành KHXH&NV. Với truyền thống đào tạo và tiềm năng có hệ thống tư liệu tàng trữ, Bảo tàng nhà Trường định hướng quy tập các tài sản văn hoá vật thể và phi vật thể, các nguồn tài liệu KHXH&NV có khả năng cung cấp những tri thức khoa học về lịch sử sáng tạo văn hoá của các cộng đồng người trong "Đại gia đình các dân tộc" trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam nói chung và ở các tỉnh phía Nam nói riêng; trên định hướng xây dựng Bảo tàng Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG Tp. HCM trở thành một "giảng đường đặc biệt" - một trung tâm đa chức năng; nghiên cứu, thực nghiệm, bảo quản, trưng bày, phổ biến, trao đổi hiện vật và những tri thức gắn trực tiếp với hiện vật, đặt hiện vật trong bối cảnh xã hội - văn hoá tương ứng giúp cho việc nâng cao khả năng cảm thụ tri thức KHXH&NV của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh và nâng cao kiến thức văn hoá, hoàn thiện khả năng thực hành, thực nghiệm, nâng cao lòng tự hào về văn hoá Việt Nam của họ; góp phần vào sự nghiệp giáo dục tình yêu quê hương đất nước và sự nghiệp khai thác phát huy tiềm năng văn hoá truyền thống trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc theo định hướng "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" hiện tại và mai sau.

Trên định hướng chung, chúng tôi vun đắp các



ý tưởng xây dựng được Một bảo tàng Chuyên ngành -Khu vực (chuyên ngành về KHXH&NV ở khu vực Nam Bộ); một "Phòng thí nghiệm đặc thù" cho các KHXH&NV ở các tỉnh phía Nam đất nước trên cơ sở Các sưu tập hiện vật gốc và hiện vật phục chế, hình ảnh âm thanh, tư liệu, đồ bản GIS .v.v... - những sưu tập di sản văn hoá vật thể - phi vật thể ở Việt Nam nói chung và ở các tỉnh phía Nam nói riêng từ cổ xưa đến hiện đại. Bảo tàng Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG Tp. HCM là bảo tàng chuyên ngành khu vực, có kiến trúc được duyệt tương hợp với tổng quy hoạch chung cho cả quần thể kiến trúc Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG Tp. HCM, tại Cơ sở Linh Trung - Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh; với một toà nhà độc lập xây hai tầng, với diện tích sử dụng 2000m<sup>2</sup>, bao gồm cấu trúc không gian bảo tàng "kinh điển" như: Không gian trưng bày trong nhà và ngoài trời; Không gian bảo quản và xử lý mẫu vật, dành cho các thiết bị kỹ thuật, Không gian hành chính; phục vụ kịp thời cho công tác giáo dục - đào tạo, nghiên cứu các chuyên ngành KHXH&NV liên quan với mục tiêu tuyên truyền, giáo dục truyền thống và nghiên cứu các giá trị văn hóa vật thể-phi vật thể cho giảng viên, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh để thực hiện phương châm: Học đi đôi với hành, học hành với giáo cụ trực quan sinh động nhất, học lịch sử văn hóa gắn kết với hiện trường di tích và đời sống tộc người, đưa học đường đến với Bảo tàng ở Tp. HCM, ở Nam Bộ và Việt Nam.

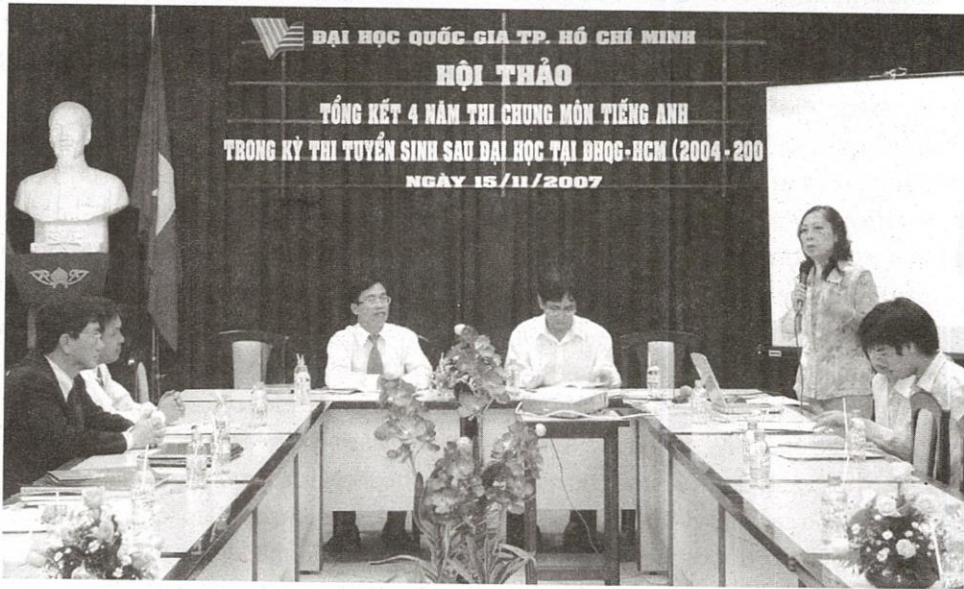
Hiện tại, do còn nhiều giới hạn, chúng tôi chỉ mới khai thác phục vụ "Dạy và học" ở một số sưu tập di vật hiện có của Bảo tàng Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG TP HCM tập trung trình diễn căn bản về lịch sử lao động, cư trú và sáng tạo văn hóa vật thể - phi vật thể của "Đại gia đình các dân tộc Việt Nam" ở Nam Bộ- mảnh đất từng là "máu của máu Việt Nam, thịt của thịt Việt Nam" từ quá khứ đến hiện tại; hồ òung đa n sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh tiếp cận một số khía cạnh văn hóa tiêu biểu trong bức tranh toàn cảnh về văn hóa Nam Bộ từ cổ chí kim; cố gắng thể hiện năng cao ấn tượng, chuyển tải căn bản diễn trình lao động-sáng tạo văn hóa "gian lao mà an hưởng" của các cộng đồng người ở Nam Bộ, với người Việt và văn hóa Việt là trung tâm liên kết cuốn hút các cộng đồng tộc người anh em khác cùng "chung lưng đấu cật"; xây đắp cuộc sống và văn hóa "trên mảnh đất này"; cố gắng cập nhật các dữ kiện- phát hiện mà người xem quan tâm ở Tp. HCM và Nam Bộ hiện nay.

Trong các kế hoạch công tác tiếp theo chúng tôi

dự liệu đặt trọng tâm vào công tác sưu tầm hoàn thiện các sưu tập hiện có và xây dựng các sưu tập khiếm khuyết chuẩn bị các chương trình nghiên cứu thiết kế trưng bày cho tòa nhà bảo tàng tương lai với phương thức bổ sung chính thức là: Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường và cấp bộ dài hạn, các chương trình đào tạo để triển khai các đợt điền dã để sưu tầm hiện vật và tư liệu, khai quật và điều tra thám sát Khảo cổ học, điền dã Dân tộc học thường niên; kết hợp giữ chương trình thực tập- thực tế thuộc nhiều chuyên ngành trong KHXH&NV trong đào tạo Đại học và sau Đại học ở Trường với các địa phương, để thực hiện phương châm giáo dục gắn liền với di sản và với bảo tàng ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả ở các tỉnh phía Bắc; tạo nguồn bổ sung hiện vật phục vụ trưng bày và nghiên cứu khoa học định kỳ thường niên. Thúc đẩy các chương trình hợp tác kiến nghị giúp đỡ và trao đổi hiện vật với các bảo tàng hiện có ở Việt Nam, các nhân sĩ quan tâm đến sự nghiệp giáo dục và đào tạo thế hệ tri thức trẻ thuộc các ngành KHXH&NV, đề xuất với Cục Di sản văn hóa và các cơ quan hữu quan các kiến nghị mua hiện vật bổ sung cho Bảo tàng từ các cơ quan và các Hội Cổ vật, các nhà sưu tập tư nhân ở TP HCM và trong cả nước v.v... với tâm niệm chung rằng: "Cần phải giữ cho được mọi giá trị văn hóa dân tộc, dù nó chỉ còn là những mảnh vỡ nhỏ. Bởi vì văn hóa của một dân tộc, một cộng đồng người thậm chí của một cá thể là những điều không thể thay thế được" (Federico Mayor, Tổng giám đốc UNESCO).

Hiển nhiên, để thành hiện thực các ý tưởng và ước vọng về "Bảo tàng của tương lai" và "Tương lai của Bảo tàng" trong lòng trường KHXH&NV - ĐHQG Tp. HCM không chỉ có tình yêu di sản văn hóa dân tộc và mơ ước "Bảo tàng" tình yêu ấy là đủ. Chúng tôi hy vọng nhận được nhiều sự trợ giúp hữu hiệu khác, mà trước nhất từ sự trợ giúp trực tiếp từ các bảo tàng lớn của Tp. HCM về việc tổ chức trưng bày và giáo dục nghiệp vụ "Bảo tàng học" phục vụ tốt nhất đối tượng đặc thù là sinh viên- học viên cao học và nghiên cứu sinh theo đúng định hướng "Bảo tàng một thiết chế phi lợi nhuận hoạt động lâu dài phục vụ cho xã hội và sự phát triển của xã hội, mở cửa cho công chúng đến xem, có chức năng sưu tầm, bảo quản, nghiên cứu, tuyên truyền và trưng bày các bằng chứng vật chất về con người và môi trường sống của con người vì mục đích nghiên cứu, giáo dục và thưởng thức" (ICOM-Sravanger 1995).

# Tư tin với hướng đi mới



## ● Ngọc Trâm

### Những chặng đường đã qua

Được thành lập trên cơ sở Ban Anh văn, Trường ĐH Văn khoa Sài Gòn rồi đến Bộ môn Ngữ văn Anh của Khoa Ngữ văn nước ngoài Trường ĐH Tổng hợp TPHCM (năm 1976). Từ cuối năm 1988, Bộ môn Ngữ văn Anh đã phát triển thành một khoa độc lập thuộc Trường ĐH Tổng hợp TPHCM và bây giờ là khoa Ngữ văn Anh, Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG-HCM. Với hơn 50 năm tồn tại và phát triển khoa Ngữ văn Anh đã được nhiều thành tích, là một trong những khoa chủ lực của Trường với số lượng sinh viên và cán bộ giảng dạy đông đảo. Chức năng nhiệm vụ của Khoa là đào tạo nguồn nhân lực trong các lĩnh vực có liên quan đến ngành Ngữ văn Anh để phục vụ cho nhu cầu xã hội, đặc biệt là của các tỉnh phía Nam. Hiện khoa có ba bộ môn chính là Bộ môn Ngữ học-Biên Phiên Dịch, Bộ môn Văn hóa - Văn học, Bộ môn Dạy tiếng và một trung tâm (Trung tâm tư liệu Anh ngữ).

Khoa đã thiết kế và hoàn chỉnh, bổ sung các chương trình đào tạo cho khối chính quy, chuyên tu, tại chức,

cao đẳng và cao học. Việc phát triển loại hình đào tạo song ngữ Nga-Anh đã hướng tới việc đào tạo song ngữ ở các khoa ngoại ngữ khác trong tương lai để có sự phát triển đồng bộ và đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội trong xu thế hội nhập quốc tế. Từ tháng 5/1999 Khoa Ngữ văn Anh đã mở cao học ngành đào tạo giáo viên tiếng Anh (Master of Arts in TESOL). Đây là trường đầu tiên ở các tỉnh phía Nam được đào tạo ngành này. Ngoài ra, Khoa đã liên kết với Trường đại học La Trobe (Úc) để mở lớp đào tạo thạc sĩ ngôn ngữ học ứng dụng và Tiến sĩ Giáo dục.

### Sôi động các hoạt động năm học 2007-2008

Vị đặc điểm riêng biệt của khoa là học về tiếng Anh, nên việc nghiên cứu khoa học đối với SV cũng gặp nhiều khó khăn vì những đề tài nghiên cứu liên quan đến ngôn ngữ Anh dường như vượt ngoài sức của những SV năm 1, năm 2. Trong khi đó, những SV năm 3, năm 4, có đủ lực hơn để NCKH thì lại bận bịu với việc học các môn chuyên ngành và thực tế công việc cũng như việc thực hành. Tuy nhiên, trong năm học 2006 - 2007, khoa đã có 9 đề tài của SV tham gia giải

NCKH cấp trường và có 4 đề tài đạt giải khuyến khích. Trong đó, những đề tài tiêu biểu có thể kể đến như: Lối sống của thanh thiếu niên thành thị Việt Nam phản ánh qua báo chí giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2006, Văn hóa quần chúng thể hiện trong phim điện ảnh Mỹ, Tình hình học theo phương pháp làm nhóm của sinh viên năm ba ngành Ngữ văn Anh..

Số lượng SV đầu vào của khoa hiện có chất lượng khá cao. Thủ khoa kỳ thi tuyển sinh ĐH 2007 của Trường ĐHKHXH&NV- Hồng Thị Phương Anh hiện đang là SV của khoa. Các hoạt động học tập và phong trào của sinh viên qua từng năm luôn có những thành công đáng khích lệ và đã đóng góp vào sự phát triển chung của cả khoa. Ngày 27-10 vừa qua, Khoa Ngữ Văn Anh đã tổ chức lễ trao bằng Cử nhân Ngữ văn cho sinh viên khoá 2003-2007 tại Nhà văn hóa Thanh niên. Ban chủ nhiệm khoa đã trao giấy khen và phần thưởng cho 36 sinh viên có nhiều thành tích trong học tập và hoạt động phong trào trong năm học 2006-2007. Số SV được công nhận tốt nghiệp đợt 1 ngành Ngữ văn Anh là 157 SV. Trong đó, có 6 sinh viên tốt nghiệp loại giỏi (4,05%), 80 sinh viên tốt nghiệp loại khá (50,95%) và 71 sinh viên tốt nghiệp loại trung bình khá (55%) và không có sinh viên tốt nghiệp trung bình. Kết quả SV bảo vệ thành công khoá luận tốt nghiệp đại học được đánh giá cao: 2 SV nhận điểm 9.5, 5 SV nhận điểm 9.0, 1 SV nhận điểm 8.5 và 1 sinh viên nhận điểm 8.0.

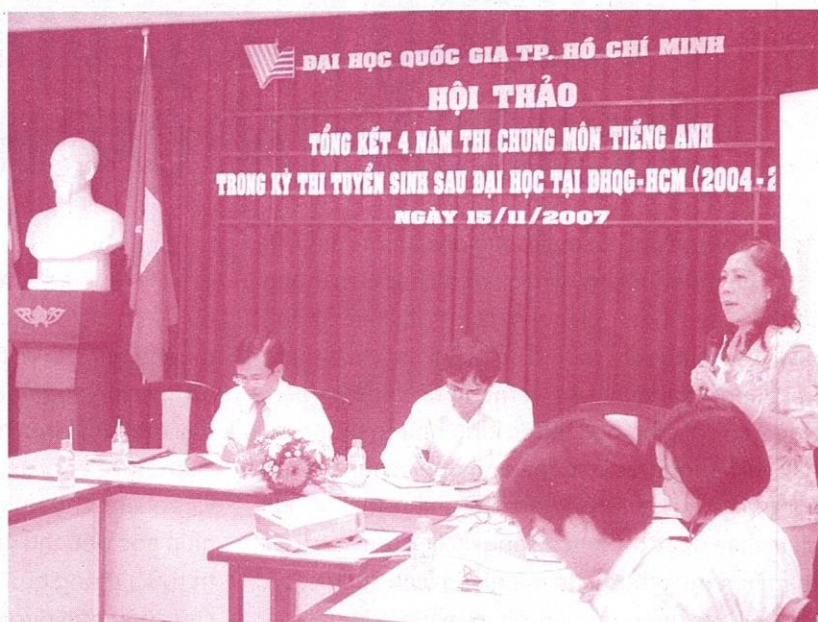
SV khóa 2003-2007 là năm đầu tiên học tập 3 năm tại cơ sở Linh Trung (Thủ Đức). Tuy điều kiện học tập và đi lại còn nhiều khó khăn nhưng các bạn SV đã chủ động trong việc học và tổ chức được nhiều hoạt động phong phú, đa dạng nhằm tăng cường tinh đoàn kết giữa SV các lớp nói riêng và toàn khoa nói chung. Tiêu biểu là SV lớp 03E đã tổ chức văn nghệ gây quỹ ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, tổ chức câu lạc bộ tiếng Anh cấp lớp và tham gia nhiều hoạt động khác của Trường. Một số SV có nhiều đóng góp cho công tác Đoàn và phong trào sinh viên, công tác xã hội của trường và của khoa như Lê Thị Thủy Triều, Võ Thị Ngọc Quỳnh... Một số SV được cử đi học và tham gia

các hoạt động giao lưu ở nước ngoài như SV Nguyễn Diên Châu Giang (học trao đổi 6 tháng tại ĐHQG Singapore- NUS, SV Võ Hoàng Việt và Khổng Thị Tâm An (tham gia diễn đàn sinh viên Châu Á tại Singapore)

Địp 20-11 năm nay, SV của khoa sôi động với chương trình "Liên hoan văn nghệ chào mừng ngày 20-11" do Ban chấp hành Đoàn khoa- Ban chấp hành liên chi hội SV khoa Ngữ văn Anh phối hợp với Nhà văn hóa sinh viên TP.HCM tổ chức đã diễn ra thành công, tạo nên một sân chơi ý nghĩa và thiết thực cho SV của khoa với hơn 22 tiết mục văn nghệ xuất sắc của SV khoa Ngữ văn Anh năm 2007 cùng với các tiết mục tham gia giao lưu của các trường trên địa bàn thành phố: ĐH Ngoại Thương, ĐH Công nghiệp, ĐH KHTN-ĐHQG-HCM.

Nói về những dự định trong năm học mới này, TS. Nguyễn Thị Kiều Thu- trưởng khoa Ngữ văn Anh cho biết: "Khoa sẽ chú trọng đến công tác quản lý sinh viên, đẩy mạnh các hoạt động văn thể mỹ, sinh hoạt cộng đồng bên cạnh việc học tập. Khoa cũng tổ chức các hoạt động hướng nghiệp dưới sự hỗ trợ của các doanh nghiệp và cựu sinh viên nhằm tạo động lực học tập cho các em. Một điểm quan trọng khác là Khoa sẽ chỉnh sửa lại chương trình của các hệ đào tạo cho sát với nhu cầu thực tế của xã hội."

Về hướng phát triển của khoa trong thời gian tiếp theo, TS. Nguyễn Thị Kiều Thu cho biết thêm: "Nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng dạy, Khoa có đề án mở chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành ngôn ngữ Anh và mở rộng liên kết đào tạo với các đại học nước ngoài".



*Phương pháp giảng dạy và học tập là một trong những yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo và hiệu quả về kiến thức thu nhận của học viên.*

*Vì vậy, trong nhiều năm qua, các trường đại học tham gia đào tạo quản trị kinh doanh ở Việt Nam đã chú ý nhiều đến phương pháp giảng dạy và học tập và từng bước ứng dụng những phương pháp giảng dạy và học tập tiên tiến trên thế giới. Một phương pháp giảng dạy có hiệu quả luôn gắn liền với phương pháp học của học viên. Trong đào tạo*



*ngành kinh doanh, có ba phương pháp chính trong giảng dạy và học tập, đó là phương pháp một chiều (rote learning), phương pháp giải quyết vấn đề (problem-solving learning) thông qua tình huống, và phương pháp nội hóa tri thức (internalization) (Barrett & ctg 2006).*

## Phương pháp tình huống TRONG ĐÀO TẠO CAO HỌC QTKD

**D**ạy và học theo phương pháp một chiều, tri thức được chuyển giao cho học viên thông qua một "qui trình cơ học", thể hiện thông qua việc giảng viên truyền tải bài giảng chứa đựng nội dung ở dạng dữ liệu và thông tin cho học viên. Học viên cố gắng học thuộc lòng những thông tin này với kỳ vọng là sẽ có thể ứng dụng chúng trong công việc sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, tri thức học viên nhận được thường ở dạng dữ liệu (mức tri thức thấp hơn mức thông tin mà giảng viên cung cấp). Dạy và học theo phương pháp giải quyết vấn đề,

● **Nguyễn Thị Mai Trang**  
*Khoa Kinh tế - ĐHQG TP.HCM*

thường được thực hiện thông qua các tình huống, tri thức chuyển giao cho học viên được thể hiện thông qua "qui trình hóa học". Qui trình này giúp cho học viên chuyển đổi dữ liệu thành thông tin thông qua việc phân tích các tình huống. Phương pháp nội hóa giúp học viên thu nhận kiến thức (cấp cao nhất của tri thức) thông qua "qui trình nội hóa" trong đó dữ liệu, thông tin được nội hóa với kiến thức học viên

nhận được từ các dự án thực hiện cho các doanh nghiệp ở thị trường.

Phương pháp học một chiều thì hầu như hiện nay đang bị đào thải do không có hiệu quả vì nó chỉ cung cấp cho học viên dữ liệu (cấp thấp nhất của tri thức). Phương pháp nội hóa rất hiệu quả trong đào tạo quản trị kinh doanh. Tuy nhiên, ứng dụng phương pháp này đòi hỏi nhiều kinh phí cũng như mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, giảng viên và doanh nghiệp. Với điều kiện đào tạo cao học quản trị kinh doanh (CHQTKD) tại Việt Nam, phương pháp giải quyết vấn đề bằng tình huống là phương pháp có thể được xem là phù hợp. Điều này được lý giải là do các nhà quản trị trên thế giới ngày nay phải đương đầu với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường, công việc kinh doanh trở nên phức tạp hơn. Các nhà quản trị phụ thuộc nhiều vào những sự thật (facts), và những thực tiễn tốt nhất được đúc kết lại từ những nhà quản trị khác. Vì vậy, sẽ là một thiếu hụt lớn nếu các chuyên ngành đào tạo CHQTKD không sử dụng phương pháp tình huống trong giảng dạy.

Phương pháp giảng dạy bằng tình huống được dựa trên triết lý giáo dục chuyên nghiệp, đi đôi với kiến thức và hành động. Phương pháp này giúp học viên chuyển đổi cách học từ thụ động trong học tập thành học tích lũy, luôn tìm tòi, kết hợp, và gợi lại những kinh nghiệm học hỏi (Lundberg & ctg 2001). Do đó, bài viết này sẽ tập trung vào phương pháp giải quyết vấn đề bằng tình huống trong đào tạo CHQTKD. Phần tiếp theo của bài viết giới thiệu sơ lược về phương pháp tình huống, các dạng tình huống phổ biến cũng như ích lợi của chúng trong đào tạo CHQTKD. Cuối cùng, bài viết đề xuất một số biện pháp để ứng dụng phương pháp tình huống trong đào tạo CHQTKD tại Khoa Kinh tế, ĐHQG TP HCM.

### **Phương pháp dạy và học thông qua tình huống**

Phương pháp dạy và học theo tình huống xuất phát từ Trường Luật và nhanh chóng được triển khai tại Trường Kinh doanh của Đại học Harvard và nhiều trường kinh doanh khác tại Mỹ (Christensen 1989). Phương pháp này ngày càng được sử dụng rộng rãi trong nhiều chuyên ngành khác nhau trong ngành kinh doanh như quản trị, tiếp thị, kế toán, thông tin kinh doanh, và ngay cả thống kê kinh doanh. Sự lan rộng của phương pháp giảng dạy và học tập bằng tình huống được lan rộng đã thể hiện được một điều

là đa số giảng viên đã nhìn nhận được hiệu quả của nó trong giảng dạy vào học tập.

Có rất nhiều định nghĩa về tình huống. Gragg (1954, 6) cho rằng: "[t]ình huống là việc ghi nhận những vấn đề kinh doanh mà quản trị viên điều hành thực sự gặp phải trong thực tiễn, cùng với những những quyết định phải phụ thuộc vào sự thật, quan điểm, và định kiến. Những tình huống thực và riêng biệt này được trình bày cho học viên để phân tích, thảo luận mở và nên thực hiện loại hoạt động nào." Mauffette-Leenders & ctg (1997, 2) định nghĩa "[t]ình huống là việc mô tả một tình hình thực, thông thường liên quan đến một quyết định, thách thức, cơ hội, vấn đề, mà một cá nhân (hay nhiều cá nhân) trong một tổ chức phải giải quyết. Tình huống cho phép học viên đảm nhận vai trò của nhà ra quyết định." Desiraju & Gopinath (2001) cho rằng tình huống thể hiện một phần thực tế thông qua việc mô tả chi tiết sự kiện đã xảy ra và đưa ra một khuôn khổ mà trong đó việc thảo luận về những vấn đề chính yếu đang được tranh luận trong kinh doanh có thể xảy ra. Những định nghĩa về tình huống nên trên, tuy khác nhau, nhưng có những điểm chung cơ bản, đó là, (1) tình huống mô tả một tình hình có thực, (2) tình huống có thông tin đúng mực và độ phức tạp nhất định, và (3) tình huống đề nghị hoạt động quản trị thích hợp có thể hoặc nên thực hiện.

### **Các dạng tình huống và ứng dụng của chúng**

Có nhiều dạng tình huống và mỗi loại tình huống khác nhau sẽ có hàm ý về giá trị khác nhau. Lundberg & ctg (2001) đã đưa ra các loại tình huống khác nhau dựa vào hình thức và kết quả dự kiến mà học viên sẽ gặp phải được. Các dạng tình huống có thể liệt kê như sau:

#### **1. Tình huống "phần nổi của tảng băng" (iceberg cases)**

là dạng tình huống thường cung cấp thông tin không nhiều và thông tin ở dạng không có cấu trúc. Phần giới thiệu khá gọn về tình hình và có thể (hoặc không có thể) yêu cầu ra quyết định. Học viên phải điều nghiên xem thu thập thông tin gì thêm nếu họ ở vào vị trí chủ chốt trong tình huống. Tình huống dạng này buộc người đọc suy nghĩ sâu sắc và so sánh các chọn lựa có thể thay thế và áp dụng những mô hình khái niệm lý thuyết đã học để phân tích tình huống. Mục đích của tình huống này là giúp học viên nhận dạng được vấn đề, thu thập và đánh giá thông tin và ứng dụng những mô hình khái niệm lý thuyết đã học.

2. *Tình huống "sự việc" (incident cases)* là loại tình huống được viết về chủ đề đơn lẻ khá chi tiết nhưng hạn chế về thời gian và nơi chốn. Nhiệm vụ của học viên là so sánh sự việc này với những thực tiễn được chấp nhận hoặc kinh nghiệm của chính học viên. Mục đích của tình huống này là kích thích việc thảo luận của học viên trong lớp về một chủ đề nào đó trong sách giáo khoa.

3. *Tình huống "minh họa" (illustrative cases)* dùng để mô tả sự kiện hoặc quá trình dựa trên sự việc có thật. Thông tin trong tình huống khác cấu trúc để minh họa một tình hình nào đó. Công việc của học viên là tìm hiểu một hay nhiều thực hành kinh doanh và chúng được ứng dụng trong thế giới hiện thực như thế nào?

4. *Tình huống "lãnh đạo" (head cases)* là loại tình huống mô tả sự tương tác, hoạt động, suy nghĩ, và cảm nhận của một hay nhiều nhân vật chính (lãnh đạo). Nhiệm vụ của học viên là đồng cảm những giả định, lý luận, thái độ, hoặc nhu cầu với vai trò lãnh đạo chính trong tình huống. Đồng thời, xem xét những thái độ hoặc nhu cầu này được thể hiện thành hành động có quy luật hay không?

5. *Tình huống "đối thoại" (dialogue cases)* mô tả những chi tiết tương tác giữa hai hoặc nhiều cá nhân. Nhiệm vụ của học viên thì tương tự như dạng tình huống "lãnh đạo" - có nghĩa là đồng cảm hoặc phân tích những đối thoại trong tình huống, và xem xét tính năng động tương tác giữa các nhân vật trong tình huống.

6. *Tình huống "ứng dụng" (application cases)* mô tả việc ứng dụng của công cụ kỹ thuật quản trị hoặc mô tả tình huống mà học viên có thể áp dụng một vài công cụ kỹ thuật đã biết để xử lý tình huống.

7. *Tình huống "dữ liệu" (data cases)* là tình huống trong đó nhiều thông tin được cung cấp với cấu trúc vừa phải. Nhiệm vụ của học viên là tìm kiếm ý tưởng trong sự mô tả phong phú và sắp xếp những dữ liệu này theo cách có ý nghĩa.

8. *Tình huống "vấn đề" (issue cases)* là loại tình huống trình bày một điểm hay một vấn đề nào đó là điểm nghi vấn (ví dụ: hành vi đạo đức của người quản lý?). Nhiệm vụ của học viên là hiểu và đánh giá cao những bối cảnh và tính năng động của vấn đề đặc biệt này.

9. *Tình huống "dự đoán" (prediction cases)* là dạng tình huống được viết theo dạng chuỗi (gồm nhiều phần). Nhiệm vụ của học viên là sử dụng những mô

hình khái niệm lý thuyết để dự đoán hành vi của thành phần chính trong tình huống (ví dụ: người hoặc kết quả của một sự việc).

### **Đặc điểm của phương pháp tình huống**

Phương pháp dạy và học bằng tình huống có những đặc điểm cơ bản sau (Lynn 1999):

- Dạy và học dựa trên cơ sở thảo luận, tương tác giữa giảng viên và học viên, giữa học viên với nhau.

- Giảng viên hiểu biết nhiều hơn học viên, nhưng tri thức của giảng viên không phải là vô hạn và học viên thu nhận tri thức phải thông qua quá trình tự học hỏi của chính mình.

- Cả giảng viên và học viên phải có trách nhiệm với quá trình học hỏi của học viên; tri thức và ý tưởng được chuyển tải từ giảng viên sang học viên, từ học viên sang giảng viên, và từ các học viên với nhau.

- Mục tiêu tổng quát của quá trình dạy và học là học viên phải có được tri thức và tự tin trong tư duy, phân tích, phê bình, tổng kết, tranh luận, và thuyết phục.

- Học viên là trọng tâm của quá trình; giảng viên và học viên chia sẻ và kiểm soát quá trình chọn lựa chủ đề, cách thức thảo luận, và giảng viên đóng vai trò định hướng, hỗ trợ (vai trò xúc tác) và là nhà tư vấn học tập.

- Sự độc đoán, gia trưởng của giảng viên hay sự tự do vô kỷ luật, muốn làm gì thì làm đều không phù hợp trong phương pháp dạy và học bằng tình huống.

Dạy và học theo phương pháp tình huống sẽ giúp ứng dụng những khái niệm, lý thuyết, ý tưởng, kỹ thuật phân tích, chọn lọc, tổng hợp, đánh giá, nội suy, tương tác (làm việc theo nhóm), và kích thích tính sáng tạo của học viên. Hay nói cách khác nó là quá trình chuyển đổi tri thức trong nhà trường.

Vì vậy, để làm được điều trên, học viên phải có trách nhiệm cho quá trình học tập của mình thông qua việc tự trang bị lý thuyết, ý tưởng, dữ liệu cần thiết phục vụ cho quá trình phân tích để sẵn sàng cho việc thảo luận, tham gia quá trình thảo luận, chia sẻ và tôn trọng quá trình học hỏi của người khác. Giảng viên có trách nhiệm kích thích sự thích thú và động viên sự hợp tác, đóng góp của học viên cũng như tôn trọng những ý tưởng và thành công của học viên trong quá trình học tập. Giảng viên cũng cần chú ý là việc uốn nắn ý tưởng của học viên cần được thực hiện thông qua thảo luận trao đổi hơn là phê bình, áp đặt họ.

Giảng viên dạy bằng tình huống cũng cần phải chuẩn bị và phải có những kỹ năng cần thiết, lấy ví dụ như phải am hiểu kỹ lưỡng về tình huống (cần nhiều thời gian chuẩn bị), có kỹ năng điều khiển thảo luận cũng như kiên nhẫn, theo dõi, tóm tắt, làm sáng tỏ vấn đề nhưng không độc đoán, vv. Một số yếu tố khác như qui mô của lớp học, trang thiết bị, bố trí phòng ốc cũng góp phần lớn đến sự thành công của phương pháp.

### **Lợi ích của việc sử dụng tình huống trong ngành quản trị kinh doanh**

Rất nhiều nghiên cứu đã đề cập đến việc sử dụng tình huống trong giảng dạy ngành kinh doanh (vd. Barnes & ctg 1994; Lynn 1999). Một số quan điểm chung về ích lợi của tình huống đối với học viên như sau:

1. Giúp học viên có cơ hội tìm thông tin, phân tích, và giải quyết vấn đề xảy ra ở những bối cảnh đa dạng khác nhau. Điều này sẽ giúp học viên sẽ phản ứng chuyên nghiệp thực sự hơn khi họ thực hiện công việc của mình trên thương trường sống động.

2. Cung cấp cơ hội cho học viên tham gia sâu vào những quyết định mà con người thật trong tổ chức thật phải giải quyết. Từ đó, học viên cũng cảm nhận được áp lực, nhận ra rủi ro, và bày tỏ ý tưởng của mình với các thành viên khác.

3. Nhiều kỹ năng quản lý trong tình huống sẽ được tích lũy ở dạng thông tin thông qua các thảo luận được lặp đi lặp lại của các tình huống.

4. Giúp học viên phát triển kỹ năng thông đạt, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng tìm vấn đề, kỹ năng đánh giá hiệu quả các giải pháp, kỹ năng làm việc nhóm.

Nói chung ngoài kỹ năng ra quyết định, học viên còn nắm được cách giải quyết vấn đề.

### **Một số giải pháp sử dụng tình huống trong đào tạo CHQTKD**

Với những ích lợi của việc sử dụng tình huống trong giảng dạy học tập giới thiệu trên đây, ứng dụng phương pháp này trong đào tạo CHQTKD tại Khoa Kinh tế, ĐH Quốc gia TP HCM là công việc cần thiết để nâng cao hiệu quả đào tạo. Tuy nhiên, để thực hiện được việc này, Khoa nên có một số chuẩn bị cần thiết:

Một là, hiện nay ngành QTKD chúng ta chưa có nhiều giảng viên có kinh nghiệm với phương pháp giảng dạy bằng tình huống. Vì vậy,

*Giải pháp 1:* Cần trang bị phương pháp đào tạo này cho các giảng viên thông qua các khóa huấn luyện (sử dụng giảng viên nước ngoài hoặc trong nước có kinh nghiệm về phương pháp tình huống).

Hai là, hiện nay, có rất nhiều các tình huống trong ngành kinh doanh. Tuy nhiên các tình huống này được viết tại các thị trường của các nước phát triển. Chúng chưa thật sự phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện tại của Việt Nam. Số lượng tình huống về kinh doanh tại Việt Nam rất hạn chế. Vì vậy chúng ta cần đội ngũ giảng viên có thể thực hiện được công việc này. Tuy nhiên, cũng tương tự như công việc giảng dạy bằng tình huống, chúng ta chưa có nhiều giảng viên có kinh nghiệm trong việc viết tình huống. Vì vậy,

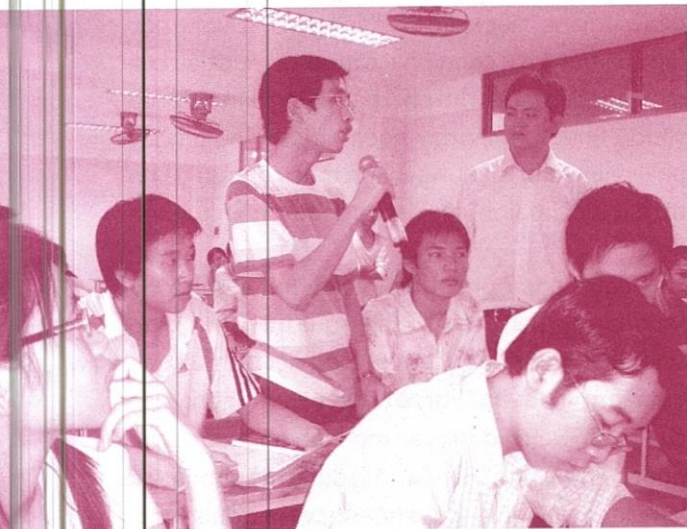
*Giải pháp 2:* Cần trang bị phương pháp viết tình huống cho ngành kinh doanh cho các giảng viên thông qua các khóa huấn luyện (sử dụng giảng viên nước ngoài hoặc trong nước có kinh nghiệm trong viết tình huống) và đầu tư kinh phí cũng như khuyến khích giảng viên tham gia viết tình huống.

Một vấn đề tiếp theo, như đã giới thiệu, phương pháp tình huống đòi hỏi học viên có phương pháp học tập phù hợp. Tuy nhiên, đa số học viên chưa quen với phương pháp này. Vì vậy,

*Giải pháp 3:* Cần tổ chức hội thảo định hướng cho học viên về phương pháp học tập bằng tình huống.

Cuối cùng nhưng chưa phải là hết, đó là, để giảng dạy theo phương pháp tình huống có hiệu quả, giảng viên đòi hỏi phải đầu tư nhiều thời gian và công sức cũng như cần có những phương tiện phù hợp. Vì vậy,

*Giải pháp 4:* Cần có các biện pháp kích thích giảng viên tham gia giảng dạy bằng tình huống, tổ chức lớp học với qui mô phù hợp, cùng với trang thiết bị cần thiết cho phòng học.



# ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ĐẠI HỌC XU HƯỚNG TẤT YẾU ĐỂ HỘI NHẬP

NHỮNG TIẾN BỘ KHOA HỌC KỸ THUẬT, NHẤT LÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,  
ĐANG LÀM THAY ĐỔI NHANH CHÓNG DIỆN MẠO CỦA THẾ GIỚI, THỨC ĐẨY NHANH CHÓNG TỐC ĐỘ  
HỘI NHẬP VÀ TOÀN CẦU HOÁ, THEO ĐÓ LÀM THAY ĐỔI MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC ĐẠI HỌC.  
NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGÀY NAY MANG TÍNH HIỆN ĐẠI VÀ PHÁT TRIỂN, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC COI TRỌNG  
VIỆC BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỰ HỌC, TỰ NGHIÊN CỨU, TẠO ĐIỀU KIỆN CHO NGƯỜI HỌC PHÁT TRIỂN TƯ DUY  
SÁNG TẠO VÀ TẠO TIỀN ĐỀ ĐỂ HỌ CÓ KHẢ NĂNG TỰ HỌC SUỐT ĐỜI.

● Thanh Trúc

*Trưởng ĐHCNTT*

Từ những yêu cầu trên nhiều trường đại học đã tập trung các nguồn lực vào việc đổi mới phương pháp giảng dạy. Có nhiều giải pháp được đưa ra nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, song những giải pháp có thể được coi là cơ bản và quyết định là xác định và xây dựng nhận thức về vai trò trách nhiệm của người thầy trong quá trình giảng dạy, tích cực đổi mới phương pháp dạy-học hiệu quả, tăng cường hệ thống tài liệu và trang thiết bị dạy học, gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học. Trong bài viết này chúng tôi chỉ muốn đề cập đến vai trò và trách nhiệm của người thầy trong đổi mới phương pháp giảng dạy ở đại học trên cơ sở thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đại học.

Chính những yêu cầu của đổi mới phương pháp giảng dạy đòi hỏi người thầy phải tự vượt lên trên chính bản thân mình. Bản thân người thầy phải nỗ lực không ngừng, phải thấu hiểu sâu sắc lĩnh vực chuyên môn mà mình đảm nhiệm, luôn tìm tòi sáng tạo, áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến và hiện đại vào quá trình giảng dạy để bài giảng của mình có sức hấp dẫn cao, có hiệu quả nhất.

Điểm cơ bản và quan trọng trong đổi mới phương pháp dạy-học đại học hiệu quả là dạy-học nêu vấn đề và phát huy tối đa khả năng tự học và tư duy độc

lập của sinh viên. Các cách dạy học theo lối truyền thống truyền đạt - lĩnh hội cần được thay đổi bằng những cách làm mới cùng với sự hỗ trợ của phương tiện mới hiện đại. Việc thay đổi nhận thức và hành động cũng được đặt ra đối với người thầy. Để giúp cho sinh viên nắm được cốt lõi của bài giảng thầy phải xây dựng được sơ đồ bài giảng thực hiện trên các phương tiện mới với sự hỗ trợ của các phần mềm trên máy tính. Sau mỗi chương học thậm chí sau mỗi bài giảng phải chỉ ra cho sinh viên được những địa chỉ để học có thể tìm đọc được những thông tin liên quan đến bài giảng. Việc kiểm tra-đánh giá chất lượng học tập của sinh viên cũng phải căn cứ và mục tiêu của môn học để yêu cầu họ phải nắm vững bản chất của vấn đề. Phương pháp dạy-học mới đòi hỏi người thầy phải nắm vững, sử dụng thành thạo công cụ để hỗ trợ đắc lực cho sinh viên đạt được mục tiêu của môn học.

Hoạt động mô phỏng là một trong những phương thức đào tạo tiên tiến và có hiệu quả thiết thực, giúp sinh viên làm quen thực sự với công việc, tích lũy kinh nghiệm thực tế và nâng cao các kỹ năng nghề nghiệp của mình. Để có được các mô hình hoạt động mô phỏng như các phần mềm ứng dụng mô phỏng, giả lập cần có các nghiên cứu khoa học và ứng dụng phát





triển tích lũy từ chuyên gia từ kinh nghiệm thực tế. Điển hình ở các khóa học về quản trị dự án học viên được học và làm việc nhóm trên các phần mềm mô phỏng qui trình quản lý dự án mà ở đó người học như đang diễn ra tình huống thực tế để giải quyết các bước lập kế hoạch, phân công công việc và theo dõi một tình huống dự án ước lượng chi phí, thời gian... Có như vậy đòi hỏi sinh viên phải vận dụng các kiến thức kỹ năng từ lý thuyết áp dụng vào bài toán mô phỏng được tham gia dần dần hình thành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ra quyết định và giải quyết tình huống đồng thời giao tiếp và phối hợp làm việc hiệu quả như mô hình thực tế. Có như vậy mới rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo, doanh nghiệp và xã hội đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ năng cần thiết khi sinh viên tốt nghiệp ra trường. Việc triển khai được những hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy cho các môn học dựa trên mô phỏng giả lập thì cần có sự hỗ trợ từ Nhà trường cũng như với đội ngũ giảng viên phải đầu tư rất nhiều công sức, thời gian, định hướng nhu cầu, chi phí để xây dựng và phát triển phần mềm hỗ trợ áp dụng kỹ thuật Công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu cụ thể của từng môn học.

Nghiên cứu khoa học là một yêu cầu đối với giảng viên và đồng thời nó khẳng định "tính đại học", là

thành tố không thể thiếu trong việc hình thành phương pháp dạy-học mới trong các trường đại học, giúp thầy tìm kiếm, phát hiện, giúp trò gắn học với hành, phát triển tư duy logic và rèn luyện phương pháp luận sáng tạo. Dựa trên những định hướng nghiên cứu lớn của từng trường, mỗi giảng viên phải xây dựng cho mình một hướng đề tài nghiên cứu lâu dài, trên cơ sở đó xác định kế hoạch nghiên cứu khoa học cho từng thời kỳ. Có thể huy động những khả năng to lớn của sinh viên vào việc cùng thực hiện từng phần của đề tài. Đây là những gợi mở rất tốt cho các đề tài của sinh viên, là những định hướng đúng cho các đề tài. Do vậy, việc thường xuyên trau dồi, nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật tri thức và công nghệ mới là công việc thường xuyên người thầy phải quan tâm. Bên cạnh đó người thầy còn phải là tấm gương sáng tâm huyết với nghề với sự nghiệp đào tạo của mình.

Như vậy, đổi mới phương pháp dạy-học vừa là nhu cầu vừa là động lực phát triển, đòi hỏi mỗi người thầy nhận thức sâu sắc được vai trò và trách nhiệm tích cực tham gia vào quá trình đổi mới ở đại học. Đây là nghĩa vụ, trách nhiệm và cũng chính là lương tâm của mỗi chúng ta trước những thử thách to lớn trong công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển của đất nước.

# ĐẠI HỌC BÁCH KHOA TP.HCM- NƠI CHẤT XÁM ĐƯỢC SẴN LÙNG

## ● Điều Hằng

**H**ay tin có nhà khoa học đến lắp đặt, chạy thử thiết bị xử lý nước thải ao nuôi cá tại hộ chị Xuân (An Giang) vào đầu tháng 9 vừa qua, bà con nông dân trong tỉnh cũng như các tỉnh lân cận đã lặn lội tìm đến tận nơi để học hỏi công nghệ. Vì bình quân 10 ao nuôi cá, tôm của nông dân cứ sau 3 năm thì phải ngưng sản xuất 7 ao vì ô nhiễm.

### Từ phòng thí nghiệm ra... đồng ruộng

Nhà khoa học đem công nghệ mới nói trên đến cho nông dân là ThS Đặng Vũ Bích Hạnh, Khoa Môi trường Trường ĐH Bách khoa TP.HCM. ThS Hạnh giải bày: "Sau khi nuôi thủy sản, nông dân thường xả nước thải giàu mỡ mà không qua xử lý. Người khác lại tiếp tục bơm nước sông và ao nuôi của mình mà không biết đã lây mầm bệnh vào". Công nghệ của ThS Hạnh giúp nông dân xử lý nguồn nước trước khi xả nước ra sông để người nuôi sau không bị ảnh hưởng mà chi phí lắp đặt thiết bị chỉ khoảng 50-70 triệu đồng, chỉ làm giá thành sản phẩm tăng thêm mấy trăm đồng/kg cá, bù lại là diện tích mặt nước được khai thác ở mức cao nhất, hiệu quả kinh tế mang lại đáng kể.

Đem công nghệ từ phòng thí nghiệm ra đồng ruộng đang là chủ trương của Trường ĐH Bách khoa TP.HCM khi ĐH này tham gia dự án JICA (tăng cường mối liên kết giữa trường ĐH với cộng đồng địa phương) do Nhật Bản tài trợ. Người nông dân ở đồng bằng sông Cửu Long sẽ hưởng lợi từ các công trình khoa học đang được tiến hành tại đây như nghiên cứu và sản xuất máy cắt phi lê cá basa thay thế cho phương pháp thủ công hay tối ưu hóa việc lên men cacao để nâng chất lượng hạt cacao của nông dân ở Tiền Giang...

### Tiếp cận công nghệ tiên tiến

Thời gian qua, giá mía, bắp trên thế giới tăng cao do 2 loại nông sản này được sử dụng để sản xuất cồn. Nhiều người đặt vấn đề sao không sản xuất cồn từ

cỏ, rơm, trấu để hạ giá mía, bắp. Một công trình nghiên cứu với ý đồ thay thế rơm rạ cho mía, bắp trong việc sản xuất cồn đã được một trường ĐH tại Nhật tiến hành nhưng không thành công vì môi trường khí hậu không phù hợp. Vừa qua, Trường ĐH Bách khoa TP.HCM đã nhận được lời đề nghị từ Trường ĐH Tokyo tham gia vào dự án nghiên cứu khả năng ứng dụng công nghệ biomass đối với các sản phẩm nông nghiệp ở Việt Nam. Mục tiêu của dự án là nghiên cứu sản xuất biomass phục vụ sản xuất cồn nhiên liệu.

TS Nguyễn Tấn Tiến, Phó trưởng Phòng Khoa học Công nghệ và Quan hệ quốc tế của trường, cho biết thêm hiện nay trường còn hợp đồng nghiên cứu với Trung tâm Kitech, Hàn Quốc, triển khai cho các nghiên

cứ thuộc lĩnh vực công nghiệp liên quan đến công nghệ dệt nhuộm. Để tài kỹ thuật điểu chế độ rộng xung cho các bộ biến đổi công suất lớn với đối tác là Trung tâm NARC, Hàn Quốc...

Với tiếng vang này, gần đây sinh viên của trường khi tốt nghiệp được các trường ĐH các nước Hàn Quốc, Singapore, Úc, Nhật... "săn lùng" để làm nghiên cứu cho họ thông qua các học

bổng sau ĐH, trao đổi giảng viên, sinh viên... Riêng Trường ĐH Ulsan, Hàn Quốc hiện có cả trăm sinh viên Trường ĐH Bách khoa TP.HCM học sau ĐH ở tất cả các ngành: cơ khí, điện - điện tử, công nghệ hóa học...

Đầu tư 1 đồng, thu về 6 đồng

Trong 5 năm qua, Trường ĐH Bách khoa TP.HCM đã thực hiện 325 đề tài nghiên cứu khoa học. Trung bình, cứ 2 giảng viên thì có 1 đề tài nghiên cứu khoa học. Về hiệu quả, bình quân với 10 tỉ đồng/năm từ ngân sách nghiên cứu khoa học thì trường thu về được 60 tỉ đồng từ chuyển giao công nghệ. Trường cũng thực hiện 17 dự án trong nước và nước ngoài với tổng trị giá 322 tỉ đồng. Trong giai đoạn này, trường xác định nhiệm vụ hàng đầu là gắn kết nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển đồng bằng sông Cửu Long bên cạnh việc đồng hành với quá trình phát triển của TP.HCM.

CÓ HƠN 100 SINH VIÊN ĐH BÁCH KHOA TP.HCM ĐANG NGHIÊN CỨU Ở PHÒNG THÍ NGHIỆM CỦA MỘT TRƯỜNG ĐH HÀN QUỐC. CÓ NGƯỜI GỌI ĐÙA ĐÓ LÀ "PHÒNG THÍ NGHIỆM BÁCH KHOA TP.HCM" TẠI HÀN QUỐC

ĐƯỢC TÔI LUYỆN VÀ TRƯỞNG THÀNH TRONG MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP VÀ PHONG TRÀO ĐOÀN CỦA TRƯỜNG ĐHKHTN. DƯƠNG THỊ THƯ - CÔ SINH VIÊN NĂM 4 NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC LÀ MỘT TRONG NHỮNG GƯƠNG MẶT SINH VIÊN XUẤT SẮC NĂM HỌC 2006-2007 VỪA ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG CỦA NGÂN HÀNG UFJ, NHẬT BẢN.

# DƯƠNG THỊ ANH THƯ - gương mặt sinh viên xuất sắc

CTV



**T**hư sinh ra ở Thái Bình - một vùng quê lúa đồng bằng Bắc bộ, lớn lên theo gia đình vào sinh sống tại vùng đất biển Vũng Tàu và may mắn được lớn lên trong vòng tay yêu thương dạy dỗ của bố mẹ. Những chuyến công tác xa và công việc kinh doanh vất vả của mẹ đã tạo nên tính tự lập trong học tập, đức tính siêng năng, kiên nhẫn và nghị lực của Thư trong cuộc sống. Bố chỉ làm trợ lý đốc công cho một công ty, mẹ hiện đã nghỉ ở nhà nội trợ. Nhìn bố mẹ làm việc vất vả để nuôi sáu đứa con ăn học và luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc học hành của các con luôn làm Thư tràn trề đồng thời ý thức được công lao của bố mẹ. Điều này cũng chính là động lực tạo nên sự quyết tâm để sáu chị em Thư cùng nỗ lực học tập và rèn luyện. Biết ý thức về nỗi vất vả và đức hy sinh của cha mẹ, ngay từ những năm đầu cấp trung học cơ sở, Thư đã phấn đấu bảy năm liền là học sinh giỏi, giải Nhì cuộc thi học sinh giỏi Sinh học cấp tỉnh, tham gia cuộc thi học sinh giỏi cấp quốc gia (lớp 12). Đây cũng chính là tiền đề giúp Thư bước vào đại học thuận lợi.

Bước vào đại học, môi trường và cách thức học tập hoàn toàn mới khiến Thư có nhiều điều ngỡ ngàng.

Nhưng bằng chính sự quyết tâm của bản thân, sự giúp đỡ của thầy cô, bạn bè Thư đã vượt qua những thử thách ban đầu. Sau 3 năm học của giai đoạn cơ sở và chuyên ngành cơ sở, Thư đạt số điểm điểm trung bình chung học tập 8.14 và càng ngày kết quả học tập của Thư càng tiến bộ hơn. Năm học 2006-2007, tuy là năm cuối, vừa học vừa tham gia làm đề tài Công nghệ hỗ trợ sinh sản nghiên cứu về phương pháp đông lạnh phôi bò trong phòng thí nghiệm Công nghệ Sinh học động vật (Lab C), thế mà điểm trung bình trung học tập của Thư đạt 8.54, điều này làm cho Thư càng phấn khích hơn với hương phấn đấu của bản thân.

Bên cạnh việc sắp xếp thời gian học tập, Thư luôn giành thời gian cho việc tham gia các phong trào mang tính chất xã hội như hiến máu nhân đạo và các hoạt động đoàn hội khác. Làm MC trong chương trình Lễ hội Công nghệ Sinh học của khóa 2004-2008, đó cũng là một bước tiến giúp Thư nâng cao khả năng giao tiếp và sự tự tin trước công chúng.

Những cố gắng trong học tập và rèn luyện đã giúp Thư có được học bổng do Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi UFJ trao tặng, đó là niềm vinh dự và tự hào rất lớn không chỉ cho riêng Thư mà còn cho bất kỳ sinh viên

nào biết cố gắng trong học tập và rèn luyện. Học bổng không chỉ là phần thưởng mà nó còn là động lực và cả sự thử thách cho các bạn sinh viên phải phấn đấu hơn nữa trong thời gian tới. ... "tôi rất biết ơn nhà tài trợ, đồng thời tôi cũng chân thành cảm ơn các thầy cô và ban Giám đốc Đại học quốc gia Tp.HCM, những người đã mang đến cho chúng tôi cơ hội tốt đẹp này", đó là lời phát biểu của Thư trong buổi nhận học bổng UFJ lần thứ 13 vừa qua.

Dù phải hoàn tất chương trình học chuyên ngành của sinh viên năm 4 rất nặng, hiện Thư vẫn dành thời gian để học tập và trau dồi vốn ngoại ngữ của mình. Hiện Thư đang theo học lớp TOEFL iBT 60 tại trung tâm Anh ngữ của Đại học Sư Phạm và tự học thêm ở nhà cùng với computer. Và Thư nói về tương lai của mình với một quyết tâm sắt đá: "...Tôi luôn ý thức được tầm quan trọng của Tiếng Anh trong công việc nghiên cứu hiện tại và tương lai. Nó cũng chính là một chiếc chìa khóa giúp tôi có được học bổng du học nước ngoài trong tương lai không xa".

Là sinh viên ngành Công nghệ sinh học, Thư ý thức được vai trò quan trọng của Công nghệ sinh học trong nghiên cứu, tri liệu cũng như sản xuất. Tuy nhiên, điều kiện học tập ở nước ta tuy đã được đầu tư nhiều song vẫn còn phần nào hạn chế, chưa thể so sánh với điều kiện học tập ở nước ngoài. Du học chính là một chân trời mới để Thư cũng như những sinh viên khác với nhiều ước mơ chinh phục chân trời khoa học có thêm điều kiện thử thách rèn luyện bản thân cũng như tiếp tục học tập và nghiên cứu. Thư tâm sự: "Học để mở mang kiến thức, học để quay trở về phát triển đất nước luôn là điều mà tôi và nhiều bạn sinh viên khác luôn khát khao và luôn cố gắng để thực hiện. Tinh thần tự hào dân tộc và mong muốn hoàn thiện bản thân luôn thôi thúc tôi không ngừng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm để có thể sánh cùng các nhà khoa học nước ngoài trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, nâng cao uy tín và tầm vóc của Công nghệ sinh học Việt Nam trên Thế giới, đem lại những ứng dụng hữu ích cho xã hội".

Mục tiêu trước mắt của Thư là tốt nghiệp loại giỏi Cử nhân Công nghệ sinh học Đại học Khoa học Tự nhiên, đạt được chứng chỉ Tiếng Anh TOEFL iBT với mức điểm cao và tìm kiếm được học bổng du học các nước cho chương trình Thạc sĩ khoa học sau khi tốt nghiệp.

Tự hào về truyền thống học tập của trường và tự tin vào năng lực cùng những nỗ lực của bản thân, Thư

tin rằng mình sẽ đạt được tất cả các mục tiêu trên trong năm 2008 và hy vọng rằng với niềm đam mê khoa học, hoài bão, lòng quyết tâm của chính bản thân, tất nhiên không thể thiếu sự dìu dắt của các thầy cô giáo, Thư và nhiều bạn sinh viên khác sẽ có những bước tiến xa hơn trong công việc học tập, nghiên cứu tương lai.

---

## CÁC HỆ THỐNG XẾP HẠNG...

(Tiếp theo trang 21)

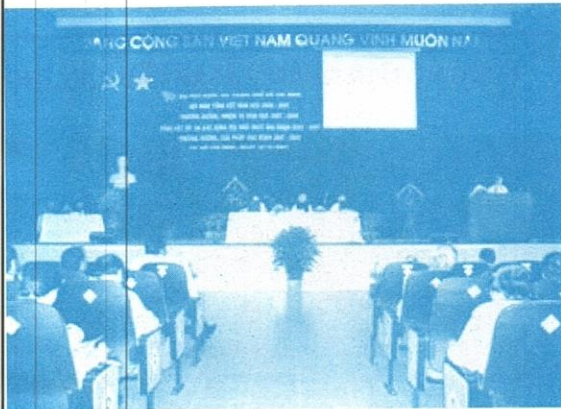
Sovới ARWU vốn rất chú trọng đến các yếu tố bên ngoài trường đại học (các bài báo, các công trình nghiên cứu, các giải thưởng, vv) THES chú trọng nhiều hơn đến chính cộng đồng giảng viên và sinh viên và vì vậy được xem là một hệ thống bổ sung rất tốt cho ARWU. Và cũng như ARWU, hệ thống xếp hạng của THES luôn được công chúng háo hức chờ đợi, mặc dù những lời chỉ trích dành cho hệ thống này cũng không hiếm. Trong số những điểm bị chỉ trích nặng nhất là sự thiên vị rất rõ đối với các trường đại học của Anh, và trọng số quá cao (đến 40%) dành cho đánh giá của các đồng nghiệp đối với các trường được xếp hạng, trong khi đánh giá của nhà tuyển dụng đối với chất lượng nhà trường lại khá thấp (chỉ 10%). Mặc dù vậy, bảng xếp hạng của THES vẫn được xem là hệ thống xếp hạng trường đại học quốc tế có ảnh hưởng lớn nhất đến những nhà lãnh đạo các quốc gia cũng như các nhà quản lý các trường đại học, một phần là do uy tín của chính tờ báo Times và chính quốc gia thực hiện xếp hạng (nước Anh).

### Kết luận

Vai trò quan trọng của giáo dục đại học ngày càng được thừa nhận, và quan điểm xem giáo dục như một dịch vụ (cho dù là một dịch vụ đặc biệt), đồng thời là một sự đầu tư khá tốn kém (xét theo cả thời gian, công sức lẫn tài chính) của người sử dụng dịch vụ (bao gồm người học và gia đình của họ, người sử dụng lao động, chính phủ, và toàn xã hội) ngày càng trở nên phổ biến trên toàn thế giới. Chính vì vậy, yêu cầu cung cấp thông tin cho người sử dụng dịch vụ ngày càng trở nên một đòi hỏi bức thiết, và việc xếp hạng trường đại học là một cách cung cấp thông tin khá thân thiện do sự dễ hiểu của nó. Tuy nhiên, cũng giống như bất kỳ một công cụ phức tạp nào, để có thể sử dụng công cụ ấy một cách có hiệu quả đòi hỏi một hiểu biết tối thiểu ở người sử dụng. Việc giới thiệu các hệ thống xếp hạng trường đại học phổ biến trên thế giới trong bài viết này hy vọng sẽ giúp người đọc có được sự hiểu biết tối thiểu đó để có thể sử dụng các kết quả xếp hạng một cách thông minh và hiệu quả hơn.

## ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM

**ĐHQG-HCM TỔ CHỨC HỘI NGHỊ: "TỔNG KẾT NĂM HỌC 2006-2007, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2007-2008; TỔNG KẾT ĐỀ ÁN XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CBCC GIAI ĐOẠN 2002 - 2007, PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2007 - 2012"**



Ngày 12/10/2007, ĐHQG-HCM đã tổ chức Hội nghị: "Tổng kết năm học 2006-2007, phương hướng nhiệm vụ năm học 2007-2008; Tổng kết đề án xây dựng đội ngũ CBCC giai đoạn 2002 - 2007, phương hướng, giải pháp giai đoạn 2007 - 2012".

Năm học 2006-2007, ĐHQG-HCM tập trung kiện toàn bộ máy nhân sự và tổ chức, chuyển tiếp sang nhiệm kỳ ban lãnh đạo mới mang tính kế thừa và trẻ hóa đội ngũ. Mô hình của ĐHQG-HCM được Đảng và Nhà nước khẳng định là đúng đắn, tin tưởng và tạo cơ hội cho hai ĐHQG để xuất về cơ chế hoạt động để gia tăng tính tự chủ, phát triển nhanh hơn, tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

Tất cả các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học-công nghệ, các cán bộ-viên chức đã hoàn thành khối lượng công việc lớn có kết quả tốt, hoàn thành nhiệm vụ năm học 2006-2007. Chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học có bước chuyển biến, thành quả nghiên cứu khoa học đạt được khá tiêu biểu ở một số lĩnh vực được đầu tư có định hướng.

Trong năm học mới 2007-2008, mục tiêu tổng quát của ĐHQG-HCM là: phát huy sức mạnh tổng hợp các nguồn lực, tích cực đổi mới phương pháp, nội dung chương trình đào tạo nhằm tạo ra chuyển biến rõ nét về chất lượng đào tạo. Triển khai toàn diện công tác kiểm toán chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế. Nâng cao chất lượng khoa học và

giá trị thực tiễn của hoạt động khoa học-công nghệ, gắn kết hoạt động khoa học-công nghệ với đào tạo và nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của cả nước.

Tại Hội nghị lần này, ĐHQG-HCM cũng tổng kết Đề án xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, giai đoạn 2002-2007. Sau 5 năm thực hiện, đề án đã đạt được một số thành tựu quan trọng, triển khai đúng kế hoạch phù hợp với chiến lược phát triển ĐHQG-HCM 2002-2007, tạo đà cho sự phát triển hướng đến năm 2012. Sau bốn năm rưỡi thực hiện đề án, số lượng giảng viên của ĐHQG-HCM có 2082 người, đạt 104,25% kế hoạch; số lượng thạc sĩ có 961 người, đạt 120,12%; số lượng tiến sĩ có 507 người, đạt 63,38% kế hoạch; số lượng GS, PGS có 151 người, đạt 62,92% kế hoạch; giảm tỷ lệ sinh viên/cán bộ giảng dạy, từ 43 SV/CBGD giảm còn 27 SV/CBGD, chất lượng đội ngũ được nâng cao lên một bước.

Từ nay đến năm 2012, ĐHQG-HCM đề ra chỉ tiêu: có 3000 cán bộ giảng dạy, tỷ lệ sinh viên trên cán bộ giảng dạy đạt tỷ lệ 20:1; 100% giảng viên lên lớp có trình độ sau đại học, trong đó có không dưới 50% là tiến sĩ; có thêm 500 cán bộ có học vị tiến sĩ so với năm học 2005-2006; gửi không dưới 500 cán bộ đi đào tạo ở nước ngoài bằng nhiều nguồn kinh phí; bình quân mỗi cán bộ-viên chức được học tập bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao trình độ nghiệp vụ là 10 ngày/năm; 100% viên chức hành chính mới tuyển được trang bị kiến thức quản lý hành chính nhà nước.

Đã có hơn 150 ý kiến thảo luận, trong đó rất nhiều ý kiến tập trung vào các giải pháp, cơ chế quản lý thống nhất trong toàn ĐHQG-HCM về đào tạo theo tín chỉ để thực hiện liên thông, trước hết là trong ĐHQG-HCM và tương thích với thế giới; về giảm quy mô đào tạo hệ phi chính quy tập trung, nâng cao chất lượng đào tạo để xây dựng và nâng cao "thương hiệu" ĐHQG-HCM; về triển khai công tác đảm bảo chất lượng (kiểm định, kiểm toán) trong toàn ĐHQG-HCM; về đẩy nhanh việc xây dựng tại khu Quy hoạch Thủ Đức-Dĩ An và công tác hỗ trợ sinh viên học tại khu Quy hoạch.

**\*HỘI THẢO "ĐÀO TẠO NHÂN LỰC, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ ĐÁP ỨNG NHU CẦU DOANH NGHIỆP"**

Ngày 28/10/2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức Hội thảo "Đào tạo nhân lực, nghiên cứu khoa



học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp". Tham dự Hội nghị có GS.TS. Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên TW Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; đại diện các cơ quan trung ương, Ban Tổ chức Thành ủy, các Bộ ngành cùng hơn 200 đại biểu đến từ các trường đại học-cao đẳng, các doanh nghiệp.

Hội thảo đã nghe và tập trung trao đổi nhằm tìm giải pháp để gắn kết hơn nữa giữa ba nhà: Nhà nước-Nhà Trường-Nhà Doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả giáo dục đào tạo. Trong đó các vấn đề được quan tâm nhiều như: Việt Nam có lực lượng lao động dồi dào nhưng vẫn thiếu đội ngũ lao động được đào tạo theo tiêu chuẩn công nghiệp; cần thiết phải có Trung tâm dự báo nguồn nhân lực; Phải có chuẩn của quá trình đào tạo; Doanh nghiệp dành một khoản chi phí từ sản xuất đầu tư cho giáo dục...

Phát biểu tại Hội thảo, PGS.TS. Phan Thanh Bình, Ủy viên dự khuyết TW Đảng, Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM cho rằng: ĐHQG-HCM đã và đang phát triển việc gắn kết với doanh nghiệp, tập trung 4 vấn đề chính:

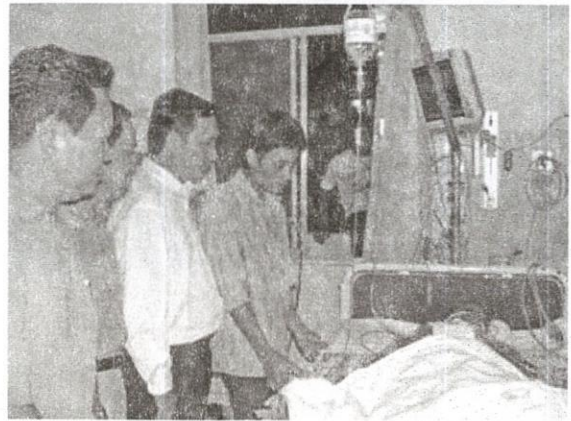
1. Đổi mới thành phần Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng ĐHQG: có sự tham gia của đại diện doanh nghiệp.

2. Tăng cường các hoạt động gắn kết với doanh nghiệp bằng các hình thức như đưa doanh nghiệp đến với trường (Khu CNPM); đưa trường đến với doanh nghiệp (trường ĐH Bách Khoa: Renasas, ĐH CNTT: hợp tác đào tạo, nghiên cứu theo chương trình của Microsoft, ĐHKHTN: Đưa ứng dụng tế bào gốc vào lĩnh vực nông nghiệp, y học) ...

3. Chuyển đổi đào tạo theo hệ thống tín chỉ (phần tự chọn các tín chỉ công nghiệp: CISCO, KAISA,...). Kiểm định chất lượng theo tiêu chí của Bộ và AUN: đào tạo theo chuẩn.

4. Triển khai cụ thể: Cung ứng nguồn nhân lực theo địa chỉ. Trước mắt tập trung nguồn nhân lực cho TP.HCM (Khu Công nghệ Cao), Tỉnh Bình Dương (Chương trình nguồn nhân lực); Thành lập Trung tâm đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, TT Phối hợp Doanh nghiệp (Trường ĐH Bách Khoa); Đẩy mạnh thông tin về VNU. Cũng trong buổi hội thảo, 24 bản ghi nhớ đã được ký kết giữa các trường với các doanh nghiệp.

#### \* ỦNG HỘ NẠN NHÂN VỤ SẬP CẦU CẦN THƠ



Được tin vụ tai nạn nghiêm trọng gây thiệt hại lớn về người và tài sản xảy ra tại công trường xây dựng cầu Cần Thơ, Công đoàn Đại học Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh, dẫn đầu là PGS.TS Huỳnh Thành Đạt, PGĐ ĐHQG-HCM, PGS.TS Vũ Văn Chính, Chủ tịch CĐ ĐHQG-HCM cùng các đồng chí trong BCH CĐ đã đến thăm hỏi và hỗ trợ gia đình những người bị nạn tại Xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long và những nạn nhân đang nằm Bệnh viện 121 tại TP.Cần Thơ.

125.205.000 đồng là số tiền quyên góp của Cán bộ viên chức Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh đem đến ủng hộ để góp phần hỗ trợ, giúp đỡ những người bị thương và gia đình những người tử nạn của vụ tai nạn thảm khốc này.

Sự hỗ trợ kịp thời của ĐHQG-HCM góp phần san sẻ đau thương, gánh nặng vật chất, sớm đưa cuộc sống của những gia đình có người bị nạn đi vào ổn định.

#### \* KÝ KẾT THỎA THUẬN TÀI TRỢ GIỮA TẬP ĐOÀN SUN MICROSYSTEMS VỚI ĐHQG-HCM

Ngày 11/10/2007, ĐHQG-HCM đã tổ chức Lễ ký kết thỏa thuận tài trợ giữa Tập đoàn SUN Microsystems với ĐHQG-HCM. Đến dự lễ ký kết, về có ông Robert



Chùa, Giám đốc Khu vực Nam Á, tập đoàn Sun Microsystems; PGS.TS.Huỳnh Thành Đạt, Phó Giám đốc thường trực ĐHQG-HCM.

Theo thoả thuận được ký kết, Tập đoàn SUN Microsystems sẽ tài trợ ĐHQG-HCM Dự án xây dựng 2 Phòng thực hành công nghệ thông tin với 20 máy trạm đặt tại Trường ĐHBách khoa và Trường ĐHKhoa học Tự nhiên; tiếp nhận 200 bài giảng về Javavà Solaris từ SUN; tập huấn cho 4 giảng viên, mỗi trường ĐH 2 giảng viên về giảng dạy lập trình Javavà Solaris; triển khai đào tạo 8 lớp Javavà Solaris cho 160 học viên trong vòng 18 tháng.

**\* QUỸ HỌC BỔNG PONY CHUNG (HÀN QUỐC) KÝ KẾT BẢN GHI NHỚ HỢP TÁC VỚI ĐHQG-HCM VÀ TRAO HỌC BỔNG LẦN I, NĂM 2007**

Ngày 25/10/2007, tại Khách sạn Park Hayatt, ĐHQG-HCM và Quỹ học bổng Pony Chung đã tổ chức Lễ ký kết bản ghi nhớ hợp tác và trao học bổng Pony Chung lần thứ I, năm 2007. Đến dự Lễ ký kết và trao học bổng có TS.Nguyễn Đức Nghĩa, Phó Giám đốc ĐHQG-HCM; ông Kim Jin Hyun, Chủ tịch Quỹ Học bổng Pony Chung.

Quỹ học bổng Pony Chung thuộc Tập đoàn Hyundai - tập đoàn xây dựng và sản xuất xe hơi nổi tiếng của Hàn Quốc. Theo bản ghi nhớ hợp tác được ký kết giữa hai đơn vị, hàng năm, Quỹ học bổng Pony Chung sẽ dành khoảng 10.000 USD học bổng cho các sinh viên ngành Xây dựng có thành tích học tập xuất sắc của ĐHQG-HCM.

Tại Lễ trao học bổng năm đầu tiên này, Quỹ Học bổng Pony Chung đã trao 20 suất học bổng, mỗi suất trị giá 500 USD, cho các sinh viên có thành tích học tập xuất sắc của Khoa Xây dựng, Trường ĐHBách khoa - ĐHQG-HCM.

**\* KHAI TRƯƠNG THƯ VIỆN SK TELECOM TẠI THƯ VIỆN TRUNG TÂM ĐHQG-HCM**



Ngày 02/11/2007, Công ty SK Telecom đã chính thức khai trương và đưa vào sử dụng Thư viện SK Telecom tại Thư viện Trung tâm ĐHQG-HCM. Ông Kim Kyung Tai, Phó Giám đốc SK Telecom tại Việt Nam đến dự và cắt băng khánh thành.

Theo đó, Công ty SK Telecom đã tài trợ cho TVTT trang thiết bị phòng Đa phương tiện cùng các trang thiết bị đồ gỗ trị giá khoảng gần 28.000USD nhằm giúp cho sinh viên tra cứu tài liệu cần thiết phục vụ cho nhu cầu học tập. Toàn bộ hệ thống trang thiết bị này được đặt tại lầu 2 của TVTT và được đặt tên là "Thư viện SK Telecom".

Tập đoàn SK Telecom xuất hiện tại Việt Nam từ năm 2003 và đã có nhiều hoạt động xã hội. Thư viện SK telecom là thư viện thứ tư tại Việt Nam được tập đoàn SK Telecom tài trợ đưa vào hoạt động.

Được biết, Thư viện Trung tâm ĐHQG-HCM đã nhận được nhiều tài trợ từ các đơn vị như WB, đại học Cambridge, Asia Foundation... nhưng SK Telecom là đơn vị tài trợ đầu tiên được gắn biển hiệu "Thư viện SK Telecom" tại đây.

**\* ĐHQG-HCM KỶ NIỆM 90 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI**

Ngày 7/11/2007, ĐHQG-HCM đã tổ chức trong thế Lễ kỷ niệm 90 năm Cách mạng tháng Mười (7/11/1917 - 7/11/2007).

Đến dự Lễ kỷ niệm có PGS.TS.Phan Thanh Bình, Ủy viên dự khuyết BCH TW Đảng Cộng sản VN, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc ĐHQG-HCM; đại diện lãnh đạo Văn phòng, các Ban chức năng, Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường đại học, viện thành viên, các đơn vị trực thuộc và gần một ngàn sinh viên ĐHQG-HCM.



Thay mặt ĐHQG-HCM, PGS.TS. Vũ Tinh, Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng Trường ĐHKHXH&NV đã đọc diễn văn ôn lại ý nghĩa và những bài học lịch sử của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại đối với phong trào cách mạng Việt Nam. Sau diễn văn khai mạc, các đại biểu đã nghe chuyên đề về Cách mạng Tháng Mười Nga do TS. Đỗ Thị Hạnh, Trưởng bộ môn Lịch sử Thế giới, Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH&NV trình bày; nghe cảm nhận về nước Nga-Xô Viết của giảng viên và sinh viên ĐHQG-HCM; thưởng thức các tiết mục văn nghệ ngợi ca đất nước, con người Nga và Việt Nam do các sinh viên Khoa Ngữ văn Nga, Trường ĐH KHXH&NV thể hiện.

**\* SINH VIÊN ĐHQG-HCM NHẬN HỌC BỔNG CỦA NGÂN HÀNG TOKYO - MISHUBISHI - UFJ (NHẬT BẢN)**



Ngày 09/11/2007, ĐHQG-HCM đã tổ chức Lễ trao học bổng của Ngân hàng Tokyo - Mishubishi - UFJ cho 20 sinh viên ĐHQG-HCM. Đến dự lễ và trao học bổng có ngài Hideki Kinumatshu, Phó TGD Ngân hàng UFJ tại TP. Hồ Chí Minh, TS Nguyễn Đức Nghĩa, PGĐ ĐHQG-HCM cùng đại diện lãnh đạo các Ban liên quan, các trường thành viên và 20 sinh viên

Đây là lần thứ 13 Ngân hàng UFJ trao học bổng cho sinh viên ĐHQG-HCM có thành tích xuất sắc trong học tập, mỗi suất trị giá 240USD. Trong đó, Trường ĐHKHTN có 8 sinh viên; Trường ĐHKHXH&NV có 8 sinh viên; Khoa Kinh tế có 4 sinh viên

Phát biểu tại buổi lễ, ngài Hideki Kinumatshu, đã chúc mừng những sinh viên được nhận học bổng của quỹ học bổng NH UFJ và bày tỏ mong muốn các em phát huy tốt tài năng của mình trong học tập để góp phần xây dựng đất nước.

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**

**\* KỶ NIỆM 50 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA ĐHQG-HCM**



Ngày 27/10/2007, Trường Đại học Bách khoa ĐHQG-HCM đã long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập trường (1957 - 2007) và đón nhận Huân

chương độc lập hạng nhì.

GS.TS Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên BCH TW Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, PGS.TS Phan Thanh Bình, Ủy viên dự khuyết BCH TW Đảng, Giám đốc ĐHQG-HCM đã đến dự.

PGS.TS Vũ Đình Thành, Hiệu trưởng nhà trường đọc diễn văn điểm lại những thành tích nổi bật mà các thế hệ thầy trò trường ĐHBK đã đạt được trong chặng đường 50 năm qua. Đặc biệt từ sau giải phóng trường được mang tên "Trường Đại học Bách khoa TP.HCM" nay là Trường Đại học Bách khoa thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM. Hiện đội ngũ của trường với hơn 1.150 cán bộ giảng viên, công nhân viên, trong đó có 885 cán bộ giảng dạy với 50 Giáo sư và Phó Giáo sư; 205 tiến sĩ và tiến sĩ khoa học; 386 thạc sĩ. Tỷ lệ CBGD có trình độ sau đại học chiếm 66,7%. Bên cạnh đó, trường còn thu hút một số lượng lớn các Phó Giáo



sư, Tiến sĩ, Tiến sĩ Khoa học tham gia giảng dạy (60 Phó Giáo sư, 121 Tiến sĩ, 4 Tiến sĩ khoa học). Quy mô đào tạo hiện nay của trường với gần 26.000 sinh viên, 1.613 học viên cao học và 85 nghiên cứu sinh theo học ở 11 Khoa chuyên ngành, 4 trung tâm đào tạo, 8 trung tâm nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ.

Trong thời gian 32 năm từ sau giải phóng đến nay, trường đã đào tạo hơn 45.000 kỹ sư và cử nhân, hơn 4000 thạc sĩ và 41 tiến sĩ, trong đó nhiều người trở thành những nhà khoa học giỏi, nhà quản lý có chuyên môn cao, nhiều người đã và đang giữ các vị trí lãnh đạo chủ chốt của các cơ quan của Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Trong lĩnh vực NCKH và chuyển giao công nghệ, nhà trường đã thực hiện thành công nhiều đề tài nghiên cứu khoa học quan trọng mang tính ứng dụng cao, mang lại hiệu quả to lớn cho phát triển kinh tế-xã hội của TP.HCM và các tỉnh phía Nam. Chương trình hợp tác quốc tế ngày càng được mở rộng song phương và đa phương, hiện trường đang hợp tác với 177 trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế của 20 nước trên thế giới.

Với vị trí là một trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đạt trình độ ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực Đông nam Á, đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao cho phát triển kinh tế khu vực phía Nam cũng như cả nước. Trường ĐHBK ĐHQG-HCM xứng đáng là đơn vị đầu đàn trong hệ thống các trường đại học của Việt Nam. Nhà trường đang nỗ lực không ngừng đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, tăng cường trang thiết bị phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ CBVC và sinh viên (5 năm gần đây nhà trường đã đầu tư khoảng 300 tỉ đồng và 18 triệu USD cho các mục tiêu này) nhằm đưa Trường ĐHBK trở thành một trung tâm nghiên cứu, đào tạo ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao đạt trình độ quốc tế, hội nhập hệ thống đại học khu vực và thế giới, là địa chỉ đầu tư và hợp tác tin cậy, hấp dẫn đối với xã hội, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, xứng đáng với danh hiệu "Anh hùng trong thời kỳ đổi mới".

Thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Phó Thủ tướng - Bộ trưởng Bộ GD&ĐT GS.TS Nguyễn Thiện Nhân đã trao tặng huân chương Độc lập hạng nhì, phần thưởng cao quý của Nhà nước cho trường ĐHBK, biểu dương và ghi nhận công lao đóng góp to lớn của thế hệ các thầy cô giáo, cán bộ công nhân viên chức

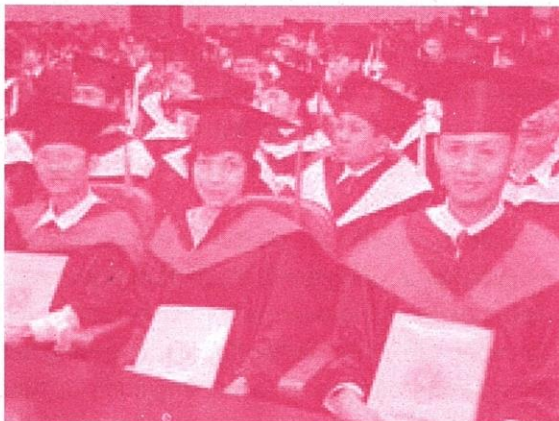
cùng các em sinh viên trường Đại học Bách khoa trong suốt 50 năm qua. Phát biểu tại buổi lễ, Phó TTg, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, GS.TS Nguyễn Thiện Nhân nói: "Thương hiệu của ngôi trường 50 năm tuổi này đã trở thành niềm mơ ước của các em học sinh trước ngưỡng cửa vào đại học, là niềm tự hào, là bao kỷ niệm thân thương của mỗi thầy giáo, cô giáo, cán bộ công nhân viên và các thế hệ sinh viên đã từng được công tác và học tập nơi đây. Sinh viên trường Đại học Bách khoa ngày nay tự hào với những thành tích đã đạt được trong các kỳ thi Olympic quốc gia, sáng tạo KH và CN (với 357 giải thưởng trong 5 năm), đặc biệt là 3 lần đoạt chức vô địch Robocon Châu Á Thái Bình Dương (2002, 2004, 2006), đạt giải 3 kỳ thi vòng loại lập trình thế giới ACM ICPC khu vực Châu Á và đứng trong 81 đội của 1000 trường đại học trên thế giới dự thi vòng chung kết ở Mỹ, cũng như phong trào SV tình nguyện hoạt động xã hội..."

Giáo dục và đào tạo phát triển nguồn nhân lực đang là thời cơ, đồng thời là thách thức rất lớn quyết định cho sự phát triển hiện nay và mai sau của tổ quốc. Tôi mong sao, ĐHBK sẽ tiếp tục là một trường tiên phong trong việc đào tạo, cung ứng nhân lực trình độ cao, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội trong 10 năm tới, là một trường tiên phong trong việc nghiên cứu khoa học, sáng tạo tri thức và công nghệ, cung cấp các giải pháp về khoa học, công nghệ và quản lý trình độ cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của TP.HCM, các tỉnh phía Nam và cả nước. Đào tạo và NCKH theo nhu cầu xã hội phải trở thành một đòi hỏi có tính nguyên tắc của nhà trường, của kế hoạch làm việc hàng năm của các thầy cô giáo và sinh viên. Trong quá trình 10 - 20 năm sắp tới, sự phát triển vượt bậc đội ngũ giáo viên có trình độ cao, ngang tầm khu vực và quốc tế có ý nghĩa quyết định. Tôi mong sao đến một ngày nào, trường ĐHBK không chỉ có 900 giáo viên, trong đó có 200 TS, mà phải là hơn 1000 giáo viên, trong đó có hơn 1000 TS. Trường ĐHBK là một địa chỉ đào tạo lý tưởng không chỉ của Việt Nam mà của sinh viên nhiều nước trên thế giới.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, trường Đại học Bách khoa - ĐHQG Tp.HCM đã khẳng định được vị trí và uy tín của mình là một trong những trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ hàng đầu Việt Nam, xứng đáng được nhà nước trao tặng huân chương độc lập hạng Nhì nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập trường. Với bề dày truyền thống của trường, tôi mong rằng thời gian tới, trường

Đại học Bách khoa - ĐHQG Tp.HCM - Trường Đại học Anh hùng trong thời kỳ đổi mới sẽ tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, vươn lên mạnh mẽ hơn nữa để sớm trở thành trường Đại học nghiên cứu chất lượng cao, góp phần xây dựng Đại học Quốc gia Tp.HCM phát triển, xứng đáng là Đại học đầu ngành của ngành giáo dục Việt Nam, tiếp tục có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của Tp.HCM cũng như cả nước".

### **\*TRƯỜNG ĐHBÁCH KHOA TP.HCM: THÊM 1.700 NGƯỜI TỐT NGHIỆP**



Niềm vui của các tân tiến sĩ trong ngày nhận bằng - Ảnh: Nhu Hùng

Sáng 2-11 Trường đại học Bách khoa (ĐHQG TP.HCM) đã tổ chức lễ tốt nghiệp cho hơn 1.700 nghiên cứu sinh, sinh viên hệ đại học chính quy, sinh viên văn bằng 2, hệ đại học không chính quy và cao đẳng. Trong đó có ba nghiên cứu sinh nhận bằng tiến sĩ, 180 thạc sĩ, 842 tân kỹ sư, cử nhân hệ chính quy, 651 hệ không chính quy và 66 hệ cao đẳng.

**N.HÙNG**

### **\* TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA - ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM TIẾP VÀ LÀM VIỆC VỚI NGÀI THỊ TRƯỞNG VÀ ĐOÀN DOANH NHÂN THÀNH PHỐ KAWASAKI - NHẬT BẢN**

Ngày 15/10/2007, Ngài thị trưởng và đoàn Doanh nghiệp của thành phố Kawasaki - Nhật Bản đã đến thăm trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia Tp.HCM.

Trường ĐHBK là một trường Đại học kỹ thuật hàng đầu phía Nam, đặc biệt là có những chiến thắng ngoạn mục trên sân chơi Robocon đã thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp Nhật Bản. Trong chuyến thăm này Ngài Thị trưởng Kawasaki và các Doanh nghiệp cùng đi muốn trao đổi các vấn đề về việc làm,

nhu cầu nhân lực kỹ thuật và giới thiệu: "Tiềm lực ngành công nghiệp thành phố Kawasaki và việc triển khai ý tưởng cộng đồng doanh nghiệp khởi nghiệp Châu Á", những thông tin chung về đầu tư của Nhật Bản nói chung và các công ty tại thành phố Kawasaki nói riêng tại Việt Nam.

Buổi gặp gỡ thu hút đông đảo sinh viên tham dự, các câu hỏi liên tục được đặt ra cho các doanh nghiệp Nhật Bản, những vấn đề được quan tâm nhất đó là cơ hội học tập, việc làm, mối quan hệ nghiên cứu giữa công nghiệp và trường học, việc xây dựng bản quyền phát minh của các xí nghiệp...

Kết thúc buổi gặp gỡ Ngài Thị trưởng và đoàn Doanh nghiệp Nhật Bản đã đi thăm trung tâm đào tạo Tiếng Nhật của trường. Sự giao lưu trao đổi giữa các Doanh nghiệp Nhật Bản với sinh viên trường Đại học Bách khoa hứa hẹn nhiều cơ hội hợp tác cho cả 2 bên.

### **\* BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI HOA KỲ ĐẾN THĂM TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA - ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngày 7/11/2007, phái đoàn Bộ thương mại Hoa Kỳ do Bộ trưởng Carlos Gutierrez dẫn đầu 22 doanh nghiệp đã đến thăm và nói chuyện với sinh viên trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Tham dự buổi đón tiếp có Hiệu trưởng trường đại học Bách Khoa, PGS. TS. Vũ Đình Thành, cùng toàn thể Ban Giám hiệu, giáo viên và gần 1000 sinh viên của trường.

Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh là trường Đại học duy nhất mà phái đoàn thăm và có buổi nói chuyện với sinh viên trong chuyến đi này. Trong bài nói chuyện của mình với gần 1000 sinh viên tại hội trường A5, Ngài Bộ trưởng Carlos Gutierrez đánh giá rất cao tính năng động, sáng tạo của sinh viên Việt Nam nói chung và sinh viên Đại học Bách Khoa nói riêng. Ông tin tưởng rằng những gương mặt sinh viên hôm nay chính là những nhân tố tích cực đóng góp vào sự phát triển của Việt Nam trong tương lai và mong muốn các bạn sinh viên phấn đấu học tập, trao đổi để cống hiến sức mình trong công cuộc đổi mới đất nước, đưa hình ảnh Việt Nam đến bạn bè Thế giới thông qua cách hoạt động Khoa học Kỹ Thuật và Kinh tế. Theo ông, việc tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có bền vững hay không, Việt Nam đóng góp vào nền kinh tế Thế Giới như thế nào đang nằm trong sự nỗ lực phấn đấu học

tập của các bạn trong bối cảnh hòa nhập. Ông cũng tin tưởng rằng, trong tương lai, Việt Nam sẽ là nước có sự cạnh tranh lớn đối với các nền kinh tế phát triển và Hoa Kỳ rất vui mừng khi được làm một đối tác của Việt Nam.

Sau bài phát biểu của mình, Ngài Bộ trưởng đã nhận được rất nhiều câu hỏi của các bạn sinh viên. Hầu hết những câu hỏi xoay quanh mối quan hệ thương mại song phương giữa hai nước trong tương lai, những chính sách cụ thể mà Bộ thương mại Hoa Kỳ hỗ trợ cho nền giáo dục Việt Nam đặc biệt là trong lĩnh vực Khoa học Kỹ thuật, cũng như những mối quan tâm và kỳ vọng của các nhà đầu tư Hoa Kỳ đối với thị trường Việt Nam nói chung và thị trường lao động Việt Nam nói riêng. Ngài Bộ trưởng đánh giá cao những câu hỏi thông minh và thú vị của sinh viên trường Đại học Bách Khoa. Ông cũng lý giải thêm rằng ông chọn Bách Khoa chứ không phải một trường Đại học nào khác về kinh tế, tài chính để gặp gỡ cùng sinh viên vì ông cho rằng khoa học kỹ thuật đặt nền tảng

cho sự thay đổi trong xã hội, và tất cả các nước trên thế giới đang rất quan tâm đến việc làm thế nào có được những phát minh, sáng chế để ngày càng ứng dụng vào cuộc sống tốt hơn, Bộ trưởng còn nhấn mạnh: "Nguồn gốc của sự sáng tạo là kỹ thuật. Nhiều quốc gia đã đầu tư vào lĩnh vực toán, khoa học, kỹ thuật tạo cơ sở cho sự phát triển kinh tế. Các bạn đã chọn lĩnh vực có lợi cho mình và cho đất nước". Theo bộ trưởng, bằng cách giảm rào cản thương mại, tăng cường sức mạnh của luật pháp, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, khuyến khích quản lý tốt, VN sẽ tiếp tục thu hút đầu tư quốc tế. Chính vì vậy một lần nữa ông hi vọng các bạn sinh viên hãy ý thức rõ vai trò của mình và rèn luyện thật tốt để tạo nên những chuyển biến thật sự cho Việt Nam.

Được biết, trong 30 phút nói chuyện với sinh viên Trường ĐHBách khoa TP HCM vào sáng 7-11, Bộ trưởng Thương mại Mỹ, ông Carlos M. Gutierrez, cho biết đã có cuộc nói chuyện với Đại sứ Mỹ tại VN về việc sẽ tăng cường trao đổi sinh viên giữa hai nước.

## TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

### \*XÂY DỰNG ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH SINH HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC CỦA ĐHQG-HCM VÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN



Ngày 27 tháng 09 năm 2007, PGS.TS. Phan Thanh Bình, Giám đốc ĐHQG-HCM đã có buổi làm việc với Ban Chủ nhiệm chương trình Công nghệ sinh học (CNSH) tại Trường ĐHKHTN. Tham dự buổi làm việc có Trưởng, Phó Ban KHCN ĐHQG-HCM, PGS.TS Trần Linh Thước, Phó Hiệu trưởng trường ĐHKHTN cùng các thành viên Ban Chủ nhiệm chương trình Nghiên cứu khoa học trọng điểm lĩnh vực Công nghệ sinh học ĐHQG-HCM

Nội dung cuộc họp đã đánh giá lại những yếu tố

chính trong phát triển khoa học: Lực lượng cán bộ, cơ sở vật chất và tài chính đối với Trường ĐHKHTN nói chung và ngành CNSH nói riêng; nhận định về trình độ, vị trí của ĐHQG trong lĩnh vực CNSH; xác định lại phương hướng phát triển trọng điểm của lĩnh vực CNSH; một số vấn đề liên quan đến phát triển các ngành cơ bản, PTN, ... nhằm chuẩn bị cho cuộc họp chính thức về định hướng phát triển của Trường ĐHKHTN sắp tới.

PGS.TS. Trần Linh Thước, Phó Hiệu trưởng nhà Trường, Trưởng Ban Chủ nhiệm Chương trình KHCN trọng điểm lĩnh vực CNSH (Chương trình CNSH), báo cáo tóm tắt về các định hướng phát triển chính của Chương trình CNSH giai đoạn đến năm 2010, báo cáo về cấu trúc tổ chức tổng thể của Khoa Sinh học, Trường ĐHKHTN; tình hình và định hướng phát triển nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm của Khoa Sinh học.

Các thành viên trong Ban chủ nhiệm chương trình CNSH cho ý kiến nhận định và phân tích về trình độ, vị trí của ĐHQG-HCM trong lĩnh vực CNSH so với cả nước.

Sau phiên thảo luận của cuộc họp, Giám đốc ĐHQG-HCM đã kết luận: Khoa Sinh học trường ĐHKHTN nên có một chiến lược phát triển rõ ràng,

đặt vấn đề tổ chức cấu trúc Khoa cho phù hợp với thông lệ quốc tế. Tính toán đầu tư, quy hoạch lại cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm để đáp ứng sự phát triển của lực lượng cán bộ được đào tạo ở nước ngoài sắp về, đồng thời quan tâm, tạo môi trường thuận lợi và hướng phát triển cho các cán bộ - giảng viên trẻ.

Đề nghị Khoa phối hợp với Ban chủ nhiệm chương trình đề xuất các đề tài lớn, được định hướng chuyên sâu, để ĐHQG-HCM có cơ sở đầu tư phòng thí nghiệm chuyên sâu. Để phát huy thế mạnh của lĩnh vực CNSH, cần có sự bàn bạc, phối hợp tốt giữa hai trường ĐHKHTN và ĐHBách khoa trong hệ thống ĐHQG-HCM.

ĐHQG-HCM định hướng xây dựng khu PTN cao cấp tại Khu quy hoạch Thủ Đức - Dĩ An để hỗ trợ NCKH cho tất cả các đơn vị thành viên và trực thuộc.

### **\* HỘI ĐỒNG KHOA HỌC ĐÁNH GIÁ CÁC KẾT QUẢ CỦA HƯỚNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ TẾ BÀO GỐC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐHQG-HCM**



Ngày 13-10-2007, ĐHQG-HCM đã tổ chức buổi họp đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học hướng nghiên cứu Tế bào gốc và đóng góp ý kiến về định hướng, kế hoạch phát triển các nghiên cứu kế tiếp của PTN Công nghệ sinh học phân tử trường ĐHKHTN ĐHQG-HCM.

Căn cứ Quyết định số 1033/QĐ-ĐHQG-KHCN thành lập Hội đồng khoa học do Giám đốc ĐHQG-HCM ký ngày 8/10/2007, Hội đồng khoa học gồm các nhà khoa học đầu ngành về lĩnh vực sinh học, y học: GS.TSKHPạm Mạnh Hùng, P.Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương làm Chủ tịch- Chủ nhiệm chương trình Tế bào gốc, các ủy viên phản biện là GS.TS Trương Đình Kiệt, trường ĐHY Dược Tp.HCM, TS.Lê Văn Đông, Học viện Quân y Hà Nội và các ủy viên đến từ Trường

ĐHKHTN ĐHQG Hà Nội (GSTS Nguyễn Mộng Hùng), Bệnh viện truyền máu huyết học Tp.HCM (GS Nguyễn Văn Bé), Viện Trưởng Viện Sinh học nhiệt đới TSHoàng Nghĩa Sơn, bệnh viện phụ sản Từ Dũ (ThSBS Hồ Mạnh Tường), trường ĐHKHTN, PGSTS Trần Linh Thuộc, cùng với sự có mặt của đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Y tế Tp.HCM, Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ Tp.HCM, Giám đốc Trung tâm Công nghệ Sinh học TPHCM, đại diện Bệnh viện Quân y 175, Viện VSYTCC-Bộ Y tế, LH các Hội KHKT Tp.HCM, Ban KHCN ĐHQG-HCM, trường ĐHBK ĐHQG-HCM... để đánh giá các hoạt động, các kết quả nghiên cứu về lĩnh vực Tế bào gốc và ứng dụng Tế bào gốc do nhóm nghiên cứu của ThS Phan Kim Ngọc thực hiện.

ThS Phan Kim Ngọc, phụ trách Phòng PTN CNSHPT - Công nghệ sinh học động vật (Lab.C) đã trình bày trước Hội đồng một số quy trình thu nhận, nuôi cấy, bảo quản, kích thích biệt hóa tế bào gốc người và động vật tại PTN CNSHPT trường ĐHKHTN ĐHQG-HCM được triển khai thực hiện nghiên cứu từ năm 2000 cho đến nay cùng một số kết quả nghiên cứu trên động vật và người. Báo cáo đã trình bày mục tiêu; nội dung và phương pháp nghiên cứu; khả năng ứng dụng, kết quả triển khai của công nghệ tế bào gốc vào thực tiễn. Trong thời gian tiếp cận và triển khai nghiên cứu tế bào gốc thực hiện tại Lab.C, nhóm nghiên cứu đã có 63 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí, hội nghị trong và ngoài nước, 3 bài báo đang chờ phản biện. Hướng dẫn thành công 15 luận văn thạc sỹ, đang triển khai hướng dẫn 7 đề tài nghiên cứu sinh, 23 đề tài cao học, Từ năm 2001 đến nay, nhóm đã hướng dẫn thành công 132 đề tài khóa luận cử nhân hướng công nghệ tế bào động vật tại Lab.C. Các đề tài NCKH liên quan đã và đang thực hiện: 2/3 đề tài cấp nhà nước), 6/9 đề tài cấp thành phố, 2/3 đề tài cấp Bộ đã được nghiệm thu xuất sắc. 2 đề tài trọng điểm cấp ĐHQG, 2 đề tài trọng điểm trường ĐHSP, 11 đề tài cấp cơ sở, 2 đề tài cấp Bộ và 3 đề tài cấp TP. Đã gửi đi đào tạo tiến sĩ nước ngoài 24 người và chuẩn bị cho kế hoạch đào tạo 2008 là 2 người.

Cách đây 02 năm, thầy và trò PTN CNSHPT đã thành công trong việc thụ tinh trong ống nghiệm đối với người và động vật. Gần đây họ đã thiết lập các quy trình thu nhận và khai thác tế bào phôi cũng như tế bào cơ thể trưởng thành. Đã nuôi cấy, biệt hóa trong PTN và cả trong cơ thể sống các TBG của người và động vật. Không dừng lại ở nghiên cứu, PTN đã mạnh dạn và sáng tạo đưa các ứng dụng của tế bào gốc vào y

học. Đã phân tách và nuôi cấy tế bào giác mạc để chọn lọc các TBG và ngày 17/9 vừa qua đã kết hợp với Bệnh viện Mắt TP HCM thực hiện thành công ca ghép đầu tiên nhằm tái tạo giác mạc cho bệnh nhân khiếm thị. Phối hợp với QYV 175, trong tháng 12 tới sẽ dùng TBG da để ghép và tái tạo mô da cho bệnh nhân bị bỏng. Hiện đã thu nhận và biệt hóa được TBG từ tủy xương và từ máu cuống rốn thành tế bào có khả năng tiết insulin. Bước kế tiếp là nghiên cứu đưa các TBG này vào cơ thể bệnh nhân bị tiểu đường để trị bệnh tiểu đường.

Nhận xét đánh giá về kết quả nghiên cứu Tế bào gốc của củanhóm ThSPhanKimNgọc,Hội đồng khoa học đã đi đến kết luận:

1. Khẳng định hướng nghiên cứu tế bào gốc vừa qua của nhóm ThS. Phan Kim Ngọc là đúng, các đề tài khoa học thực hiện đạt chất lượng cơ bản và hoàn chỉnh, lần đầu tiên được thực hiện một cách bài bản và lâu dài trong nghiên cứu tế bào gốc ở Việt Nam. Hội đồng thực sự đánh giá cao các kết quả và hiệu quả nghiên cứu của nhóm thời gian qua cả về chất và về lượng: nhóm đã hoàn thành một khối lượng công việc lớn trong khoảng thời gian không dài và điều kiện trang thiết bị chưa đầy đủ.

2. Về ý nghĩa thực tiễn, khả năng ứng dụng chuyển giao công nghệ của các kết quả nghiên cứu đã tạo được các giá trị thực tế đáng trân trọng. Các nghiên cứu vừa qua gắn liền với thực tiễn, xác định được hướng đi và chiến lược phát triển đúng đắn kết hợp nghiên cứu với ứng dụng vào thực tế nông nghiệp và y tế, tích hợp được nguồn thông tin phong phú,

bổ ích, có thể thực hiện chuyển giao kiến thức, chuyển giao kỹ thuật trong lĩnh vực TBG

3. Về kết quả đào tạo: Đã gắn kết giữa NCKH và đào tạo về Công nghệ sinh học rất tốt, không chỉ đào tạo nguồn nhân lực cho PTN, mà còn đào tạo ĐH, SĐH cho trường và cho các đơn vị khác; nghiên cứu khoa học đã thực sự gắn với đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, và ngược lại đào tạo đã hỗ trợ cho nghiên cứu rất lớn; chất lượng đào tạo được nâng lên nhờ các thao tác kỹ thuật tại PTN, đây thực sự là hướng phát triển tốt của một đại học nghiên cứu.

4. Tiếp tục phát triển nghiên cứu chuyên sâu theo định hướng đã có là hướng đi đúng đắn, đây là hướng NC tiềm năng và sự đầu tư cho hướng NC này là cần thiết và khả thi vì ở đây có lực lượng khoa học trẻ, say mê NCKH và có tinh thần làm việc nhóm hiệu quả.

Hội đồng đã đưa ra một số góp ý cho nhóm cần kết thúc giai đoạn nghiên cứu rộng, đầu tư nghiên cứu chuyên sâu theo hướng lâu dài; cần quốc tế hóa tiêu chuẩn TBG để sớm công bố quy trình chuẩn hóa mang tính pháp lý cho nghiên cứu; cần nhắc vấn đề áp dụng cho người; xem xét tính bền vững của học thuật; xem xét vấn đề an toàn sinh học và sở hữu trí tuệ.

Hội đồng khoa học kiến nghị cần có chế độ khen thưởng xứng đáng cho Ths Phan Kim Ngọc và nhóm nghiên cứu; đề nghị ĐHQG-HCM xem xét cho ThS Phan Kim Ngọc bảo vệ luận án tiến sĩ trên cơ sở tổng hợp những kết quả đã hoàn thành; kiến nghị Bộ KHCN, Bộ KHĐT, ĐHQG-HCM cùng Sở KH&CN TP.HCM kịp thời đầu tư xây dựng PTN Công nghệ Tế bào gốc tại ĐHQG-HCM.

## TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHXH & NV

### \* HỘI THẢO QUỐC TẾ "XÂY DỰNG CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG SỐNG ĐÔ THỊ Ở CÁC NƯỚC CHÂU Á"

Trong hai ngày 11/10-12/10/2007, tại Hội trường Sở Văn hóa thông tin TPHCM, Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Đô thị và Cộng đồng (CUCD), Trường ĐH KHXH & NV- ĐHQG-HCM phối hợp cùng Trung tâm Nghiên cứu Chất lượng sống (CQOLS), Trường Đại học Vũ Hán, Trung Quốc đã tổ chức thành công hội thảo quốc tế "Xây dựng các chỉ số đo lường chất lượng sống đô thị ở các nước Châu Á".

Hội thảo thu hút sự tham gia của các giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ đến từ các nước Trung Quốc, Thái Lan, Philippines, Singapore, giảng viên và nghiên cứu

viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh của các Trường đại học và các Viện, Trung tâm nghiên cứu tại TPHCM và các tỉnh.

Các báo cáo chính trong hội thảo tạo nhận được nhiều sự quan tâm của các tham dự viên là "Mục tiêu hướng đến của phát triển đô thị" (PGS.TS. Nguyễn Minh Hoà, Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG-HCM), "Hoạt động kinh tế, phát triển xã hội và chất lượng sống ở Trung Quốc trong xã hội chuyển đổi: Tiếp cận từ mục tiêu phát triển thiên niên kỷ" (GS. Changcheng Zhou, Trường ĐH Vũ Hán, Trung Quốc), "Phát triển chỉ số chất lượng sống: Bài học kinh nghiệm từ Singapore" (GS. Tan En Ser, Đại học quốc gia Singapore); "Tái đánh giá tính bền vững qua các vấn đề về chất lượng sống,

bên lễ xã hội và quyền lực ở Manila"(GS.Emma Porio, Trường ĐH Ateneo De Manila, Philippines)... Trong ngày làm việc thứ hai, các tham dự viên đã thực hiện chuyến tham quan thực tế tại khu dân cư Phú Mỹ Hưng (TPHCM).

**\* HỘI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐHKHXH&NV TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH HOA VIỆT NAM TẠI KÝ TÚC XÁ**



Tối 18/10/2007, Hội sinh viên Trường Đại học Khoa

học Xã hội và Nhân văn ĐHQG-HCM phối hợp với Trung tâm Quản lý Ký túc xá tổ chức chương trình văn nghệ " Hoa Việt Nam" nhân ngày chào mừng ngày Phụ Nữ Việt Nam 20/10 với sự tham gia của hơn 3.000 sinh viên trong và ngoài Ký túc xá.

" Hoa Việt Nam" tôn vinh những giá trị, những đóng góp của người mẹ, người phụ nữ, của các bạn gái trẻ là nơi gặp gỡ giao lưu học hỏi kinh nghiệm những tấm gương nữ tiêu biểu biết vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống của Trường ĐHKHXH&NV qua các thời kỳ.

Trong dịp này, Hội sinh viên Trường đã trao 15 suất học bổng "Dấu Ấn Nhân Văn" cho 15 sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, học giỏi với tổng trị giá 15.000.000 đồng. Trao Kỷ niệm chương, giấy chứng nhận cho 5 sinh viên đạt danh hiệu "Trái tim hồng" trong phong trào tình nguyện của trường trong năm học 2006-2007.

Việc tổ chức chương trình " Hoa Việt Nam" thành công tạo thêm một sân chơi cho Ký túc xá đồng thời là dịp giúp sinh viên hiểu đầy đủ về những giá trị mà người phụ nữ mang lại cho cuộc sống.

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**\*GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐHQG-HCM LIÊN KẾT VỚI VIỆN ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ (BRITISH COLUMBIA, VANCOUVER, CANADA) BCIT, CANCOUVER-CANADA**



Sáng ngày 8/10/2007, Trường Đại học CNTT - ĐHQG-HCM phối hợp với Viện Đại học Công nghệ thông tin BCIT - Canada đã tổ chức buổi giới thiệu Chương trình đào tạo Cử nhân Công nghệ thông tin (Bachelor of technology in Computer Systems).

Viện ĐHCông nghệ Thông tin là Viện ĐHLớn nhất BangBritish Columbia, Canada, ra đời năm 1964. Viện có 6 khu giảng dạy lớn, hiện có khoảng 2000 cán bộ giảng dạy và có khoảng 50.000 sinh viên đang theo học (cả sinh viên học bán phần), là một trung tâm khoa học, giáo dục, công nghệ, thương mại lớn thứ 3 của Canada. Các chương trình đào tạo của BCIT nhằm mục tiêu đào tạo có định hướng nghề nghiệp chất lượng cao và nổi tiếng thế giới.

Mục tiêu của chương trình là đào tạo Cử nhân Công nghệ thông tin có khả năng phân tích, thiết kế và xây dựng phần mềm bằng chương trình đào tạo tiến tiến của Viện Đại học Công nghệ BCIT, British Columbia, Canada. Phát triển khả năng giao tiếp, kỹ năng làm việc theo nhóm theo yêu cầu của kỹ nghệ phần mềm. Sinh viên theo học chương trình được chuẩn bị tốt về khả năng Anh ngữ.

Ưu điểm nổi bật của Chương trình liên kết đào tạo Cử nhân CNTT: đào tạo theo chương trình tiến tiến, giảng viên giỏi đến từ các quốc gia trên thế giới, môi trường học tập thuận lợi, tài chính cho suốt khóa học rẻ hơn so với các chương trình liên kết khác, sinh viên học 2 năm trong nước được coi là sinh viên trường

ĐHCNTT, điều kiện chuyển tiếp sang học tại Viện ĐH CNTT - BCIT (Canada).

Chương trình đào tạo bao gồm 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 học tại Trường ĐH Công nghệ Thông tin ĐHQG-HCM thời gian là 2 năm, sinh viên phải trải qua 4 học kỳ bằng chương trình và tài liệu của Canada và hoàn tất tối thiểu 25 tín chỉ và được cấp bằng Diploma of Technology in Computer System của Viện Đại học BCIT, Canada có giá trị quốc tế. Trong chương trình 2 năm học tại Việt Nam sinh viên được hỗ trợ tăng cường tiếng Anh. Giai đoạn 2 bao gồm 4 học kỳ và thời gian học là 2 năm. Sinh viên đủ điều kiện về chuyên môn tốt nghiệp giai đoạn 1, TOEFL 550 hoặc IELTS 5.5 và điều kiện về tài chính sẽ được chuyển tiếp học 2 năm tiếp theo tại BCIT, Canada. Học viên tốt nghiệp được cấp bằng Bachelor of technology in Computer Systems của Viện Đại học BCIT, Canada có giá trị quốc tế.

Chương trình khai giảng vào ngày 15/10/2007 tại Trung tâm Phát triển CNTT, trường ĐHCNTT, 34 Trương Định, Q3, Tp. Hồ Chí Minh.

### \* TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐHQG-HCM TỔ CHỨC NGÀY HỘI HƯỚNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Ngày 04-11-2007, Trường Đại học Công nghệ Thông tin phối hợp với tập đoàn Nguyễn Hoàng tổ chức Ngày hội Hướng nghiệp Công nghệ Thông tin tại 80 Nguyễn Thị Minh Khai, Q1 Tp.HCM.

GS.TSKH Hoàng Kiếm, Hiệu trưởng trường ĐHCNTT, Ông Hoàng Quốc Việt, TGĐ tập đoàn Nguyễn Hoàng, GS.TS Vương Thanh Sơn, Viện ĐH công nghệ BCIT-Cannada, đại diện của SIBME-Singapore đã đến dự và thuyết trình.

Nhằm định hướng cho các bạn trẻ, đặc biệt là học sinh, sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của ngành Công nghệ thông tin đối với học tập cũng như mở ra nhiều cơ hội nghề nghiệp trong tương lai. Ngày hội CNTT đã giới thiệu đến các học sinh, sinh viên và những người yêu thích lĩnh vực công nghệ thông tin cơ hội được tìm hiểu các chương trình đào tạo CNTT dành cho các đối tượng khác nhau của trường ĐH Công nghệ Thông tin và Công ty Nguyễn Hoàng, các chương trình liên kết đào tạo quốc tế của trường ĐH Công nghệ Thông tin với Viện Đại học Công nghệ BCIT, Vancouver, Canada; SIBME Singapore như: Bác sĩ máy tính của Công ty Nguyễn Hoàng; Kỹ thuật viên CNTT của TT Phát triển CNTT trường ĐHCNTT về các ngành Quản trị mạng và An ninh bảo mật mạng, Tin học kế toán và Quản trị; Đồ họa Đa truyền thông, Công nghệ phần mềm...; Kỹ thuật viên Kỹ thuật máy tính của TT Điện tử máy tính; các chương trình đào tạo ngắn hạn về CNTT của TT Công nghệ phần mềm, TT Mạng máy tính và truyền thông, TT Sáng tạo Microsoft; chương trình đào tạo cử nhân CNTT qua mạng; các chương trình liên kết quốc tế bán đại học cử nhân CNTT chuyên ngành Công nghệ máy tính của Canada và Singapore...

Ngày hội hướng nghiệp CNTT đã thu hút sự quan tâm của gần 300 phụ huynh và bạn trẻ yêu thích CNTT, đặc biệt là những bạn trẻ muốn lựa chọn Công nghệ thông tin như một nghề nghiệp chính của mình trong tương lai đến tham quan, giao lưu và tìm hiểu về xu hướng nghề nghiệp CNTT trong thời đại mới. Đây là một hoạt động thiết thực và bổ ích nằm trong định hướng chiến lược phát triển ngành công nghệ thông tin của Trường ĐHCNTT ĐHQG-HCM nhằm góp phần tìm kiếm, phát triển, bồi dưỡng và đào tạo nguồn nhân lực CNTT cung cấp cho sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước trong thời kỳ hội nhập.

MINH LAN

## K H O A K I N H T É

### SINH VIÊN KHOA KINH TẾ - ĐHQG-HCM ĐOẠT GIẢI NHẤT CUỘC THI "SINH VIÊN KHỞI NGHIỆP - 2007"

Với dự án "Mô hình công ty cổ phần Hồn Đất", chủ

yếu về sản phẩm Gốm đất đỏ Vinh Long, ba cô gái Phạm Thị Thu Hiền, Hoàng Thị Mai Khánh và Lâm Thị Bảo Trân đến từ khoa Kinh Tế - ĐHQG TP HCM đã giành giải nhất cuộc thi "Sinh Viên Khởi Nghiệp" 2007, trong

vòng chung kết chiều 4-10-2007. Cuộc thi "Sinh Viên Khởi Nghiệp" lần 5 do báo Diễn Đàn Doanh Nghiệp phối hợp với Trung Tâm Thông Tin Kinh Tế Bộ Ngoại Giao tổ chức đã thu hút gần 150 dự án của sinh viên các trường ĐH, CĐ trên cả nước tham gia. 3 dự án kinh tế được lọt vào vòng chung kết là: "Công ty cổ phần Hồn đất", "Phát triển ánh sáng Hào Quang" và "Hệ thống Quán cam".



## ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

### \*PHÓ THỦ TƯỚNG NGUYỄN THIỆN NHÂN: ĐẨY MẠNH THỬ NGHIỆM MÔ HÌNH MỚI VỀ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN



Chiều 9/11/2007, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Nguyễn Thiện Nhân đã thăm và làm việc tại Khoa Sư phạm - ĐHQGHN để tìm hiểu về mô hình đào tạo giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục mới mà Khoa đang áp dụng thử nghiệm, bước đầu được xã hội thừa nhận và đánh giá cao.

Cùng dự buổi làm việc có đại diện một số Vụ, Viện trực thuộc Bộ Giáo dục & Đào tạo; về phía ĐHQGHN có GS.TS Mai Trọng Nhuận - Giám đốc, các Phó giám đốc ĐHQGHN: GS.TSKH Vũ Minh Giang, PGS.TS Phạm Trọng Quát cùng lãnh đạo một số trường thành viên, văn phòng và các ban chức năng.

PGS.TS Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Chủ nhiệm Khoa Sư phạm - ĐHQGHN đã báo cáo với Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Giáo dục & Đào tạo một số thông tin khái quát về Khoa và mô hình đào tạo giáo viên của Việt Nam. Hiện nay, cả nước có 123 cơ sở đào tạo giáo viên là các khoa, trường và viện. Hầu hết các cơ sở đào tạo theo mô hình khép kín, nghĩa là sinh viên được học tập kiến thức khoa học cơ bản song song với kiến thức nghiệp vụ sư phạm, giáo dục. Chỉ duy nhất có Khoa Sư phạm - ĐHQGHN đang thử nghiệm mô hình mở:

đào tạo giáo viên theo mô hình kết tiếp - sinh viên được đào tạo kiến thức cơ bản trong 3 năm đầu tại các trường thành viên của ĐHQGHN và 1 năm cuối trang bị kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm và khoa học giáo dục tại Khoa Sư phạm. Đây là mô hình đào tạo giáo viên mới ở nước ta nhưng thực tế đã rất thành công ở các nước châu Âu và một số quốc gia có nền giáo dục phát triển. Mô hình liên kết này chỉ có thể tiến hành thuận lợi và phát huy hiệu quả tốt nhất nếu các ngành đào tạo trên được cùng tổ chức thực hiện trong một đại học đa ngành, đa lĩnh vực.

Khoa Sư phạm - ĐHQGHN hiện đã có 853 sinh viên tốt nghiệp, trong đó 532 em có việc làm, 121 cử nhân học tiếp lên cao học, 405 cử nhân tốt nghiệp tại Khoa Sư phạm - ĐHQGHN được dạy ở các trường phổ thông, 80 cử nhân dạy trường chuyên và trường trọng điểm, 45 cử nhân sư phạm được dạy tại các trường đại học và cao đẳng. Sinh viên tốt nghiệp của khoa được đánh giá là có năng lực chuyên môn tốt, nhiệt tình, năng động và có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Đặc biệt, mô hình đào tạo của Khoa Sư phạm được đánh giá cao trong hệ thống trường đại học quốc tế vì mô hình này phù hợp với thông lệ quốc tế về đào tạo giáo viên và sự năng động của đội ngũ quản lý. Khoa có tới 5 chương trình đào tạo liên kết chất lượng cao trình độ sau đại học với các trường quốc tế. Hiện nay, việc nâng cấp Khoa Sư phạm thành Trường Đại học Giáo dục đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý về nguyên tắc và ĐHQGHN đang tích cực chuẩn bị hoàn thiện các thủ tục tiếp theo.

Phát biểu tại buổi làm việc, Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân hoan nghênh, biểu dương tinh thần chủ động, sáng tạo của Khoa Sư phạm - ĐHQGHN trong việc quyết tâm đẩy mạnh thử nghiệm một mô hình đào tạo giáo viên mới ở nước ta. Phó Thủ tướng nhấn mạnh: Suy cho cùng chất lượng đào tạo là yếu tố quyết định sự thành công của mô hình. Vì vậy, Khoa Sư phạm



- ĐHQGHN và Bộ Giáo dục & Đào tạo cần có sự tổng kết đánh giá lại chất lượng sản phẩm đào tạo để từ đó phát huy hơn nữa những ưu điểm của mô hình đào tạo giáo viên mới này. Phó Thủ tướng đề nghị: Là một cơ sở đào tạo trình độ cao, Khoa Sư phạm - ĐHQGHN cần đặc biệt chú ý nâng cao chất lượng, giá trị khoa học của các công trình nghiên cứu, của các luận án tiến sĩ. Làm sao để mỗi luận án tiến sĩ chuyên ngành quản lý giáo dục phải góp phần giải quyết những vấn đề bức xúc đang đặt ra trong thực tiễn giáo dục nước ta hiện nay, ví dụ như: bồi dưỡng để đổi mới phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giáo viên phổ thông; cơ cấu quản lý mạng lưới trường cao đẳng, đại học,...

**NGỌC DIỆP**

**\* HỘI THẢO KHOA HỌC "QUAN HỆ VIỆT - NGA: QUÁ KHỨ VÀ HIỆN TẠI"**



Đã 90 năm trôi qua kể từ ngày Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi (1917 - 2007) nhưng tư tưởng hoà bình, tự do, thấm đượm tính nhân văn nhằm giải phóng nhân loại cần lao khỏi mọi áp bức bóc lột của cuộc cách mạng này vẫn còn nguyên giá trị thời đại.

Trên nền tảng thắng lợi của Cách mạng tháng Mười, Liên Xô đã phát triển thành một quốc gia hùng cường bậc nhất thế giới, đã tiến hành cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại và cùng với các lực lượng đồng minh, giải phóng châu Âu và thế giới thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa phát xít trong những năm chiến tranh Thế giới thứ hai. Thắng lợi của Liên Xô và phe Đồng minh trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đã tạo điều kiện cho hàng loạt các nước thuộc địa trên thế giới trong đó có Việt Nam vùng lên giành độc lập, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử nhân loại - kỷ nguyên hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Trong cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược giành độc lập, Việt Nam đã nhận được sự giúp đỡ to lớn về cả vật chất và tinh thần của chính phủ và nhân dân Liên Xô. Cho đến nay, quan hệ Việt - Nga vẫn là tài sản vô cùng quý báu mà Chính phủ và nhân dân hai nước cần gìn giữ, xây dựng và phát triển vì lợi ích của nhân dân hai nước, của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và thế giới.

Với ý nghĩa đó, ngày 2/11/2007, Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQGHN tổ chức Hội thảo khoa học "Quan hệ Việt - Nga: quá khứ và hiện tại" nhằm nhận diện toàn diện và đầy đủ, sâu sắc hơn về mối quan hệ Việt - Nga, nhất là trong vòng 90 năm qua từ sau Cách mạng tháng Mười đến nay. Nhìn lại quá khứ để hướng tới tương lai, trên tinh thần trân trọng các giá trị của truyền thống và lịch sử, dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, các tham luận đã cung cấp nhiều tư liệu mới, những hiểu biết mới để có những định hướng đúng đắn, chiến lược cho sự phát triển mối quan hệ hợp tác và đối tác chiến lược, vì cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc của nhân dân hai nước và hai dân tộc Việt - Nga trong thế kỷ XXI.

Hội thảo thu hút trên 60 tham luận của các chuyên gia, các nhà khoa học đến từ Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Lịch sử Quân sự, Cục Văn thư lưu trữ Nhà nước, Trung tâm lưu trữ Quốc gia III...

Hội thảo chia làm hai tiểu ban. Tiểu ban 1: Quan hệ Việt - Nga: những vấn đề lịch sử và văn hoá. Tiểu ban 2: Triết học Xô viết và tác động đến Việt Nam.

Tại tiểu ban 1, các báo cáo tập trung làm rõ mối quan hệ lịch sử Việt - Nga qua từng mốc lịch sử, từ cách mạng tháng Mười cho đến những năm đầu của thế kỷ XXI; những ảnh hưởng, những dấu ấn của lịch sử và văn hoá, văn học Nga đối với Việt Nam, vị thế của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Liên Xô đối với Đông Á... tiếp cận ở nhiều nguồn tư liệu và trên nhiều lĩnh vực xã hội khác nhau.

Tại tiểu ban 2, các báo cáo tập trung phân tích đặc trưng, bản chất, những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê nin; ảnh hưởng của Triết học Mác Lê nin đối với cách mạng Việt Nam và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tư tưởng dân chủ của V.I. Lê nin và ý nghĩa của nó trong thực hiện dân chủ ở Việt Nam hiện nay; bài học về xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ quan điểm của Lê nin về Đảng kiểu mới; logic học Xô viết, một số thành tựu và những vấn đề đặt

ra trong nghiên cứu và dạy học logic ở Việt Nam thời kỳ đổi mới...

**NGUYỄN LÊ DUY ANH - THU HƯỜNG**

**\* SẢN PHẨM MRTEST ĐOẠT CÚP BẠC TẠI GIẢI CÚP VÀNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG NĂM 2007**



*Thư trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Vũ Đức Đam trao giải cho đại diện của nhóm tác giả.*

Từ nhiều năm nay, giải thưởng Cúp Vàng Công nghệ Thông tin và Truyền thông của Hội Tin học Việt Nam đã tạo được tiếng vang và uy tín trong xã hội và giới IT. Giải được tổ chức thường niên, trong khuôn khổ tuần lễ tin học mỗi năm.

Năm 2007, giải được trao cho 7 lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực phần mềm với hai cúp dành cho 01 sản phẩm phần mềm cấp ngành xuất sắc và 01 phần mềm đóng gói & thương phẩm xuất sắc.

Ngày 25/10/2007, lễ trao giải Cúp Vàng Công nghệ Thông tin và Truyền thông đã được tổ chức trọng thể tại Khách sạn Horizon với sự hiện diện của lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông cùng giới báo chí.

Phần mềm MRTEST của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Phần mềm, Trường ĐHCN - ĐHQGHN thêm một lần nữa được tôn vinh và nhận Cúp Bạc cho lĩnh vực phần mềm. MRTEST đã từng được nhận giải Sáng tạo Khoa học Công nghệ Việt Nam năm 2002, giải nhất cuộc thi Nhân tài Đất Việt năm 2006. MRTEST đã được phát hành rộng rãi và được các cơ sở giáo dục đánh giá cao.

**THANH NHÂN - Đ.K.Q**

**\* ENGLISH FESTIVAL 2007 TRƯỜNG ĐHKHTN**

Ngày 27/10/2007, Đoàn TNCS HCM Trường ĐHKHTN đã tổ chức Festival tiếng Anh HS-SV năm 2007.

Festival lần này nhằm tổng kết Cuộc thi Olympic



Tiếng Anh HS-SV Trường ĐHKHTN lần thứ V, đồng thời tạo điều kiện cho HS-SV gặp gỡ, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm học Tiếng Anh và tăng cường hiểu biết lẫn nhau, nâng cao khả năng hội nhập quốc tế.

Là cuộc thi được thể hiện theo hình thức sân khấu hóa, Festival đã thu hút 12 đội thi đại diện cho 12 liên chi đoàn tham gia. Trải qua 3 vòng thi: Trả lời câu hỏi; Tiểu phẩm và Hùng biện (hoàn toàn bằng tiếng Anh), các đội đã đem đến những ý tưởng, sự trình bày, phong cách thể hiện thật xuất sắc và đa dạng...

Kết thúc cuộc thi, Ban tổ chức đã trao các giải thưởng:

- Giải nhất: Khối THPT Chuyên Lý
- Giải nhì: Khoa Khí tượng - Thủy văn - Hải dương học
- Giải ba: Khoa Địa lý
- 4 giải khuyến khích: Khối THPT Chuyên Hóa học, Khoa Toán - Cơ - Tin học; Khoa Hóa học; Khoa Vật lý

Cùng với các đội đạt giải lần này, BTC cũng đã trao giải cho 15 thí sinh xuất sắc của vòng thi viết (đã được tổ chức vào tháng 1/2007).

**VŨ BÁCH**

**Thạc sỹ Trần Cao Bội Ngọc...**

*(Tiếp theo trang 14)*

*\* Với không khí háo hức chào đón Ngày Nhà giáo Việt Nam, cảm xúc của cô lúc này ra sao?*

- Nhiều năm đứng trên bục giảng nhưng mỗi năm đến ngày này lòng tôi luôn có cảm giác chân hoan, nao nức như những ngày đầu tiên. Thật hạnh phúc khi nhìn thấy các thế hệ sinh viên trưởng thành đã và đang có những đóng góp tích cực cho xã hội. Nhiều bạn sinh viên cũng trở thành giảng viên, tiếp tục gắn bó với công việc giảng dạy. Được làm việc trong môi trường Trường ĐHKHXH&NV, với tôi, là một điều hết sức may mắn. Tôi luôn tìm thấy sự thân mật, chia sẻ, nguồn động viên từ những người xung quanh, từ các cấp lãnh đạo và sự hợp tác của các đồng nghiệp. Xin mến gửi lời chúc mừng chân thành đến các đồng nghiệp của tôi nhân Ngày nhà giáo Việt Nam.



CHÙA MỘT CỘT

**giảm**  
**5%**

**Cơ hội lớn !!!!**

Từ **1/10/2007** đến **31/12/2007**

Khi mua bất kỳ sản phẩm KYMDAN nào,  
bạn đều được giảm giá 5%  
trên giá bán lẻ

**Đặc biệt**

TRẢ GÓP  
Lãi suất

**0%**

Mọi chi tiết xin liên hệ: **Công ty KYMDAN**

+84 (8) 861 9999

+84 (8) 975 0719

+84 (8) 975 0720



*Chăm sóc sức khỏe của bạn từ giấc ngủ!*



Thành viên Hiệp Hội  
Ngành Công Nghiệp  
Hàng Nội Thất Australia



Chứng nhận đạt tiêu chuẩn sinh thái  
và Khả năng kháng cháy do  
Viện ECO (CHLB Đức) cấp



Chứng nhận không tích hợp  
chưa còn trùng lặp



Chứng nhận sản phẩm kháng cháy  
do Cục nội thất và cách nhiệt  
Bang California, Hoa Kỳ cấp



Giải thưởng sáng tạo WIPPO  
của tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới  
thuộc Liên Hiệp Quốc



Chứng nhận sản phẩm  
Công Nghiệp Chủ Lực  
Thành Phố Hồ Chí Minh



Chứng nhận đạt tiêu chuẩn  
trách nhiệm xã hội SA 8000-2001



Chứng nhận phù hợp hệ thống quản lý chất lượng  
ISO 9001-2000 do QUACERT và BUREAU VERITAS  
Certification cấp



Chứng nhận phù hợp hệ thống quản lý chất lượng  
ISO 9001-2000 do BUREAU VERITAS  
Certification cấp



Chứng nhận  
Phòng Thí Nghiệm  
phù hợp bộ tiêu chuẩn  
ISO/IEC 17025